ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304765811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/11/2026)

(Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006, được điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/06/2026)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 774/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2026.)

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 Fax: (+84) 28 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3823 3301 Fax: (+84) 28 3823 3299

Website: www.hsc.com.vn

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày: 23/11/2026 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

Địa chỉ: Số 23 A-B đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7307 6966 Fax: (+84) 28 6283 8666

Website: www.hdbs.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Hà Quỳnh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (+84) 28 7307 6966

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304765811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/11/2026)

(Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006, được điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/06/2026)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 VND (*Mười nghìn đồng*)/cổ phiếu
Giá chào bán	:	38.900 VND (*Ba mươi tám nghìn chín trăm đồng*)/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	121.785.476 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu*) cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	1.217.854.760.000 VND (*Một nghìn hai trăm mười bảy tỷ, tám trăm năm mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: **Không có**

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 Fax: (+84) 28 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 Fax: (+84) 28 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3823 3301 Fax: (+84) 28 3823 3299

Website: www.hsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

CÔNG TY TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 29 Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7105 0000

Website: www.deloitte.com/southeast-asia/en/about/vietnam

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP VÀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7105 0000

Website: www.deloitte.com/southeast-asia/en/about/vietnam

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5
1. Tổ Chức Phát Hành 5
2. Tổ Chức Tư Vấn 5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5
1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro về luật pháp 9
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro về đợt chào bán 16
5. Rủi ro pha loãng 16
6. Rủi ro quản trị công ty 17
7. Rủi ro khác 18
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT 19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 21
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 21
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 25
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 43
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 44
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác 50
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 50
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 51
10. Hoạt động kinh doanh 51
11. Chính sách đối với người lao động 85
12. Chính sách cổ tức 86
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành 87
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 87
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 90
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 91
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 91
2. Tình hình tài chính 94
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành 106
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 107

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 112
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 112
2. Thông tin về cổ đông lớn 112
3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 114
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 128
1. Loại cổ phiếu 128
2. Mệnh giá cổ phiếu 128
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 128
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 128
5. Giá chào bán dự kiến 128
6. Phương pháp tính giá 128
7. Phương thức phân phối 131
8. Đăng ký mua cổ phiếu 132
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 134
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng 135
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 135
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 135
13. Hủy bỏ đợt chào bán 135
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 136
15. Các loại thuế có liên quan 136
16. Thông tin về các cam kết 137
17. Thông tin về kế hoạch đăng ký niêm yết 139
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 141
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 141
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 142
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 144
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 145
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH), TỔ CHỨC TƯ VẤN 146
XIII. PHỤ LỤC 147

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("HDS", "Công Ty", "Tổ Chức Phát Hành")

Vũ Hữu Điền	–	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Hà Quỳnh	–	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Huyền	–	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("SSI")

Đại diện được ủy quyền: **Nguyễn Thị Thanh Hà** Chức vụ: Giám đốc Tài chính

(Theo Giấy ủy quyền số 10/2025/UQ-SSI ngày 01/08/2025 do Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật của SSI uỷ quyền cho Nguyễn Đức Thông – Tổng Giám đốc SSI; và Giấy ủy quyền số 27/2025/UQ-SSI ngày 01/08/2025 do Nguyễn Đức Thông ủy quyền cho Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính SSI)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn số HD_NHDT-HO/IPO/[1111A]/2025 ngày 11/11/2025 với Công ty Cổ phần Chứng khoán HD. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chứng khoán HD cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Bên cạnh các thông tin đã được trình bày tại các phần khác của Bản cáo bạch này, Nhà đầu tư khi cân nhắc việc mua cổ phiếu của HDS cần thận trọng đánh giá các yếu tố rủi ro nêu dưới đây. Việc một hoặc nhiều rủi ro này phát sinh có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của HDS; đồng thời có thể tác động tiêu cực đến đợt chào bán, mức giá chào bán cổ phiếu và kế hoạch sử dụng vốn thu được. Ngoài các nhân tố được đề cập tại phần này, vẫn có khả năng tồn tại những rủi ro khác chưa được đánh giá là trọng yếu nhưng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư vào cổ phiếu của HDS.

1. Rủi ro về kinh tế

Những biến động của nền kinh tế có thể ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của hầu hết các ngành nghề, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng và được hỗ trợ bởi nhiều chính sách điều tiết, tạo cơ hội tăng trưởng cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc Chính phủ áp dụng các biện pháp tài khóa, tiền tệ hoặc thay đổi cơ chế quản lý hành chính có thể phát sinh những thách thức mới, đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động thích ứng.

Với đặc thù hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, HDS chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán, trong đó có thể bao gồm cả tác động tích cực lẫn tiêu cực tới kết quả hoạt động kinh doanh.

1.1. Về tăng trưởng GDP

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những yếu tố vĩ mô quan trọng, tác động trực tiếp đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế và đặc biệt ảnh hưởng sâu rộng tới thị trường tài chính và chứng khoán. Tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ thường đi kèm với sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng, mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh và nâng cao niềm tin của nhà đầu tư. Những yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn, đồng thời thúc đẩy các hoạt động đầu tư và giao dịch chứng khoán, qua đó hỗ trợ sự phát triển của các công ty chứng khoán. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm hoặc tăng trưởng chậm lại, niềm tin thị trường bị ảnh hưởng khiến nhà đầu tư có xu hướng thận trọng hơn, giảm quy mô giao dịch và thu hẹp danh mục đầu tư. Điều này làm suy giảm nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp và tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán, trong đó có HDS.

Kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, mức độ hội nhập của nền kinh tế ngày càng sâu rộng, tạo điều kiện mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với các đối tác quốc tế. Việt Nam đã ký kết và thực thi nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) cùng các FTA thế hệ mới khác. Việc tham gia các hiệp định này góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và tạo nền tảng quan trọng cho sự mở rộng của thị trường vốn cũng như sự phát triển của ngành chứng khoán.

GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 – 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

GDP 9 tháng đầu năm 2026 ước tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, đóng góp 5,35%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, đóng góp 49,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45,03%. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục giữ vai trò động lực chủ yếu của tăng trưởng, trong khi khu vực dịch vụ duy trì đà phát triển ổn định và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục phát huy vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế.

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm

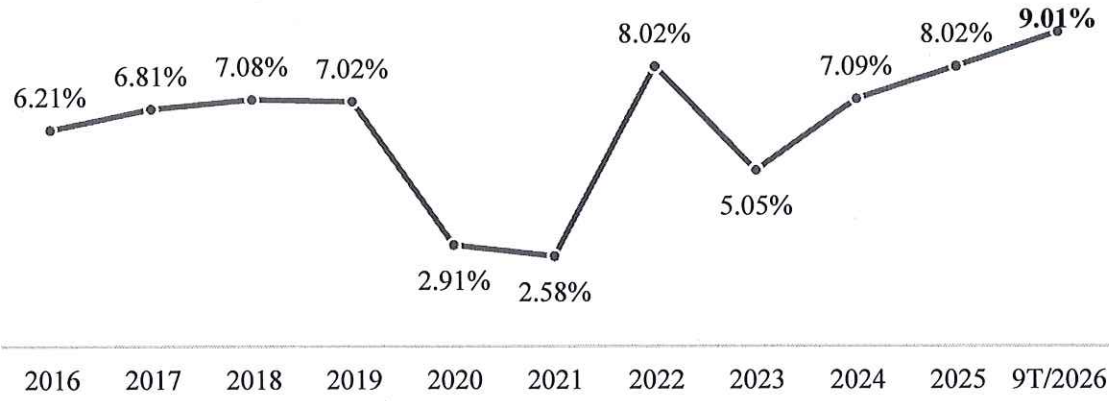

Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính

Mặc dù vậy, triển vọng tăng trưởng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước biến động địa chính trị, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn và sự bất ổn của kinh tế toàn cầu. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, quy mô giao dịch, nhu cầu huy động vốn và kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán, trong đó có HDS.

1.2. Về lạm phát

Lạm phát là một nhân tố vĩ mô quan trọng có thể ảnh hưởng toàn diện đến hoạt động của các công ty chứng khoán. Khi lạm phát gia tăng, chi phí vốn và chi phí hoạt động của doanh nghiệp có xu hướng tăng theo, trong khi niềm tin của nhà đầu tư suy giảm, dẫn đến xu hướng thắt chặt chi tiêu và giảm mức độ tham gia thị trường. Sự sụt giảm này tác động tiêu cực đến thanh khoản, quy mô giao dịch và nhu cầu huy động vốn, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của các công ty chứng khoán như HDS. Trong bối cảnh lạm phát ở mức cao, nhu cầu đối với các sản phẩm và dịch vụ tài chính không thiết yếu, dài hạn hoặc có mức độ rủi ro cao thường bị thu hẹp, tạo thêm thách thức đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực nhạy cảm với kỳ vọng thị trường và tâm lý nhà đầu tư. Ngược lại, khi mặt bằng giá cả ổn định, điều này có thể hỗ trợ thanh khoản và duy trì hoạt động đầu tư trên thị trường.

Năm 2024, CPI bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bình quân 9 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,26%. Áp lực lên mặt bằng giá chủ yếu đến từ nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, tăng 4,72%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, tăng 6,68%; cùng với nhóm giao thông, tăng 6,06%. Riêng chi phí nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng đóng góp 1,52 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung, trong khi nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống đóng góp 1,69 điểm phần trăm.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm

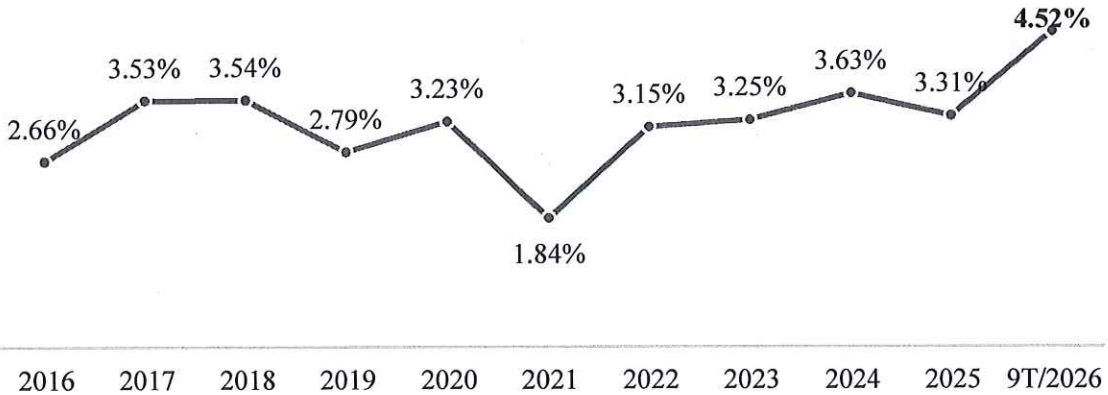

Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính

Dù lạm phát được kiểm soát trong ngưỡng tương đối ổn định, dự báo cuối năm 2026 vẫn tiềm ẩn rủi ro nếu mặt bằng giá toàn cầu, chi phí nguyên vật liệu hoặc giá năng lượng bất ngờ tăng cao. Trong kịch bản lạm phát tăng mạnh, chi phí tài chính, chi phí quản lý và vận hành doanh nghiệp có thể chịu áp lực, trong khi nhu cầu giao dịch và đầu tư có thể suy giảm. Điều này có thể hạn chế khả năng huy động vốn và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của HDS.

1.3. Về lãi suất

Lãi suất là một yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn, hành vi đầu tư và hiệu quả hoạt động của các công ty chứng khoán như HDS. Khi lãi suất thấp và ổn định, chi phí vốn giảm, thanh khoản cải thiện, nhà đầu tư có xu hướng tìm đến cổ phiếu – tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động môi giới, tư vấn, bảo lãnh phát hành và tự doanh. Ngược lại, lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí vốn, dòng tiền có thể rút khỏi chứng khoán để chuyển sang kênh an toàn như tiền gửi ngân hàng hoặc trái phiếu – thu hẹp quy mô giao dịch, làm giảm nhu cầu huy động vốn qua thị trường chứng khoán và ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của HDS.

Trong năm 2024, theo báo cáo điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, mặt bằng lãi suất duy trì ổn định; trong đó lãi suất huy động vốn tăng nhẹ khoảng 0,1 điểm phần trăm, trong khi lãi suất cho vay giảm 0,09 điểm phần trăm so với cuối năm 2023. Cuối năm 2024, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên dao động quanh mức 3,8%/năm, thấp hơn mức trần 4%/năm; trong khi lãi suất cho vay các khoản vay thông thường ở mức 6,7–9%/năm.

Trong năm 2025, NHNN điều hành chính sách lãi suất theo hướng chủ động, linh hoạt, ưu tiên hỗ trợ tăng trưởng kinh tế gắn với kiểm soát lạm phát. NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai đồng bộ các giải pháp ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi và phấn đấu giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng. Nhờ đó, tính đến cuối tháng 12/2025, dư nợ tín dụng nền kinh tế đạt trên 18,4 triệu tỷ đồng, tăng 17,87% so với cuối năm 2024, phản ánh dòng vốn tiếp tục được khơi thông hiệu quả.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, mặt bằng lãi suất tiếp tục chịu áp lực tăng từ nhiều phía, tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng hai con số. Lãi suất tiết kiệm đã tăng mạnh trong khoảng thời gian này, hầu hết các ngân hàng đã áp dụng lãi suất kỳ hạn dưới 6 tháng ở mức 4,75%/năm. Đối với kỳ hạn 6 - 12 tháng, lãi suất phổ biến là 6,5 - 8%/năm. Một số ngân hàng đã áp dụng chương trình ưu đãi để nâng lãi suất lên hơn 9%/năm, đi kèm các điều kiện. Trong bối cảnh này, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí hợp lý; đồng thời tăng cường chỉ đạo các tổ chức tín dụng ổn định mặt bằng lãi suất thị trường, đảm bảo cân đối giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động vốn, không tạo xáo trộn mặt bằng lãi suất. Đến cuối tháng 9/2026, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt trên 20,75 triệu tỷ đồng, tăng 11,59% so với cuối năm 2025 và tăng 16,69% so với cùng kỳ năm 2025.

1.4. Về tỷ giá

Đối với các công ty chứng khoán, đặc biệt là HDS thì tỷ giá là một yếu tố vĩ mô quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn quốc tế, chi phí vay ngoại tệ và chiến lược phân bổ tài sản của nhà đầu tư. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng, tỷ giá USD/VND chịu tác động mạnh từ diễn biến kinh tế toàn cầu, đặc biệt là chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ ("**FED**") và các Ngân hàng Trung ương lớn.

Đối với HDS, biến động tỷ giá có thể làm thay đổi mức độ hấp dẫn của các tài sản định giá bằng VND, ảnh hưởng đến dòng vốn gián tiếp nước ngoài, đồng thời chi phối kỳ vọng lợi suất của nhiều sản phẩm tài chính. Ngoài ra, trong các hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu quốc tế hoặc hợp tác đầu tư với đối tác nước ngoài, rủi ro tỷ giá là yếu tố cần được quản lý chặt chẽ nhằm bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("**NHNN**") điều hành tỷ giá theo hướng chủ động và linh hoạt, phối hợp đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô. Tính đến ngày 31/12/2024, tỷ giá trung tâm ở mức 1 USD = 24.335 VND, phản ánh mức mất giá vừa phải và vẫn trong vùng kiểm soát của cơ quan điều hành. Thặng dư thương mại và dòng vốn FDI tích cực tiếp tục là yếu tố giúp cân đối nguồn cung – cầu ngoại tệ trong nước.

Trong năm 2025, thị trường ngoại tệ và tỷ giá VND chủ yếu chịu tác động từ các diễn biến phức tạp, khó lường của thị trường quốc tế, bao gồm lộ trình chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, chính sách thương mại và thuế quan của Chính quyền Mỹ, cũng như biến động của đồng USD trên thị trường quốc tế. Trong một số giai đoạn, cân đối cung cầu ngoại tệ trong nước chịu sức ép tạm thời từ các yếu tố ngắn hạn. Trước bối cảnh đó, NHNN điều hành tỷ giá diễn biến linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài; đồng thời phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ (lãi suất, thanh khoản VND) và bán can thiệp ngoại tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Tính đến ngày 31/12/2025, tỷ giá trung tâm tại Ngân hàng Nhà nước ở mức 1 USD = 25.121 VND, tương ứng mức tăng khoảng 3,5% so với cuối năm 2024.

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2026, tỷ giá và thị trường ngoại tệ tiếp tục chịu áp lực từ các diễn biến phức tạp của thị trường quốc tế, đặc biệt là căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, biến động giá dầu và xu hướng thắt chặt tiền tệ của một số ngân hàng trung ương lớn như ECB và BOJ. Áp lực bắt đầu rõ hơn từ Quý III/2026 khi đồng USD phục hồi mạnh, và đỉnh điểm là quyết định của Fed vào ngày 16/9/2026 khi nâng biên độ lãi suất mục tiêu thêm 0,25 điểm phần trăm lên 3,75% – 4,00%, kéo theo việc chênh lệch lãi suất USD – VND bị thu hẹp và tạo thêm sức ép lên dòng vốn ngoại. Trong bối cảnh đó, NHNN tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối, góp phần kiểm soát lạm phát theo mục tiêu bình quân khoảng 4,5% trong năm 2026. Tính đến ngày 30/09/2026, tỷ giá trung tâm NHNN ở mức 1 USD = 25.627 VND, tỷ giá USD/VND diễn biến linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của HDS diễn ra trong lĩnh vực chứng khoán – một lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm và chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của hệ thống pháp luật Việt Nam. Bên cạnh các quy định pháp lý chung như Luật Doanh nghiệp, HDS còn phải tuân thủ Luật Chứng khoán cùng nhiều nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn do Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý ban hành. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi, bổ sung hoặc chậm trễ trong việc ban hành các quy định liên quan đến thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, thị trường vốn, chính sách thuế hay chế độ kế toán đều có thể phát sinh rủi ro và ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động của HDS.

Để tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, HDS đã rà soát và hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, tăng cường đào tạo nhân sự, đồng thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng thận trọng và duy trì việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời. Tuy nhiên, các biện pháp nêu trên không loại trừ khả năng phát sinh rủi ro pháp lý trong trường hợp quy định pháp luật có thay đổi và Công Ty cần thêm thời gian để hoàn thiện hệ thống, quy trình nội bộ nhằm đáp ứng các yêu cầu mới.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là một trong những rủi ro trọng yếu có thể tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của HDS. Rủi ro này phát sinh khi khách hàng hoặc đối tác không còn khả năng thanh toán toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ tài chính trong các nghiệp vụ như cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá và các tài sản tài chính khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công Ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác. Trong đó quy mô danh mục trái phiếu (bao gồm chưa niêm yết và niêm yết) có cấu phần mức độ rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản cao nhất, tăng từ gần 1.800 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 lên 9.040 tỷ đồng tại ngày 30/09/2026, tương đương tăng khoảng 05 lần trong vòng 09 tháng. Tốc độ mở rộng quy mô hoạt động của Công Ty diễn ra tương ứng với bối cảnh Công Ty hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ từ 1.461 tỷ đồng lên 10.961 tỷ đồng vào tháng 06/2026, qua đó nâng quy mô vốn chủ sở hữu từ 3.480 tỷ đồng

lên 14.041 tỷ đồng tại ngày 30/09/2026.

a) Cho vay giao dịch ký quỹ

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường chứng khoán. Khi giá chứng khoán giảm mạnh, giá trị tài sản bảo đảm có thể suy giảm nhanh hơn dự báo, khiến khách hàng mất khả năng thanh toán hoặc không bổ sung được tài sản bảo đảm theo yêu cầu, đồng thời tốc độ xử lý tài sản bảo đảm của Công Ty cũng sẽ bị ảnh hưởng đáng kể. Rủi ro này gia tăng nếu dư nợ tập trung vào một số khách hàng hoặc một số mã chứng khoán. Bên cạnh đó, do phụ thuộc vào nguồn vốn huy động, Công Ty có thể chịu áp lực về thanh khoản và chi phí vốn khi lãi suất tăng hoặc khi nguồn tài trợ bị thu hẹp. Công Ty cũng phải tuân thủ các giới hạn về hạn mức cho vay, tỷ lệ an toàn tài chính và danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, các quy định này có thể thay đổi và ảnh hưởng đến quy mô, hiệu quả của nghiệp vụ. Ngoài ra, sự cố hệ thống hoặc sai sót trong giám sát tỷ lệ ký quỹ có thể làm chậm việc cảnh báo, xử lý tài sản bảo đảm và gia tăng thiệt hại cho Công Ty.

b) Ứng trước tiền bán chứng khoán

Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán là việc HDS cấp cho khách hàng một khoản tiền trước khi tiền bán chứng khoán về tài khoản theo chu kỳ thanh toán. Nguồn trả nợ của khoản ứng trước là tiền bán chứng khoán đã khớp lệnh và được thanh toán qua hệ thống bù trừ của VSDC. Vì vậy, mức độ rủi ro tín dụng của hoạt động này thấp hơn so với cho vay giao dịch ký quỹ. Tuy nhiên, rủi ro vẫn có thể phát sinh trong một số trường hợp:

- Giao dịch bị hủy, điều chỉnh hoặc không được thanh toán do sai sót, sự cố kỹ thuật hoặc vi phạm nghĩa vụ thanh toán;
- Chứng khoán hoặc tài khoản của khách hàng bị phong tỏa, tạm giữ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

Ngoài ra, nhu cầu ứng trước tăng đột biến trong giai đoạn thị trường biến động mạnh có thể tạo áp lực lên dòng tiền ngắn hạn và làm tăng chi phí vốn của Công Ty. Bên cạnh đó, nghiệp vụ này phụ thuộc vào hệ thống công nghệ thông tin và quy trình đối chiếu số dư, hạn mức ứng trước, do đó sự cố hệ thống hoặc sai sót tác nghiệp có thể dẫn đến ứng vượt hạn mức hoặc sai lệch số liệu.

c) Đầu tư các tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công Ty gồm các công cụ sau:

- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như (i) trái phiếu, (ii) cổ phiếu, (iii) chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng. Về cổ phiếu, Công Ty đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu giao dịch trên UPCoM và các cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch. Về trái phiếu, Công Ty đầu tư vào các trái phiếu niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch tại HNX.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) gồm tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) được ghi nhận ban đầu theo giá mua, chi phí giao dịch được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ và tài sản được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại mỗi kỳ báo cáo. Toàn bộ chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, do đó kết quả kinh doanh của Công Ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động giá thị trường và có thể thiếu ổn định giữa các kỳ báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí giao dịch trực tiếp, sau đó được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Công Ty trích lập dự phòng khi có bằng chứng khách quan về suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được, theo đó chất lượng tín dụng của tổ chức phát hành là yếu tố chính

tác động đến giá trị khoản đầu tư và lợi nhuận của Công Ty.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Giá trị hợp lý tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	**2.273.928**	**2.213.472**	**9.463.687**
- Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch UPCoM	50.610	104.517	214.490
- Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	-	-	9.332
- Trái phiếu chưa niêm yết	1.189.849	1.709.537	8.628.205
- Trái phiếu niêm yết	-	90.291	411.660
- Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	1.033.469	309.126	200.000
Giá trị hợp lý các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	**340.220**	**220**	**5.250.701**
- Tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng	120.220	220	4.800.701
- Trái phiếu chưa niêm yết	220.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	-	-	450.000
Tổng giá trị hợp lý các tài sản tài chính	**2.614.148**	**2.213.692**	**14.714.388**
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh	**12.167**	**53.683**	**284.148**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận giá trị dương trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2026, tương ứng khoảng 0,5%, 2,4% và 1,9% quy mô danh mục, cho thấy tác động của biến động giá thị trường đến kết quả kinh doanh của Công Ty hiện ở mức hạn chế. Tuy nhiên, quy mô danh mục tăng nhanh trong 9 tháng đầu năm 2026 và tập trung chủ yếu vào trái phiếu chưa niêm yết (chiếm khoảng 58,6% tại ngày 30/09/2026), là loại tài sản có tính thanh khoản thấp hơn và phụ thuộc vào chất lượng tín dụng của tổ chức phát hành. Do đó, Công Ty vẫn có thể phát sinh chênh lệch đánh giá lại âm khi điều kiện thị trường biến động bất lợi hoặc chất lượng tín dụng của các tổ chức phát hành suy giảm.

3.2. Rủi ro hoạt động tự doanh chứng khoán

Tại ngày 30/09/2026, danh mục tài sản tài chính của Công Ty đạt hơn 14.700 tỷ đồng, tăng khoảng 6,6 lần so với cuối năm 2025. Các chứng khoán chiếm tỷ trọng cao nhất trong danh mục lần lượt là: (i) Trái phiếu chưa niêm yết khoảng 58,6%; (ii) Trái phiếu niêm yết khoảng 2,8%; và (iii) Cổ phiếu khoảng 1,5%. Cơ cấu này cho thấy mức độ tập trung cao vào một nhóm tài sản, do đó rủi ro của hoạt động tự doanh chủ yếu đến từ chất lượng tín dụng và tính thanh khoản nhiều hơn là biến động giá chứng khoán. Tuy nhiên danh mục tài sản tài chính cũng đang có xu hướng mở rộng sang các tài sản rủi ro thấp, có tính thanh khoản cao như tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi.

a) <u>Rủi ro đầu tư trái phiếu</u>

Danh mục tài sản tài chính (FVTPL và HTM) của Công Ty có quy mô đầu tư đáng kể vào TPDN, đạt hơn 9.000 tỷ đồng tại ngày 30/09/2026, tăng gấp 5 lần so với cuối năm 2025 và tương đương khoảng 61,4% tổng giá trị danh mục. Trong đó, tỷ trọng TPDN chưa niêm yết duy trì ở mức cao và tiềm ẩn rủi ro tín dụng, rủi ro tập trung cũng như rủi ro thanh khoản trong trường hợp chất lượng tín

dụng của tổ chức phát hành suy giảm.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ lệ/ Tổng danh mục TSTC	Giá trị	Tỷ lệ/ Tổng danh mục TSTC	Giá trị	Tỷ lệ/ Tổng danh mục TSTC
Giá trị hợp lý danh mục TPDN (FVTPL)	**1.190**	**45,5%**	**1.800**	**81,3%**	**9.040**	**61,4%**
TPDN chưa niêm yết	1.190	45,5%	1.710	77,2%	8.628	58,6%
TPDN niêm yết	-	0,0%	90	4,1%	412	2,8%
Giá trị hợp lý danh mục TPDN (HTM)	**220**	**8,4%**	**-**	**0,0%**	**-**	**0,0%**
TPDN chưa niêm yết	220	8,4%	-	0,0%	-	0,0%
TPDN niêm yết	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Tổng giá trị hợp lý danh mục TPDN	**1.410**	**53,9%**	**1.800**	**81,3%**	**9.040**	**61,4%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Khi đầu tư TPDN, HDS chịu rủi ro tổ chức phát hành chậm thanh toán hoặc mất khả năng thanh toán lãi, gốc đúng hạn. Rủi ro này tập trung chủ yếu ở trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là trái phiếu phát hành riêng lẻ. Diễn biến thị trường trái phiếu doanh nghiệp giai đoạn 2022 – 2023 cho thấy nhiều tổ chức phát hành, nhất là trong lĩnh vực bất động sản, đã phải gia hạn hoặc chậm thanh toán. Các rủi ro cụ thể gồm:

- Tài sản bảo đảm có thể khó xử lý hoặc bị suy giảm giá trị khi điều kiện thị trường bất lợi;
- Tính thanh khoản thấp trên thị trường thứ cấp làm hạn chế khả năng thoái vốn khi chất lượng tín dụng của tổ chức phát hành suy giảm;
- Danh mục tập trung vào một ngành hoặc một nhóm tổ chức phát hành có thể làm gia tăng mức tổn thất.

Danh mục TPDN của Công Ty tập trung vào các tổ chức phát hành thuộc các ngành Bất động sản, Hàng không và Tài chính. Trong đó chiếm 45,6% là các trái phiếu có tài sản bảo đảm hoặc có bảo lãnh thanh toán. Các biện pháp bảo đảm này là lớp bảo vệ bổ sung đối với khoản đầu tư, giúp giảm mức độ tổn thất tiềm ẩn khi tổ chức phát hành không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, giá trị và tính thanh khoản của tài sản bảo đảm có thể biến động theo chu kỳ của ngành, và việc tập trung vào một số ít ngành làm tăng mức độ phụ thuộc của danh mục vào diễn biến của các ngành này. Danh mục TPDN phân loại theo ngành và theo trạng thái tài sản bảo đảm tại từng thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Phân loại theo ngành						
Bất động sản	59	4,1%	158	8,8%	2.548	28,2%

Hàng không	72	5,1%.	1.521	84,5%	1.798	19,9%
Tài chính	990	70,2%	106	5,9%	2.370	26,2%
Khác	288	20,6%	14	0,8%	2.324	25,7%
Tổng cộng	**1.410**	**100%**	**1.800**	**100%**	**9.040**	**100%**
Phân loại theo biện pháp bảo đảm						
Có bảo đảm	279	19,8%	158	8,8%	4.126	45,6%
Không có bảo đảm	1.131	80,2%	1.641	91,2%	4.914	54,4%
Tổng cộng	**1.410**	**100%**	**1.800**	**100%**	**9.040**	**100%**

Nguồn: HDS

Danh mục trái phiếu TPDN của Công Ty có tỷ trọng đáng kể là trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức có mối liên quan với Công Ty như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổ chức phát hành	Mối quan hệ với HDS	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
		Giá trị	Tỷ lệ/Tổng danh mục TPDN	Giá trị	Tỷ lệ/Tổng danh mục TPDN	Giá trị	Tỷ lệ/Tổng danh mục TPDN
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Từ tháng 06/2024: Cổ đông lớn Từ tháng 05/2026: Công ty mẹ	991	70,3%	105	5,8%	2.368	26,2%
CTCP Hàng không Vietjet	Doanh nghiệp có thành viên HĐQT là người nội bộ của HDS (từ tháng 10/2026)	72	5,1%	1.521	84,5%	1.798	19,9%
CTCP Sovico	Cổ đông lớn của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	7	0,5%	2	0,1%	731	8,1%
Tổng cộng		**1.070**	**75,9%**	**1.628**	**90,4%**	**4.898**	**54,2%**

Nguồn: HDS

Mặc dù các tổ chức phát hành hoạt động trong các ngành khác nhau, việc có mối liên hệ trực tiếp/gián tiếp tới Công Ty và người có liên quan khiến khả năng thanh toán của các tổ chức này có thể chịu tác động đồng thời từ các sự kiện ảnh hưởng đến toàn bộ nhóm các công ty nói chung. Do đó, mức độ phân tán rủi ro thực tế của danh mục thấp hơn so với cơ cấu ngành thể hiện, đồng thời phát sinh rủi ro tập trung theo tổ chức phát hành và rủi ro xung đột lợi ích trong các giao dịch với bên liên quan. Do các khoản đầu tư được phân loại là FVTPL, mọi biến động giá trị hợp lý, bao gồm suy giảm do rủi ro tín dụng của tổ chức phát hành gia tăng, sẽ được ghi nhận trực tiếp vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Biến động này cũng có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ vốn khả dụng và khả năng thanh khoản của Công ty.

b) Rủi ro đầu tư cổ phiếu

Thông tin về các khoản đầu tư cổ phiếu của Công Ty tại từng thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM		50.610	104.517	214.490
- *CTCP Hàng không Vietjet*	*Hàng không*	*50.001*	*104.502*	*134.398*
- *Cổ phiếu khác*	*Đa ngành*	*609*	*15*	*80.092*
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	Đa ngành	-	-	9.332
Tổng cộng		**50.610**	**104.517**	**223.822**

Nguồn: HDS

Danh mục cổ phiếu có quy mô nhỏ nhưng tập trung cao vào một tổ chức phát hành. Tại ngày 30/09/2026, giá trị danh mục cổ phiếu là 224 tỷ đồng, chiếm khoảng 1,5% tổng tài sản tài chính, trong đó cổ phiếu CTCP Hàng không Vietjet (VJC) chiếm phần lớn danh mục. Vietjet là tổ chức có mối liên hệ gián tiếp với Công Ty và đồng thời số dư trái phiếu Vietjet chiếm 12,2% tổng tài sản tài chính tại ngày 30/09/2026, nên tổng mức đầu tư vào tổ chức này (cả trái phiếu và cổ phiếu) tương đương khoảng 13,7% tổng tài sản tài chính tại thời điểm đó. Rủi ro tập trung vì vậy mang tính tương quan, khi một sự kiện bất lợi đối với Vietjet hoặc ngành hàng không có thể làm giảm đồng thời giá cổ phiếu và chất lượng tín dụng của trái phiếu, đồng thời phát sinh rủi ro xung đột lợi ích trong giao dịch với bên liên quan. Các khoản đầu tư cổ phiếu khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong danh mục tài sản tài chính của Công Ty, chủ yếu xuất phát từ việc mua cổ phiếu lẻ hỗ trợ nhà đầu tư và sửa lỗi giao dịch (nếu phát sinh).

3.3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mang tính hệ thống, phát sinh từ biến động của nền kinh tế và thị trường tài chính, khó có thể loại bỏ hoàn toàn ngay cả khi đã đa dạng hoá danh mục đầu tư. Sự biến động bất lợi của các yếu tố như giá chứng khoán, lãi suất, tỷ giá hay chỉ số kinh tế vĩ mô có thể làm gia tăng tổn thất và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của các công ty chứng khoán, đặc biệt trong giai đoạn thị trường suy giảm hoặc biến động mạnh.

Hoạt động của HDS cũng chịu tác động đáng kể từ rủi ro thị trường. Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, nhu cầu huy động vốn và sử dụng dịch vụ tư vấn có thể giảm, ảnh hưởng đến doanh thu phí. Trong hoạt động cho vay ký quỹ, giá cổ phiếu giảm làm giảm giá trị tài sản bảo đảm và gia tăng rủi ro tín dụng. Đối với danh mục tự doanh, biến động giảm của thị trường có thể dẫn đến suy giảm giá trị danh mục và tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công Ty.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể phát sinh khi Công Ty không kịp thời đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn. Những rủi ro này thường bắt nguồn từ nhu cầu rút vốn đột ngột của khách hàng, áp lực thanh toán các nghĩa vụ ký quỹ hoặc sự cố trong hệ thống thanh toán với các đối tác, tổ chức lưu ký. Nếu không được kiểm soát đúng cách, tình trạng thiếu hụt thanh khoản ngắn hạn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến uy tín và khả năng duy trì hoạt động ổn định của HDS.

3.5. *Rủi ro hoạt động*

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro mang tính nội tại đối với mọi tổ chức tài chính, phát sinh trong quá trình vận hành hằng ngày của các doanh nghiệp, có thể bắt nguồn từ lỗi của con người, quy trình nghiệp vụ chưa hoàn chỉnh, sự cố kỹ thuật hoặc những yếu tố khách quan ngoài tầm kiểm soát. Những rủi ro này, nếu xảy ra, có thể dẫn đến gián đoạn giao dịch, sai lệch thông tin, thất thoát tài sản, thiệt hại tài chính hoặc ảnh hưởng lâu dài đến uy tín và thương hiệu của HDS.

3.6. *Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin*

Rủi ro về an toàn và bảo mật thông tin là một trong những rủi ro lớn nhất đối với hoạt động của các công ty chứng khoán, bao gồm HDS. Khi giao dịch trực tuyến ngày càng phổ biến, nguy cơ tấn công mạng, rò rỉ dữ liệu, truy cập trái phép hoặc chiếm quyền tài khoản có xu hướng tăng lên và có thể gây thiệt hại tài chính cho khách hàng cũng như làm ảnh hưởng đến uy tín của Công Ty.

3.7. *Rủi ro nguồn nhân lực*

Bên cạnh áp lực cạnh tranh về thị phần, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao – từ đội ngũ lãnh đạo đến nhân viên nghiệp vụ – cũng là thách thức lớn đối với các công ty chứng khoán. Với đặc thù hoạt động đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, nhân sự trở thành yếu tố mang tính quyết định trong năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam còn tương đối non trẻ, số lượng nhân sự được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm thực tiễn vẫn còn hạn chế; nguồn cung nhân lực cho lĩnh vực tài chính – chứng khoán do đó luôn trong tình trạng khan hiếm. Mặt khác, tình trạng dịch chuyển nhân sự giữa các công ty chứng khoán diễn ra thường xuyên nhằm thu hút người có năng lực, gây sức ép lên sự ổn định nội bộ của doanh nghiệp. Số lượng người được cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hiện vẫn khiêm tốn so với số lượng công ty chứng khoán đang hoạt động.

3.8. *Rủi ro cạnh tranh*

Cạnh tranh là quy luật tất yếu trong cơ chế thị trường. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển mạnh mẽ và tiếp tục mở cửa theo các cam kết hội nhập quốc tế, đặc biệt là WTO, các công ty chứng khoán phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. HDS cũng không nằm ngoài xu hướng này. Hiện nay, thị trường có gần 100 công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động, khiến cuộc đua giành thị phần diễn ra quyết liệt. Sự cạnh tranh thể hiện rõ qua cuộc chạy đua giảm phí môi giới và tư vấn nhằm thu hút khách hàng, gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu của các công ty chứng khoán, đặc biệt là những doanh nghiệp mới tham gia thị trường. Bên cạnh đó, yêu cầu đầu tư mạnh vào công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng và mặt bằng kinh doanh khiến chi phí vận hành và chi phí đầu tư phát triển ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng tạo ra động lực cải tiến và mở ra cơ hội cho các công ty có chiến lược phát triển phù hợp, chính sách nhân sự hiệu quả và khả năng nắm bắt đúng xu hướng vận động của thị trường.

3.9. *Rủi ro biến động thị trường*

Biến động giá của các cổ phiếu và trái phiếu trên thị trường chứng khoán được xem là yếu tố rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của HDS, đặc biệt đối với danh mục tự doanh và hoạt động tư vấn phát hành. Sự biến động mạnh của giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị danh mục tự doanh, qua đó tác động tới kết quả kinh doanh của Công Ty.

Đối với thị trường trái phiếu, các biến động về lãi suất, thanh khoản và tâm lý nhà đầu tư có thể làm thay đổi nhu cầu phát hành và đầu tư, tạo ra thách thức trong việc duy trì doanh thu từ các hoạt động tư vấn. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường trái phiếu phục hồi tích cực kể từ năm 2024 tới nay, HDS đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả và qua đó tăng cường nguồn thu, củng cố vị thế trên thị trường.

3.10. *Rủi ro thương hiệu*

Thương hiệu là tài sản vô hình có giá trị đáng kể, đóng vai trò nền tảng trong việc duy trì niềm tin

của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác đối với Công Ty. Rủi ro thương hiệu có thể phát sinh từ các sự cố truyền thông, phản ứng tiêu cực của thị trường, hành vi thiếu chuẩn mực của nhân viên hoặc đối tác, hoặc từ thông tin sai lệch lan truyền trên các kênh truyền thông. Trong trường hợp các sự kiện này xảy ra, uy tín của Công Ty có thể bị suy giảm, qua đó ảnh hưởng đến khả năng duy trì và mở rộng quan hệ với khách hàng, tổ chức phát hành và đối tác, đặc biệt đối với hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư của HDS, vốn phụ thuộc đáng kể vào uy tín và niềm tin của thị trường.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của việc chào bán

Kết quả của đợt chào bán phụ thuộc vào nhiều yếu tố, từ yếu tố nội tại như sức hấp dẫn của cổ phiếu của HDS ảnh hưởng đến mức độ quan tâm của nhà đầu tư, hay yếu tố bên ngoài như diễn biến thị trường chứng khoán, tình hình kinh tế vĩ mô tại thời điểm chào bán. Các yếu tố này được thể hiện thông qua nhu cầu đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư so với tổng số lượng cổ phiếu được phép chào bán. Mặc dù phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026, tuy nhiên trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán còn nhiều biến động, không thể loại trừ hoàn toàn các rủi ro liên quan đến nhu cầu trên thị trường và tâm lý của nhà đầu tư.

Trong trường hợp Công Ty không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán – cụ thể là yêu cầu tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn – hoặc phát sinh các tình huống khác dẫn đến việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**") quyết định hủy bỏ đợt chào bán theo Điều 28 Luật Chứng khoán, Công Ty sẽ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định. Theo đó, trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ, Công Ty sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán trên 01 tờ báo in hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp, thu hồi cổ phiếu đã phát hành (nếu có) và hoàn trả tiền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026, Nghị quyết HĐQT số 62/2026/NQ-HĐQT ngày 29/09/2026 và Nghị quyết HĐQT số 74/2026/NQ-HĐQT ngày 03/11/2026, HDS đã thông qua việc sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho các mục đích: (i) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ; (ii) Bổ sung vốn cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán; (iii) Đầu tư giấy tờ có giá (bao gồm đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp). Việc sử dụng vốn theo các mục đích này đồng thời kéo theo những rủi ro đặc thù từ hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và các rủi ro khác như đã trình bày tại Mục II.3 của Bản Cáo Bạch này.

5. Rủi ro pha loãng

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) của HDS dự kiến sẽ giảm trong ngắn hạn do tổng số lượng cổ phần lưu thông tăng so với hiện tại, trong khi nguồn vốn huy động từ đợt chào bán cần có thời gian để được phân bổ và phát huy hiệu quả, chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận tương ứng trong kỳ.

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{A*12 + B*7 + Z*T}{12}$$

- A: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ, và bằng 146.142.571 cổ phiếu;
- B: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau khi đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu kết thúc vào tháng 05/2026, trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau khi đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức kết thúc vào tháng 05/2026 là 219.213.856 cổ phiếu;
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau khi đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu kết thúc vào tháng 05/2026 là 1.096.069.282 cổ phiếu;
- Z: Số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng;
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của số cổ phiếu chào bán thêm (tháng).

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của số cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng là 1 tháng, số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ là 795.665.109 cổ phiếu.

Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
Lợi nhuận sau thuế (*)	tỷ đồng	2.700	2.700
Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	cổ phiếu	785.516.319	795.665.109
EPS	**đồng/cổ phiếu**	**3.437**	**3.393**

Nguồn: HDS

(*) Được ước tính bằng 80% giá trị lợi nhuận trước thuế theo Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của HDS đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026.

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2026. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 121.785.476 cổ phiếu từ đợt chào bán, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

5.2. *Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)*

Công thức tính pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS) dự kiến như sau:

$$\text{BVPS} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì BVPS sẽ giảm.

5.3. *Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu đối với cổ đông hiện hữu không tham gia đợt chào bán*

Đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty không giới hạn đối tượng phân phối cho cổ đông hiện hữu. Vì vậy, sau khi đợt chào bán hoàn tất, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể bị giảm so với trước thời điểm phát hành, trong trường hợp các cổ đông này không tham gia mua cổ phiếu trong đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị công ty là yếu tố nền tảng quyết định hiệu quả quản lý, tính minh bạch và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị công ty có thể phát sinh từ việc quản trị công ty không tốt bao gồm việc thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty; mối quan hệ giữa Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và cổ đông; cơ chế giám sát, xây dựng các quy chế quản trị công ty, quy chế nội bộ

cũng như việc thực hiện các quy chế đó, sự hạn chế trong năng lực điều hành, sai sót trong quá trình ra quyết định, hoặc sự thiếu đồng bộ trong hệ thống kiểm soát nội bộ; đồng thời cũng chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài như thay đổi của môi trường pháp lý và yêu cầu quản trị ngày càng cao đối với công ty đại chúng. Nếu không được quản trị hiệu quả, các rủi ro này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động, quản lý tài chính và quyền lợi của cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng hoặc yếu tố ngoài tầm kiểm soát như việc Việt Nam bị hạ đánh giá xếp hạng tín nhiệm hoặc động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của toàn bộ thị trường chứng khoán cũng như hoạt động riêng của HDS.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này giữa các hạng mục số tiền được liệt kê và Tổng số tiền đó hoặc các hạng mục số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và Tổng số tỷ lệ phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành có liên quan. Trong Bản Cáo Bạch này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

AI	Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence)
Bản Cáo Bạch	Có nghĩa là Bản cáo bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định mua cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành.
Bản Thông Báo Chào Bán	Có nghĩa như được quy định tại Mục VII.7 của Bản Cáo Bạch này
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban Kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
Công Ty/HDS/Tổ Chức Phát Hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
Chính phủ	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
CNTT	Công nghệ thông tin
Cổ Phiếu	Là toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng của Công Ty
CTCK	Công ty chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index)
Điều Lệ	Có nghĩa là Điều lệ mới nhất của Công Ty
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
Giấy phép điều chỉnh	Là Giấy phép điều chỉnh của Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán (tùy từng trường hợp) của Công Ty tại từng thời điểm
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng	Có nghĩa như được quy định tại Mục VII.9 của Bản Cáo Bạch này
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp	GCNĐKDN
HDBank	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX/HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu	Có nghĩa như được quy định tại Mục VII.7 của Bản Cáo Bạch này
IPO	Đợt chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty
Ngày Phát Hành	Có nghĩa là ngày kết thúc đợt chào bán được ghi trên báo cáo kết quả đợt chào bán mà Tổ Chức Phát Hành nộp cho UBCKNN
Ngày Làm Việc	Có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ bảy, Chủ nhật hoặc một ngày nghỉ lễ (kể cả nghỉ bù) theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật Việt Nam
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Luật Chứng Khoán	Có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
Luật Doanh Nghiệp	Có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
Luật Đầu Tư	Có nghĩa là Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 11/12/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
Nghị Định 155	Có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
LNST	Lợi nhuận sau thuế
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)
TCPH	Tổ chức phát hành
TGĐ	Tổng Giám đốc
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TPCP	Trái phiếu Chính phủ
TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UPCoM	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
USD	Đô-la Mỹ
VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
"VND" hoặc "Đồng"	Là đơn vị tiền tệ hợp pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Tên đầy đủ Công Ty bằng Tiếng Việt	: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**
Tên Công Ty bằng tiếng nước ngoài	: HD Securities Corporation
Tên viết tắt	: HD Securities hoặc HDS
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/11/2026
Giấy phép thành lập và hoạt động	: Số 47/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006, được điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/06/2026
Logo	: HDSecurities
Trụ sở chính	: Số 23 A-B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh và Lầu 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (+84) 28 7307 6966 Fax: (+84) 28 6283 8666
Website	: www.hdbs.vn
Vốn điều lệ	: 10.960.692.820.000 VND (*Mười nghìn chín trăm sáu mươi tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*)
Người đại diện theo pháp luật	: Nguyễn Hà Quỳnh – Tổng Giám đốc
Ngành nghề kinh doanh chính	: - Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán (Mã ngành: 6612 (Chính); - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán. (Mã ngành: 6619).
Nghiệp vụ kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động	: - Môi giới chứng khoán; - Tự doanh chứng khoán; - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; - Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006 và GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2006. Năm 2018, Công Ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB theo Giấy phép điều chỉnh số 62/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018. Năm 2022, Công Ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán HD và hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh số 33/UBCK-GPĐC do UBCKNN cấp ngày 05/04/2022 và GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/07/2022. Các dấu mốc quan trọng của Công Ty như sau:

Thời gian	Sự kiện
Năm 2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD) được thành lập. Trụ sở chính đặt tại Số 13A Tú Xương, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh)
Tháng 03/2011	Công Ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng và được cấp phép bổ sung hoạt động tự doanh chứng khoán.
Tháng 08/2018	Công Ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB
Tháng 12/2019	Công Ty chuyển Trụ sở chính về địa chỉ Lầu 3B và 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tháng 10/2020	Công Ty tăng vốn điều lệ từ 155 tỷ đồng lên 310 tỷ đồng
Tháng 02/2021	Công Ty thành lập chi nhánh tại Hà Nội
Tháng 10/2021	Công Ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 1.023 tỷ đồng
Tháng 04/2022	Công Ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
Tháng 05/2024	Công Ty dời Trụ sở chính về Số 23A-B, đường Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9 số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tháng 06/2024	HDBank tham gia góp vốn vào Công Ty nâng vốn điều lệ lên hơn 1.461 tỷ đồng
Năm 2025	- Top 2 đơn vị tư vấn phát hành TPDN phi ngân hàng và năm thứ 7 liên tiếp là một trong những nền tảng tư vấn trái phiếu hàng đầu Việt Nam *(theo công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)*; - Giới thiệu nền tảng giao dịch trái phiếu tự động tập trung và số hóa hoàn toàn quy trình xác thực cho nhà đầu tư trái phiếu; - Đạt Top 1 hiệu quả sinh lời (ROE) toàn ngành chứng khoán, Top 3 vị thế phân phối trái phiếu tại Việt Nam *(theo dữ liệu thống kê của FiinPro)*.
Năm 2026	- Tăng vốn điều lệ từ 1.461 tỷ đồng lên 10.961 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Được Tạp chí Asian Banking & Finance (ABF) trao tặng giải thưởng "Securities House of the Year – Vietnam" và "Sustainability Bond of the Year – Vietnam", ghi nhận đóng góp nổi bật của HDS trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và thị trường TPDN tại Việt Nam.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD thuộc loại hình công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán, các quy định khác có liên quan và Điều Lệ.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của HDS

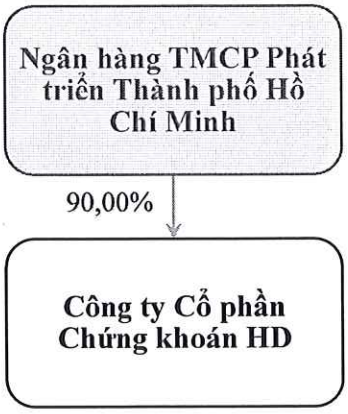

Nguồn: HDS

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD có Công ty mẹ là Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**"). Tính đến thời điểm hiện tại, HDBank sở hữu 986.462.382 cổ phần tại HDS, với tỷ lệ biểu quyết là 90,00%. Thông tin chung về HDBank như sau:

- Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ (tại ngày 30/10/2026): 50.052.763.230.000 đồng
- Điện thoại: (+84) 28 6291 5916 Fax: (+84) 28 6291 5900
- Website: www.hdbank.com.vn
- Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419)

Tại ngày 30/10/2026, HDS không có công ty con và công ty liên kết. Công Ty có 01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 02 phòng giao dịch với các thông tin như sau:

- **Trụ sở chính**:
  - Địa chỉ: Số 23 A-B đường Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- **Chi nhánh Hà Nội**:
  - Địa chỉ: Tầng 5, Số 32 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
  - Quyết định thành lập: Quyết định số 58/QĐ-UBCK ngày 05/02/2021 của UBCKNN về việc chấp thuận thành lập chi nhánh CTCK và Quyết định số 338/QĐ-UBCK ngày 05/06/2026 của UBCKNN về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập chi nhánh CTCK
  - Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Tư vấn đầu tư chứng khoán; Môi giới chứng khoán.
- **Phòng giao dịch Hồ Chí Minh 1 – Xuân Hòa**:
  - Địa chỉ: Tầng trệt, Số 222 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
  - Quyết định thành lập: Quyết định số 634/QĐ-UBCK ngày 19/10/2026 của UBCKNN về việc

chấp thuận thành lập phòng giao dịch CTCK

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Tư vấn đầu tư chứng khoán

- **Phòng giao dịch Hà Nội 1 – Hồng Hà**:
  - Địa chỉ: Tầng 3, Số 885 Hồng Hà, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội
  - Quyết định thành lập: Quyết định số 649/QĐ-UBCK ngày 26/10/2026 của UBCKNN về việc chấp thuận thành lập phòng giao dịch CTCK
  - Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Tư vấn đầu tư chứng khoán

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Mô hình quản trị hiện tại của HDS được thiết lập theo hướng tập trung, các hoạt động được triển khai theo chỉ đạo từ cấp lãnh đạo cao nhất. Cơ cấu bộ máy quản lý Công Ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**"), Ban Kiểm soát ("**BKS**"), Ban Tổng Giám đốc ("**TGĐ**") và sau cùng là các phòng ban chuyên môn. Cấu trúc bộ máy quản trị và quản lý của HDS được thể hiện tại sơ đồ sau:

Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của HDS

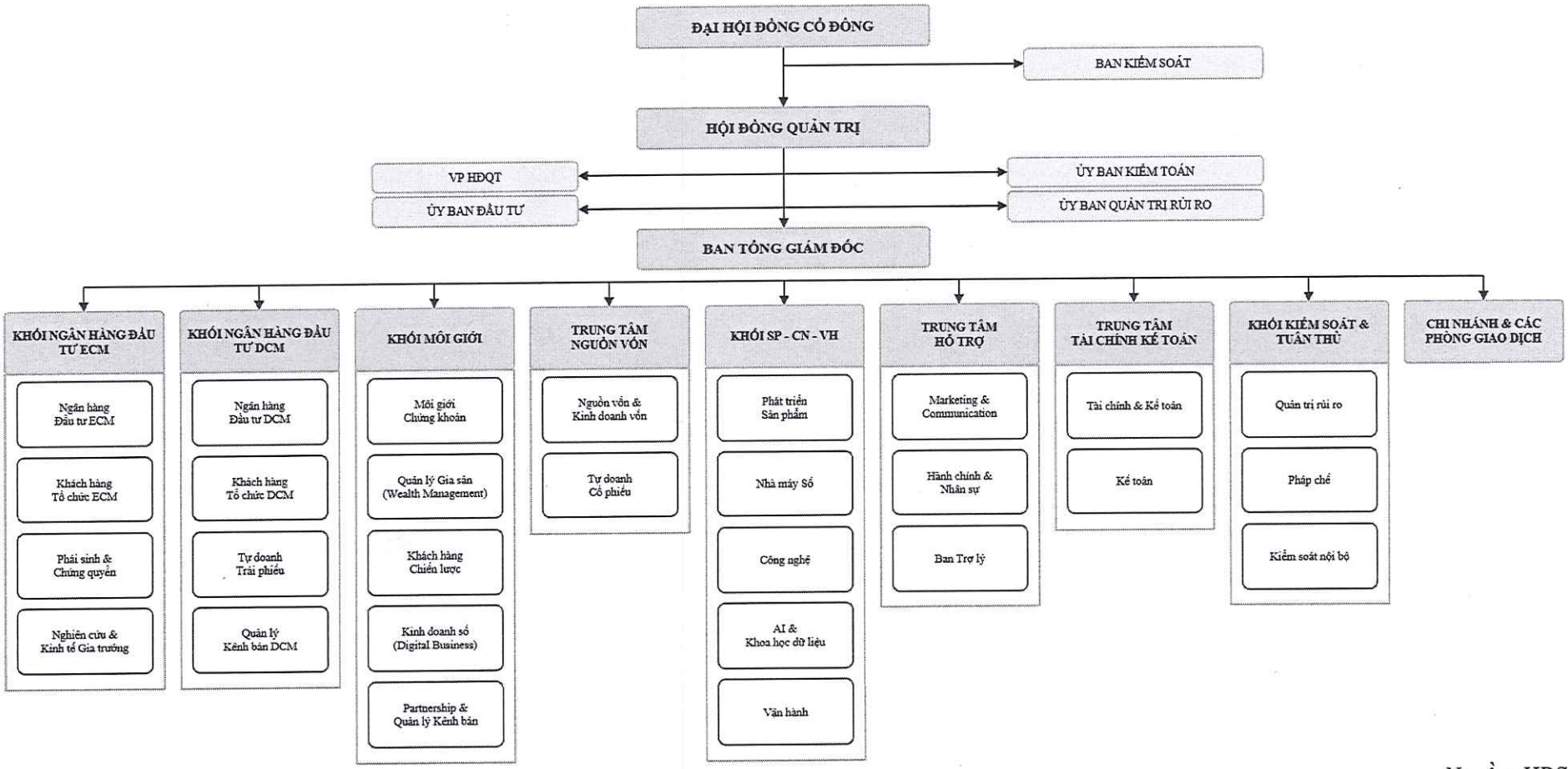

Nguồn: HDS

4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty.

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;

d. Chấp thuận, quyết định tất cả các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Công Ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

f. Thông qua BCTC hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

4.2. Hội đồng Quản trị

4.2.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

4.2.2. HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công Ty, cụ thể như sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công Ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh Nghiệp;

f. Quyết định việc phát hành, chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và phát hành, chào bán các loại chứng khoán khác trừ các loại chứng khoán thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều Lệ;

g. Quyết định huy động vốn dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

j. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp;

k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGĐ và người quản lý quan trọng khác theo quy định tại Điều Lệ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

l. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng Thành viên hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông tại công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m. Giám sát, chỉ đạo TGĐ và người quản lý khác trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

p. Trình BCTC hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty theo quy định của pháp luật;

s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế công bố thông tin của Công Ty, Quy chế/Quy định tài chính của Công Ty quy định thẩm quyền phê duyệt liên quan đến chi phí của Công Ty phù hợp với hoạt động kinh doanh;

t. Phê duyệt, chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp;

u. Giao nhiệm vụ, phân công, phân quyền cho Chủ tịch HĐQT, TGĐ hoặc người quản lý khác để triển khai thực hiện hợp đồng, giao dịch, quyết định đầu tư, hoạt động kinh doanh và/hoặc các nội dung công việc khác đã được HĐQT phê duyệt;

v. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;

w. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

x. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

y. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đối với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

z. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.

4.2.3. Từng thành viên HĐQT độc lập của Công Ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

4.2.4. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công Ty.

b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty.

c. Đảm bảo hoạt động của Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty.

d. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị Định 155.

g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty.

h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công Ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, TGĐ, Người phụ trách quản trị Công Ty và người quản lý khác của Công Ty.

i. Báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị Định 155.

j. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

4.3. Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên BKS là từ 03 (*Ba*) thành viên trở lên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm 05 (*Năm*) và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp các thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Quyền và nghĩa vụ của BKS bao gồm:

a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công Ty; việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGĐ và người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban TGĐ và Cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên HĐQT, Ban TGĐ và người điều hành khác của Doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

g. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị Định 155.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên Ban TGĐ và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

j. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, thành viên Ban TGĐ vi phạm pháp luật, Điều Lệ, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, Cổ đông hoặc khách hàng, BKS có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, BKS phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

k. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

m. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.

n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Công Ty có TGĐ, các Phó TGĐ và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGĐ;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy định của công ty mẹ (nếu có).

4.5. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban TGĐ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ, bao gồm:

a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;

b. Giám sát việc thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội

bộ Công ty, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên; giám sát việc thực hiện trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty và trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã được ủy quyền;

c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn tài chính;

e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h. Thực hiện các nội dung khác theo nhiệm vụ do TGĐ giao.

4.6. Chi nhánh & Các Phòng giao dịch

a. Công Ty hiện có 01 Chi nhánh là Chi nhánh Hà Nội, đóng vai trò mở rộng phạm vi hoạt động, tiếp cận thị trường địa phương và phục vụ khách hàng một cách hiệu quả hơn. Chi nhánh Hà Nội thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán theo ủy quyền của Công Ty, góp phần tăng doanh thu, xây dựng thương hiệu và tạo dựng mối quan hệ với đối tác tại khu vực Hà Nội.

b. Công Ty hiện có 02 Phòng giao dịch, trong đó 01 Phòng giao dịch trực thuộc Trụ sở chính và 01 Phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh Hà Nội. Các Phòng giao dịch được thành lập nhằm mở rộng mạng lưới, tăng cường khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại địa bàn hoạt động. Các Phòng giao dịch hỗ trợ thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho Trụ sở chính và Chi nhánh Hà Nội, trong phạm vi đã được UBCKNN chấp thuận. Qua đó, các Phòng giao dịch góp phần phát triển cơ sở khách hàng và củng cố hình ảnh thương hiệu của Công ty.

4.7. Hệ thống các Khối, Phòng ban

Cơ cấu tổ chức của HDS bao gồm các Khối, Trung tâm và các đơn vị chức năng cụ thể như sau:

4.7.1. Khối Ngân hàng đầu tư ECM – Equity Capital Markets

a) Chức năng Ngân hàng đầu tư ECM

Phát triển các hoạt động liên quan đến thị trường vốn và nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) theo quy định Pháp luật từng thời kỳ như tư vấn phát hành cổ phiếu, tư vấn Mua bán & Sáp nhập (M&A), tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.

b) Chức năng Khách hàng tổ chức ECM

Tập trung vào cung cấp dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư trên thị trường vốn (ECM) cho khách hàng tổ chức, quản lý và phát triển mối quan hệ với các tổ chức tài chính lớn. Phòng này cung cấp các giải pháp tài chính phức tạp và phù hợp với nhu cầu cụ thể của khách hàng tổ chức.

c) Chức năng Phái sinh & Chứng quyền

Nghiệp vụ Chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant - CW)

- Thiết kế sản phẩm: Lựa chọn chứng khoán cơ sở (thuộc rổ VN30), xác định các thông số: giá thực hiện, tỷ lệ chuyển đổi, kỳ hạn và quy mô phát hành.
- Phát hành và Niêm yết: Hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán với UBCKNN; phối hợp với VSDC và SGDCK để niêm yết và lưu ký chứng quyền.
- Hoạt động Phòng vệ rủi ro (Hedging): Tính toán các chỉ số Delta, Gamma, Vega... để thực hiện mua/bán chứng khoán cơ sở tương ứng, đảm bảo giảm thiểu rủi ro khi giá thị trường biến động.

- Thực hiện quyền: Quản lý quy trình thanh toán tiền cho nhà đầu tư khi chứng quyền đến hạn hoặc khi nhà đầu tư thực hiện quyền.

Nghiệp vụ Chứng khoán phái sinh (Derivatives)

- Giao dịch tự doanh: Thực hiện các chiến lược giao dịch ngắn và trung hạn trên Hợp đồng tương lai chỉ số (VN30) và Hợp đồng tương lai TPCP.
- Giao dịch Arbitrage: Khai thác các cơ hội lệch giá giữa thị trường phái sinh và thị trường cơ sở (Cash-and-carry arbitrage).
- Quản lý ký quỹ: Theo dõi tỷ lệ ký quỹ tại VSDC và quản lý dòng tiền thanh toán bù trừ hàng ngày.

Phân tích và Hệ thống

- Xây dựng mô hình định giá: Sử dụng các mô hình tài chính (như Black-Scholes) để định giá lý thuyết cho chứng quyền và các công cụ phái sinh.
- Phát triển hệ thống giao dịch: Phối hợp với bộ phận IT để xây dựng và tối ưu hóa hệ thống giao dịch thuật toán (Algo-trading) và các công cụ quản lý lệnh tự động cho Market Making.
- Báo cáo quản trị: Theo dõi lãi/lỗ (P&L) theo thời gian thực và báo cáo trạng thái rủi ro định kỳ cho Ban TGĐ.

d) Chức năng Nghiên cứu & Kinh tế trưởng

- Thu thập thông tin, tài liệu từ các Doanh nghiệp và các nguồn tin tin cậy để phục vụ hoạt động phân tích và dự báo vĩ mô, vi mô, phân tích ngành, phân tích cơ bản Doanh nghiệp và phân tích kỹ thuật để hỗ trợ các phòng ban trong Công Ty trong công tác kinh doanh theo chiến lược của Công Ty trong từng thời kỳ.
- Hỗ trợ các bộ phận kinh doanh thông qua các hoạt động thuyết trình thị trường, cung cấp thông tin phân tích cũng như tham gia hội thảo, webinar, roadshow doanh nghiệp
- Xây dựng và duy trì liên tục các mối quan hệ với Khách hàng, Doanh nghiệp và các tổ chức liên quan để có nguồn tin chính xác, kịp thời.
- Minh bạch lợi ích, tránh xung đột lợi ích với Tự doanh & Ngân hàng Đầu tư. Tuân thủ quy định công bố thông tin, tuân thủ chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

4.7.2. Khối Ngân hàng đầu tư DCM – Debt Capital Markets

a) Chức năng Ngân hàng đầu tư DCM

- Tư vấn phát hành TPDN trên thị trường sơ cấp và giao dịch thứ cấp với Khách hàng cá nhân.
- Tìm kiếm, thiết lập, duy trì, phát triển và quản lý quan hệ với Khách hàng có nhu cầu phát hành TPDN và các dịch vụ tư vấn tài chính Doanh nghiệp (tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập Doanh nghiệp…) theo quy định của HDS và Pháp luật hiện hành với mục đích đạt được mục tiêu doanh số phí tư vấn đề ra.
- Tổ chức và cung cấp các sản phẩm có liên quan đến TPDN (bao gồm nhưng không giới hạn bảo lãnh thanh toán, quản lý tài sản đảm bảo, các sản phẩm phái sinh từ TPDN) theo quy định của Pháp luật từng thời kỳ nhằm tăng thu nhập từ phí.

b) Chức năng Khách hàng tổ chức DCM

Tập trung vào cung cấp dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư trên thị trường nợ (DCM) cho khách hàng tổ chức, quản lý và phát triển mối quan hệ với các tổ chức tài chính lớn. Phòng này cung cấp các giải pháp tài chính phức tạp và phù hợp với nhu cầu cụ thể của khách hàng tổ chức.

c) Chức năng Tự doanh Trái phiếu

- Nghiên cứu, đánh giá xu hướng thị trường để xây dựng chiến lược đầu tư. Xác định danh mục mục tiêu và lợi nhuận kỳ vọng.
- Kinh doanh TPDN, TPCP, Trái phiếu Chính quyền địa phương, trên thị trường sơ cấp và thứ cấp với Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho Công Ty.
- Đảm bảo tuân thủ các giới hạn giao dịch. Tuân thủ các tỷ lệ quy định nội bộ và của UBCKNN cũng như các cơ quan quản lý khác.
- Báo cáo kết quả tự doanh, lãi/lỗ và phân tích hiệu quả danh mục

d) Chức năng Quản lý kênh bán DCM

- Quản lý và thúc đẩy các kênh bán hàng của Công Ty.
- Phối hợp với các kênh kinh doanh và sản phẩm để xây dựng các cơ chế chính sách, chiến lược, kế hoạch định hướng phát triển; Rà soát, đánh giá phân hạng đội ngũ kinh doanh. Triển khai xây dựng kế hoạch truyền thông, đào tạo sản phẩm, kỹ năng bán hàng cho đội ngũ kinh doanh.
- Quản lý kho hàng sản phẩm đầu tư bao gồm tạo sản phẩm chi tiết, phân bổ số dư, đảm bảo phân bổ tối ưu số dư hàng ở các kênh bán
- Phối hợp cùng bộ phận Phát triển Sản phẩm để đóng góp xây dựng các sản phẩm thích hợp với kênh kinh doanh offline và online.
- Phối hợp cùng bộ phận Marketing để xây dựng và phát triển các chương trình tìm kiếm khách hàng mới qua kênh offline và online.

4.7.3. Khối Môi giới

a) Chức năng Khách hàng chiến lược

- Cấu trúc giải pháp tài chính: Thiết kế các gói vay Margin đặc thù cho các thương vụ lớn.
- Quản lý danh mục rủi ro tập trung: Kiểm soát rủi ro đối với các khoản vay có quy mô lớn, các mã chứng khoán chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ của Công Ty.
- Phục vụ các khách hàng chiến lược, đảm bảo hiệu quả sinh lời trên vốn (ROE).

b) Chức năng Môi giới Chứng khoán

- Đóng vai trò chủ chốt trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và môi giới chứng khoán chuyên sâu cho khách hàng. Nhiệm vụ chính của phòng là quản lý và phát triển danh mục đầu tư cho khách hàng, cung cấp các giải pháp đầu tư phù hợp, tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, phòng còn tập trung vào việc phát triển đội ngũ chuyên viên môi giới thông qua tuyển dụng, đào tạo và hướng dẫn, đảm bảo chất lượng dịch vụ cao nhất, từ đó gia tăng sự hài lòng của khách hàng và mở rộng thị phần môi giới của Công Ty.

c) Chức năng Kinh doanh số

- Giữ vai trò trọng tâm trong việc phát triển và chăm sóc tập khách hàng đại chúng, phát triển quan hệ đối tác chiến lược qua việc ứng dụng công nghệ, thu hút khách hàng có nhu cầu thu xếp vốn và quảng bá thương hiệu HDS qua các hợp tác chiến lược.

d) Chức năng Tư vấn & Quản lý gia sản

- Tư vấn, môi giới, triển khai quản lý gia sản cho các Khách hàng cá nhân thông qua việc lên kế hoạch tài chính đầu tư phân bổ danh mục các sản phẩm đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ v.v

- Tham gia xây dựng và đề xuất các chương trình thúc đẩy kinh doanh, khuyến mại, bán hàng, nhằm gia tăng các cơ hội tìm kiếm và mở rộng cơ sở Khách hàng cho HDS cũng như phối hợp với các đơn vị có liên quan để tăng thị phần, mức độ nhận biết và mục tiêu doanh thu lợi nhuận cho từng sản phẩm của HDS.
- Tham gia xây dựng kế hoạch và tham gia triển khai đào tạo, truyền thông về các chính sách bán hàng, kinh doanh, Khách hàng đến các đối tượng có liên quan của HDS.

e) Chức năng Partnership & Quản lý kênh bán môi giới

Quản lý kênh bán môi giới

- Hỗ trợ xây dựng cơ chế và chính sách: Thiết kế các gói phí giao dịch, lãi suất Margin và cơ chế hoa hồng cho đội ngũ môi giới.
- Quản trị hiệu suất (KPIs): Theo dõi, đánh giá và thúc đẩy chỉ tiêu doanh số, dư nợ và số lượng tài khoản mở mới.
- Hỗ trợ và thúc đẩy kinh doanh: Cung cấp công cụ, dữ liệu và các chương trình đào tạo để đội ngũ môi giới tác nghiệp hiệu quả.
- Giám sát tuân thủ: Đảm bảo đội ngũ môi giới hoạt động trong khuôn khổ đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật/UBCKNN.

Phát triển đối tác chiến lược (Partnership)

- Xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới đối tác nhằm mở rộng kênh phân phối và gia tăng tệp khách hàng.
- Phối hợp xây dựng các mô hình bán chéo giữa Công Ty và các đối tác. Tham gia thiết kế các sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp tích hợp nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Theo dõi các chỉ số kinh doanh của từng đối tác và từng chương trình hợp tác.
- Đánh giá hiệu quả các chiến dịch bán chéo và đề xuất phương án tối ưu.

4.7.4. Trung tâm Nguồn vốn

a) Chức năng nguồn vốn & Kinh doanh nguồn vốn

- Quản lý nguồn vốn: Tổ chức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thanh khoản và kinh doanh.
- Quản trị cân đối tài sản – nguồn vốn: Đảm bảo cân đối kỳ hạn, lãi suất, giữa tài sản và nguồn vốn để giảm thiểu rủi ro.
- Quản lý thanh khoản: Duy trì khả năng thanh toán của Công Ty trong mọi tình huống.
- Hỗ trợ kinh doanh giấy tờ có giá: Triển khai các nghiệp vụ trên TTCK, thị trường liên ngân hàng, đầu tư ngắn và dài hạn.

b) Chức năng Tự doanh Cổ phiếu

- Nghiên cứu, đánh giá xu hướng thị trường để xây dựng chiến lược đầu tư. Xác định danh mục mục tiêu và lợi nhuận kỳ vọng
- Kinh doanh Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, các sản phẩm phái sinh và các sản phẩm cấu trúc trên thị trường sơ cấp và thứ cấp với Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức.
- Cơ cấu danh mục theo chiến lược. Tối ưu giá trị tài sản ròng, rủi ro và lợi nhuận.
- Đảm bảo tuân thủ các giới hạn giao dịch. Tuân thủ các tỷ lệ quy định nội bộ và của UBCKNN cũng như các cơ quan quản lý khác.
- Nghiên cứu, đánh giá xu hướng thị trường để ra quyết định đầu tư.

- Báo cáo kết quả tự doanh, lãi/lỗ và phân tích hiệu quả danh mục.

4.7.5. Khối Sản phẩm – Công nghệ – Vận hành

a) Chức năng Nhà máy Số

- Xác định các yêu cầu về tính năng và nội dung có trong ứng dụng hoặc sản phẩm. Đồng thời các yêu cầu đó phải phù hợp với các mục tiêu chiến lược.
- Tham gia xây dựng nền tảng trải nghiệm người dùng, tổ hợp những kỹ thuật công nghệ mà Doanh nghiệp có thể sử dụng để tạo nên sự tương tác giữa một người dùng với các tính năng, quy trình, nội dung, dịch vụ của thương hiệu hoặc với những người dùng khác.
- Yêu cầu về chức năng: là những yêu cầu về chức năng, tính năng trong sản phẩm, làm thế nào để các tính năng làm việc và liên kết với nhau. Các tính năng này là những gì người dùng cần để có thể đạt được mục tiêu.
- Yêu cầu nội dung: là những thông tin Doanh nghiệp cần để có thể cung cấp giá trị cho người dùng, chẳng hạn như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video…

b) Chức năng Phát triển sản phẩm

- Chịu trách nhiệm trong việc xác định chiến lược, định hướng phát triển và đánh giá chất lượng thực hiện về nghiệp vụ đối với hoạt động Định vị và Nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ của Công Ty.
- Liên tục nghiên cứu, phát triển, đề xuất xây dựng các sản phẩm mới tốt nhất, cạnh tranh nhất thị trường bao gồm nhưng không giới hạn trong lĩnh vực giao dịch chứng khoán, vay margin, phái sinh, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, các sản phẩm tài chính, đầu tư mới... phù hợp với quy định của cơ quan quản lý Nhà nước và xu hướng phát triển của thị trường qua từng thời kỳ, đặc biệt là các sản phẩm liên quan đến công nghệ và trải nghiệm của Khách hàng.
- Xây dựng và đề xuất kế hoạch bán hàng, kênh phân phối, marketing, truyền thông, quảng bá, tờ rơi, công cụ hỗ trợ bán hàng (POSM) cũng như phối hợp với các bộ phận như Môi giới, Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp để tăng thị phần, mức độ nhận biết, độ phủ và mục tiêu lợi nhuận cho các sản phẩm của Công Ty. Xây dựng chính sách phân hạng cho Khách hàng.

c) Chức năng Vận hành

Bộ phận tài khoản & Dịch vụ Khách hàng

- Tham mưu, đề xuất cho TGĐ về chiến lược, kế hoạch, các dịch vụ, sản phẩm Môi giới, Lưu ký và quản lý sổ cổ đông, Hỗ trợ tài chính.
- Cung cấp và tư vấn sản phẩm/dịch vụ theo đúng nhu cầu/đối tượng Khách hàng.
- Tiếp nhận xử lý tối đa thắc mắc, khiếu nại của Khách hàng, chăm sóc Khách hàng theo đúng quy trình, thời gian quy định của Công Ty, đảm bảo theo đúng cam kết giữa Công Ty với Khách hàng.
- Thực hiện vận hành hệ thống, đảm bảo tính hợp lệ trong giao dịch trong ngày của Khách hàng.
- Giám sát tuân thủ và vận hành các quy trình dịch vụ Khách hàng.

Bộ phận Vận hành Trái phiếu & Chứng chỉ quỹ

- Vận hành Giao dịch:
  - Quản lý, vận hành hoạt động bán lẻ trái phiếu, chứng chỉ quỹ.
  - Xác nhận Nhà đầu tư chứng khoán Chuyên nghiệp.
  - Thực hiện soạn bộ hợp đồng mua bán với đối tác mà Công Ty là một bên trong các giao

dịch đầu tư, tự doanh liên quan tới trái phiếu, chứng chỉ quỹ.

- Tham gia vào quá trình kiểm tra và góp phần xây dựng hệ thống quản lý trái phiếu, chứng chỉ quỹ.

- Đại lý lưu ký và Đại diện người sở hữu Trái phiếu:
  - Quản lý sổ đăng ký, chuyển nhượng, xác nhận thông tin liên quan tới Trái phiếu.
  - Thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới chốt danh sách Trái chủ, xác định và thanh toán lãi Trái phiếu.
  - Nghiệp vụ phong tỏa, giải tỏa xác nhận số dư.
  - Thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới đại diện người sở hữu Trái phiếu, bao gồm việc nhận, quản lý tài sản bảo đảm của Trái phiếu (hoặc chỉ định bên thứ ba nhận tài sản bảo đảm) trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật và hợp đồng cung cấp dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu.
  - Phối hợp với các phòng ban liên quan để thực hiện kiểm thử hệ thống giao dịch theo nhu cầu phát triển phần mềm của Công Ty và cơ quan quản lý.

Bộ phận Vận hành Chứng khoán niêm yết

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan tới lưu ký Chứng khoán như nhận gửi, rút, chuyển khoản, phong tỏa chứng khoán, thanh toán mua bán chứng khoán trên tài khoản của Khách hàng và tài khoản tự doanh của Công Ty.
- Thực hiện các hợp đồng lưu ký với Khách hàng về cổ phiếu chưa niêm yết/giao dịch trên sàn, các chứng chỉ chứng khoán ghi sổ và chứng chỉ chứng khoán vật chất.
- Thực hiện nghiệp vụ liên quan trong các hợp đồng bán đấu giá, hợp đồng đại lý phát hành và các hợp đồng có liên quan khác.
- Xây dựng quy trình nghiệp vụ giao dịch chứng khoán. Kiểm soát giao dịch, đối soát số dư chứng khoán, thanh toán bù trừ. Thực hiện sửa lỗi phát sinh.
- Thực hiện các nghiệp vụ giao dịch tiền liên quan tới tài khoản chứng khoán của Khách hàng. Đối chiếu, lập các báo cáo liên quan tới giao dịch tiền của Khách hàng, cân tiền tổng thể trên các tài khoản của Khách hàng tại các thời điểm theo quy định.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để thực hiện test hệ thống giao dịch theo nhu cầu phát triển phần mềm của Công Ty và cơ quan quản lý.

Bộ phận Dịch vụ Tài chính

- Quản trị chung hệ thống tài khoản giao dịch ký quỹ theo các quy định của Công Ty và Pháp luật.
- Thiết lập các tham số đảm bảo thực hiện theo chính sách liên quan tới giao dịch ký quỹ được phê duyệt theo từng thời kỳ (tỷ lệ, lãi suất, danh mục ký quỹ, thời hạn, room...).
- Theo dõi, quản lý việc xử lý giải chấp tài khoản giao dịch ký quỹ theo quy định của Công Ty.
- Phối hợp các phòng ban thực hiện kiểm thử hệ thống giao dịch theo nhu cầu phát triển phần mềm của Công Ty và của cơ quan ban ngành.
- Lưu trữ các chứng từ liên quan theo quy định.

d) Chức năng Công nghệ Thông tin

Phát triển phần mềm

- Phân tích nghiệp vụ:

- Tổ chức nghiên cứu công nghệ, lựa chọn công nghệ phù hợp đưa vào ứng dụng, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu phát triển các sản phẩm phần mềm phục vụ kinh doanh.
- Hỗ trợ nghiệp vụ xử lý lỗi giao dịch phát sinh.
- Phát triển ứng dụng:
- Thiết kế, phát triển, nâng cấp các ứng dụng theo lộ trình kinh doanh và kế hoạch được phê duyệt.
- Phát triển các sản phẩm mới phù hợp với quy định của UBCKNN, SGDCK, VSDC.

- Quản lý chất lượng:
  - Phối hợp với Phòng Phát triển sản phẩm thực hiện kiểm nghiệm và đưa sản phẩm vào sử dụng.
  - Đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự đảm bảo đáp ứng đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển trong dài hạn.
  - Vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu ("**CSDL**"), hệ thống giao dịch chứng khoán, giám sát, bảo đảm các hệ thống CSDL hoạt động an toàn, ổn định. Nâng cấp, bảo trì, tối ưu các hệ thống CSDL.
  - Quản lý các đối tác cung cấp dịch vụ, ứng dụng. Nghiệm thu và phối hợp nghiệm thu với các dự án CNTT liên quan đến vận hành công nghệ.
  - Chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động về công nghệ theo yêu cầu của UBCKNN, VSDC, SGDCK.
- Quản lý hạ tầng và ứng dụng
  - Triển khai, vận hành, quản lý và giám sát hạ tầng CNTT tại Hội sở, chi nhánh.
  - Hỗ trợ người dùng về hạ tầng, tiếp nhận yêu cầu và xử lý sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm, vận hành máy tính, hệ thống phần cứng.
  - Sao lưu dữ liệu định kỳ, đánh giá, dự phòng các sự cố rủi ro.
  - Thiết lập dịch vụ mạng, chính sách an toàn thông tin mạng và triển khai đến người dùng.
  - Rà soát, vá các lỗ hổng hệ thống định kỳ đảm bảo an toàn thông tin cho dịch vụ và người dùng.
  - Nghiên cứu, xây dựng định hướng chiến lược và phát triển CNTT để ứng dụng cho các hoạt động của Công Ty trong từng giai đoạn phát triển.
  - Lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì hệ thống CNTT.
- Dữ liệu và Đổi mới
  - Thiết kế, xây dựng và duy trì kiến trúc cơ sở hạ tầng dữ liệu.
  - Phát triển các công cụ liên quan đến dữ liệu bao gồm tích hợp, lưu trữ, phân tích và khai thác dữ liệu.
  - Xây dựng và phát triển hệ thống báo cáo tự động hàng ngày và bất thường. Phân tích dữ liệu chuyên sâu.
  - Phát triển các sản phẩm dịch vụ thúc đẩy bởi dữ liệu. Cung cấp các thông tin chuyên sâu cho các bộ phận kinh doanh cũng như Khách hàng để thúc đẩy tương tác và giao dịch.

- An toàn thông tin ("**ATTT**")
  - Xây dựng, đề xuất ban hành, triển khai chính sách ATTT.
  - Đào tạo nhận thức, truyền thông các chính sách, quy định, quy trình về ATTT.
  - Tiếp nhận, cảnh báo, xử lý các vấn đề ATTT. Thực hiện đánh giá ATTT định kỳ theo tháng/quý hoặc theo dự án sản phẩm.
  - Tổ quản lý và kiểm soát mọi hoạt động của Nhóm Phát triển ứng dụng, Nhóm Quản lý hạ tầng và bảo mật tại Công Ty và các chi nhánh.
  - Vận hành, quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của hệ thống CNTT toàn Công Ty.

e) Chức năng AI & Khoa học dữ liệu

Phân tích Dự báo và Hỗ trợ Đầu tư

- Dự báo xu hướng: Xây dựng các mô hình dự báo chỉ số (VN-Index), giá cổ phiếu hoặc biến động thanh khoản dựa trên dữ liệu lịch sử và các yếu tố vĩ mô.
- Phân tích tâm lý thị trường (Sentiment Analysis): Sử dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) để quét tin tức, diễn đàn, mạng xã hội nhằm đo lường thái độ của nhà đầu tư đối với từng mã cổ phiếu hoặc thị trường chung.
- Phát triển thuật toán giao dịch (Algo-trading): Phối hợp với bộ phận Tự doanh/Phái sinh để thiết kế các chiến lược giao dịch tự động, tìm kiếm cơ hội Arbitrage hoặc thực hiện lệnh lớn theo cách tối ưu nhất (giảm trượt giá).

Thấu hiểu và Giữ chân Khách hàng

- Hệ thống gợi ý đầu tư (Recommendation System): Tự động đề xuất các mã cổ phiếu phù hợp với khẩu vị rủi ro và lịch sử giao dịch của từng khách hàng.
- Dự báo rời bỏ (Churn Prediction): Nhận diện các khách hàng có dấu hiệu sắp ngừng giao dịch hoặc rút tiền để bộ phận Môi giới có biện pháp chăm sóc kịp thời.
- Phân khúc khách hàng (Customer Segmentation): Phân loại khách hàng dựa trên hành vi (tần suất giao dịch, quy mô tài sản, phong cách đầu tư) để áp dụng các chính sách phí và Margin riêng biệt.

Quản trị Rủi ro và Kiểm soát Gian lận

- Chấm điểm tín dụng (Credit Scoring): Xây dựng mô hình đánh giá rủi ro cho vay Margin cho từng khách hàng, thay vì chỉ dựa vào các tiêu chuẩn cứng nhắc.
- Phát hiện giao dịch bất thường (Fraud Detection): Nhận diện các hành vi thao túng thị trường (wash trade), giao dịch nội bộ hoặc các nỗ lực xâm nhập tài khoản trái phép thông qua các thuật toán phát hiện điểm dị thường (Anomaly Detection).

Hạ tầng dữ liệu và AI tạo sinh (GenAI)

- Xây dựng Kho dữ liệu (Data Warehouse/Data Lake): Thu thập và làm sạch dữ liệu từ nhiều nguồn (Core-security, dữ liệu Sở giao dịch, dữ liệu kinh tế vĩ mô).
- Triển khai Chatbot/AI Assistant: Phát triển các trợ lý ảo thông minh có khả năng trả lời câu hỏi về BCTC, hướng dẫn thủ tục hoặc phân tích kỹ thuật nhanh chóng cho khách hàng.

4.7.6. Trung tâm Hỗ trợ

a) Chức năng Marketing và Truyền thông

- Lập kế hoạch/đề xuất các hoạt động truyền thông (nội bộ, bên ngoài), chương trình

quảng bá, xây dựng, phát triển thương hiệu cho Công Ty và các sản phẩm, dịch vụ của Công Ty.

- Xây dựng kịch bản, triển khai, quản lý, giám sát các chiến dịch truyền thông, marketing chính sách Khách hàng, tiếp thị sản phẩm dịch vụ trên kênh kỹ thuật số, kênh mạng xã hội.
- Lên kế hoạch và triển khai digital marketing/viral marketing cho các chiến dịch ra mắt sản phẩm/ dịch vụ mới.
- Thống kê, phân tích các chiến dịch quảng cáo để có các điều chỉnh hợp lý về đối tượng/hình thức/kênh/ngân sách, nhằm tăng hiệu quả chiến dịch.
- Nghiên cứu các đối tượng Khách hàng và các nhu cầu của từng đối tượng để đưa ra kế hoạch digital marketing/viral marketing phù hợp cho các sản phẩm.
- Thiết kế các POSM, các ấn phẩm truyền thông online và offline cho Công Ty.

b) *Chức năng Hành chính & Nhân sự*

Hành chính

- Xây dựng quy chế và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, quản lý hồ sơ Pháp lý, lễ tân.
- Thực hiện các thủ tục hành chính pháp lý, soạn thảo các văn bản hành chính (lịch công tác tuần, sắp xếp lịch họp, lịch làm việc), tổ chức các cuộc họp, sự kiện hàng năm, tổng kết cuối năm, sinh nhật, team building của Công Ty.
- Lên kế hoạch mua sắm, quản lý và hướng dẫn sử dụng các tài sản chung của Công Ty. Phối hợp với phòng Kế toán thực việc kiểm kê và thanh lý tài sản.
- Thực hiện việc thanh toán hàng tháng chi phí thuê nhà, văn phòng phẩm, vệ sinh, điện thoại, chuyển phát nhanh, hành chính, nước uống, in ấn...
- Quản lý và cấp đồng phục, đặt vé máy bay, khách sạn cho toàn CBNV.
- Quản lý nhà cung cấp: làm việc với nhà cung cấp, thực hiện các thủ tục gia hạn/ký mới các hợp đồng, token.
- Tiến hành các công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa, bảo trì, bảo hành tòa nhà văn phòng theo định kỳ.
- Tiếp nhận và truyền đạt thông tin của Ban quản lý Tòa nhà kịp thời đến Ban lãnh đạo và CBNV Công Ty (như: thông báo về tình hình diễn tập phòng cháy chữa cháy, thông tin về tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến công việc…).

Nhân sự

- Tuyển dụng & Thương hiệu Tuyển dụng
  - Hướng dẫn, phối hợp với các phòng ban xây dựng mô tả công việc, nhiệm vụ chức năng phòng ban theo cơ cấu tổ chức từng thời kì.
  - Theo dõi và kiểm soát định biên nhân sự hàng năm của các phòng ban, thực hiện các hoạt động tuyển dụng như đăng tin tuyển dụng, sàng lọc hồ sơ, sắp xếp phỏng vấn, cung cấp tư vấn để chọn ứng viên đủ tiêu chuẩn đáp ứng vị trí tuyển dụng.
  - Xây dựng và cập nhật chính sách, quy trình, quy định và các biểu mẫu nội bộ về tuyển dụng, quy trình nhận việc, hỗ trợ nhân viên mới trong thời gian thử việc, đánh giá thử việc, thực hiện các báo cáo, phân tích liên quan đến công tác tuyển dụng.
  - Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động, chiến dịch quảng bá thương hiệu

Nhà tuyển dụng cho Công Ty.

- Đãi ngộ Nhân sự và Dịch vụ Nhân sự
  - Xây dựng các chính sách, quy định, quy trình liên quan đến đãi ngộ nhân sự, vận hành và dịch vụ nhân sự.
  - Đánh giá vị trí và cập nhật khung lương phù hợp với thị trường.
  - Tham gia đề xuất các chính sách thưởng năm, thưởng thành tích kinh doanh, điều chỉnh lương… dựa vào kết quả đánh giá hiệu quả làm việc để đảm bảo công bằng nội bộ.
  - Đề xuất, phối hợp triển khai và đánh giá hiệu quả các chương trình phúc lợi định kỳ.
  - Xây dựng và lập ngân sách năm cho phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty.
  - Phối hợp triển khai quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP").
  - Xây dựng, triển khai quy định, chính sách và quản lý dữ liệu thăng cấp, bổ nhiệm và thuyên chuyển nhân sự.
  - Thực hiện chấm công, tính lương, thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, thuế, hợp đồng lao động, theo dõi phép năm, bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho CBNV.
  - Thực hiện các báo cáo định kỳ cho các cơ quan Nhà nước.
  - Xây dựng hệ thống phần mềm dữ liệu nhân sự.
- Đào tạo và Phát triển Tổ chức
  - Triển khai đào tạo hội nhập nhân viên mới.
  - Tổng hợp, phân tích và cung cấp các giải pháp đào tạo hỗ trợ phát triển chuyên môn và kỹ năng của nhân viên dựa vào nhu cầu đào tạo hàng năm.
  - Xây dựng, triển khai và phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến.
  - Xây dựng và phát triển chính sách, quy định nội bộ về đào tạo, thiết lập tiêu chuẩn và kiểm soát chất lượng đào tạo, đánh giá tác động và hiệu quả đào tạo.
  - Xây dựng công cụ, quy trình thiết lập mục tiêu công việc, đánh giá thành tích hiệu quả công việc.
  - Phối hợp với các Công Ty phần mềm để xây dựng, quản trị và phát triển Hệ thống Đánh giá Hiệu quả công việc (EPM).
  - Tham mưu cho các đơn vị và Ban lãnh đạo về cách thức tổ chức, sắp xếp cấu trúc của các phòng ban nhằm phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công Ty.

Ban trợ lý

- Thực hiện công tác thư ký và cung cấp thông tin như chuẩn bị tài liệu, sắp xếp, thông báo, tổ chức các cuộc họp và biên bản họp của Ban TGĐ & HĐQT.
- Đại diện TGĐ trong các hoạt động làm việc & liên hệ với bên ngoài khi được yêu cầu.
- Quản lý lịch trình công việc hàng ngày của TGĐ, đặt và hủy hẹn khi cần thiết.
- Quản lý lịch trình đi lại của Ban TGĐ & HĐQT, chủ động phối hợp với các phòng ban nội bộ điều phối việc lập kế hoạch trước chuyến đi, bao gồm: sắp xếp việc đi lại, visa,

lịch trình hợp lý và những liên lạc cần thiết, thông tin về điểm đến, tài liệu marketing và những chuẩn bị cần thiết khác.

- Hỗ trợ chuẩn bị họp HĐQT, báo cáo thường niên, họp giao ban định kỳ, bao gồm theo dõi, nhắc nhở và cập nhật tiến trình thực hiện, soạn thảo tài liệu, lịch trình, lên thời gian biểu để chuẩn bị tài liệu và công cụ, đồng thời hỗ trợ việc trình bày biên bản họp chính xác.
- Xử lý những thông tin nội bộ một cách chuyên nghiệp và bảo mật thông tin.
- Quản lý hóa đơn & hỗ trợ thanh toán những chi phí công việc của Ban TGĐ & HĐQT.
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản, nghị quyết, quyết định, Điều Lệ và các thông tin theo yêu cầu cho thành viên HĐQT, BKS, các phòng ban trong Công Ty và cổ đông.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để chuẩn bị hồ sơ phát hành cổ phiếu/trái phiếu, thực hiện báo cáo kết quả phát hành, đăng ký niêm yết và lưu ký bổ sung cổ phiếu/trái phiếu phát hành thêm cho các cơ quan chức năng.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để chuẩn bị hồ sơ phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động trong Công Ty, thực hiện báo cáo kết quả phát hành, đăng ký niêm yết và lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành của chương trình ESOP cho các cơ quan chức năng, quản lý hồ sơ ESOP.
- Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình quản trị Công Ty, các báo cáo của HĐQT cho các cơ quan chức năng.

4.7.7. Trung tâm Tài chính – Kế toán

a) *Chức năng Tài chính & Kế hoạch*

- Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch tài chính.
- Xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính kế toán của Công Ty. Quản lý dòng tiền, lập ngân sách và đưa ra dự báo tài chính cho Công Ty.
- Tư vấn và tìm kiếm nguồn tài chính dài hạn cho Công Ty.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.
- Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm về kế toán tài chính.

b) *Chức năng Kế toán*

- Hạch toán chi phí, kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền, kế toán công nợ, kế toán tài sản, nguyên vật liệu, kế toán doanh thu.
- Thống kê, ghi chép các hoạt động chính xác và cụ thể tình hình tài chính, kinh tế Công Ty.
- Kiểm tra, giám sát kế hoạch thu chi, hỗ trợ kiểm tra tài sản vật tư của Công Ty.
- Phổ biến các quy định, quy chế quản lý tài chính và cung cấp số liệu cho việc điều hành hoạt động kinh doanh.

4.7.8. Khối Kiểm soát & Tuân thủ

a) Chức năng Quản trị rủi ro

- Xây dựng các chính sách, quy định, quy trình phương pháp công cụ để quản lý các rủi ro trong hoạt động kinh doanh tại Công Ty.
- Thực hiện giám sát các quy trình quản lý rủi ro trong Công Ty.
- Giám sát hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, các quy định về an toàn tài chính do Bộ Tài chính ban hành.
- Thiết lập tỷ lệ đảm bảo cho danh mục giao dịch ký quỹ.
- Nhận định, đánh giá những nguy cơ rủi ro giúp Công Ty có biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro, bao gồm xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, đào tạo nhân lực, nâng cao kiến thức về pháp luật và áp dụng thống nhất quy trình hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro, có phương án ứng phó với rủi ro cũng như xây dựng biện pháp khắc phục khi có những tình huống rủi ro xảy ra.

b) Chức năng Pháp chế

- Tư vấn, tham mưu cho Ban TGĐ và chịu trách nhiệm về mặt Pháp lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu hoặc chỉ đạo của Ban TGĐ.
- Xây dựng Hợp đồng cho từng loại hình sản phẩm, dịch vụ Công Ty cung cấp cho Khách hàng.
- Đàm phán, thương thảo với Khách hàng của Công ty trong các giao dịch kinh doanh để đảm bảo tuân thủ Pháp luật và quy định của ngành chứng khoán.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều Lệ, quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty.
- Giám sát việc thực thi trách nhiệm của CBNV trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.

c) Chức năng Kiểm soát nội bộ

- Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban TGĐ có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều Lệ, quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của CBNV Công Ty.
- Giám sát việc thực thi trách nhiệm của CBNV trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Tách biệt tài sản của khách hàng, bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của Pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Thiết lập các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công Ty nhằm bảo đảm mục tiêu: Hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định

của Luật Chứng Khoán và các văn bản liên quan, bảo đảm quyền lợi Khách hàng, Hoạt động của Công Ty an toàn, hiệu quả. Bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực, hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời, trung thực trong việc lập BCTC của Công Ty.

4.7.9. Văn phòng HĐQT

- Thực hiện các công việc văn phòng, văn thư, thư ký thuộc HĐQT, BKS.
- Ghi chép biên bản và lưu trữ các nghị quyết, quyết định, các văn bản khác của ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS.
- Lập, quản lý sổ cổ đông, thực hiện việc quan hệ cổ đông, tiếp nhận và hướng dẫn, giải thích cho các cổ đông những vấn đề cổ đông quan tâm.
- Lập báo cáo về cổ đông để trình người có thẩm quyền ký, gửi các cơ quan Nhà nước theo quy định.
- Đầu mối cung cấp cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các thành viên HĐQT, BKS, các bộ phận quản lý của HDS và các cơ quan Nhà nước những thông tin về tình hình, kết quả hoạt động của HDS.
- Tham mưu, đề xuất với HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc đưa ra những đường lối, chính sách, quyết định của HĐQT về những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

4.7.10. Ủy ban Kiểm toán

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp để trình lên HĐQT phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình HĐQT phê duyệt.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và kiểm soát dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập nhằm đảo bảo hợp tác có hiệu quả.

4.7.11. Ủy ban Đầu tư

- Hoạt động đầu tư: Thúc đẩy việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển của Công Ty;
- Hoạch định chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn;
- Nghiên cứu, thẩm định, đánh giá và phê duyệt các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Ủy ban Đầu tư có từ 03 (*Ba*) đến 05 (*Năm*) thành viên. Các thành viên của Ủy ban Đầu tư sẽ do HĐQT bổ nhiệm theo từng thời kỳ.

4.7.12. Ủy ban Quản trị Rủi ro

- Phê duyệt mô hình phân tích và quản trị rủi ro. Kết quả của mô hình này là danh sách các mã Cổ phiếu, giá chặn và tỷ lệ cho vay. Các khoản cho vay ký quỹ theo danh sách này được gọi là các khoản cho vay ký quỹ tiêu chuẩn.
- Hoạt động cho vay ký quỹ ngoài tiêu chuẩn: Nghiên cứu, thẩm định, đánh giá và phê duyệt các khoản cho vay ký quỹ ngoài tiêu chuẩn.
- Hội đồng Rủi ro có từ 03 (*Ba*) đến 05 (*Năm*) thành viên. Các thành viên của Hội đồng rủi ro sẽ do HĐQT bổ nhiệm theo từng thời kỳ.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về Công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổ Chức Phát Hành có Công ty mẹ là Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**"), với thông tin cụ thể như sau:

- Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ (tại ngày 30/10/2026): 50.052.763.230.000 đồng
- Điện thoại: (+84) 28 6291 5916 Fax: (+84) 28 6291 5900
- Website: www.hdbank.com.vn
- Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0300608092 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã ngành: 6419)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của HDBank tại HDS:
  - Tại ngày 31/12/2024: 29,99%
  - Tại ngày 31/12/2025: 29,99%
  - Tại ngày 30/10/2026: 90,00%
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của HDS tại HDBank:
  - Tại ngày 31/12/2024: 0%
  - Tại ngày 31/12/2025: 0%
  - Tại ngày 30/10/2026: 0%

5.2. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Ngoài Công ty mẹ là HDBank được nêu trên đây, không có công ty nào khác nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành trong vòng 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm hiện tại.

5.3. Thông tin về Công ty con, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Trong vòng 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm hiện tại, Tổ Chức Phát Hành không có công ty con và không nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại công ty nào.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

6.1. Thời điểm thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia), được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK- GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006 với số vốn điều lệ ban đầu 43.000.000.000 VND (*Bốn mươi ba tỷ đồng*). Trải qua các lần tăng vốn điều lệ, Công Ty đã nâng số vốn điều lệ lên 10.960.692.820.000 VND (*Mười nghìn chín trăm sáu mươi tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

6.2. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm thành lập

Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm thành lập

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Tháng 12/2006	43.000.000.000	43.000.000.000	Góp vốn thành lập Công Ty	- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp cho CTCP Chứng khoán Phú Gia ngày 28/12/2006.	UBCKNN
Tháng 03/2011	112.000.000.000	155.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/2010/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2010; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 18/GPĐC-UBCK ngày 10/03/2011 về việc thay đổi vốn điều lệ;	ĐHĐCĐ UBCKNN
Tháng 05/2021	155.000.000.000	310.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/01/2020 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 13/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 28/04/2020 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 17/2020/NQ-HĐQT ngày 21/05/2020 phê duyệt triển khai Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 68/GPĐC-UBCK ngày 23/10/2020 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/05/2021.	ĐHĐCĐ UBCKNN Sở KHĐT (nay là Sở Tài chính)

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Tháng 10/2021	713.000.000.000	1.023.000.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 25/2021/NQ-HĐQT ngày 23/06/2021 về việc phê duyệt triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 87/GPĐC-UBCK ngày 07/10/2021 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 29/10/2021.	ĐHĐCĐ UBCKNN Sở KHĐT (nay là Sở Tài chính)
Tháng 01/2025	438.425.710.000	1.461.425.710.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/02/2024; - Nghị quyết HĐQT số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 02/02/2024 thông qua triển khai phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/06/2024 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 8 ngày 15/01/2025.	ĐHĐCĐ UBCKNN Sở KHĐT (nay là Sở Tài chính)
Tháng 06/2026	9.499.267.110.000	10.960.692.820.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2025; - Nghị quyết HĐQT số 28/2025/NQ-HĐQT ngày 07/11/2025 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có để tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 11/2026/NQ-HĐQT ngày 26/03/2026 về việc thông qua một số nội dung liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết HĐQT số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 10/11/2025 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Nghị quyết HĐQT số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 11/02/2026 về việc thông qua	ĐHĐCĐ UBCKNN Sở KHĐT (nay là Sở Tài chính)

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
				Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 67/GPĐC-UBCK ngày 05/06/2026 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 9 ngày 23/06/2026.	

Nguồn: HDS

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng:

  Tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2026 đã được kiểm toán, tổ chức kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam có ý kiến chấp nhận toàn phần như sau:

  "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng được trình bày tại Thuyết minh số 03 và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp."

  Theo báo cáo nêu trên, vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD tại ngày 30/09/2026 là 10.960.692.820.000 đồng.

- Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm thành lập đến nay:

6.2.1. Tăng vốn lần 1: Tăng vốn từ 43.000.000.000 đồng lên 155.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ trước phát hành	:	43.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành	:	155.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	11.200.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	112.000.000.000 đồng
Tổng số tiền thu được	:	112.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	15 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	15 cổ đông
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2010; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 18/GPĐC-UBCK ngày 10/03/2011 về việc thay đổi vốn điều lệ.

6.2.2. Tăng vốn lần 2: Tăng vốn từ 155.000.000.000 đồng lên 310.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ trước phát hành	:	155.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành	:	310.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho 06 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	15.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	155.000.000.000 đồng

Tổng số tiền thu được	:	155.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	14 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	20 cổ đông
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 13/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 28/04/2020 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để nâng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 17/2020/NQ-HĐQT ngày 21/05/2020; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 68/GPĐC-UBCK ngày 23/10/2020 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/05/2021.

6.2.3. Tăng vốn lần 3: Tăng vốn từ 310.000.000.000 đồng lên 1.023.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ trước phát hành	:	310.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành	:	1.023.000.000.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	71.300.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	713.000.000.000 đồng
Tổng số tiền thu được	:	713.000.000.000 đồng
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	19 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	19 cổ đông
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 25/2021/NQ-HĐQT ngày 23/06/2021; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 87/GPĐC-UBCK ngày 07/10/2021 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 29/10/2021.

6.2.4. Tăng vốn lần 4: Tăng vốn từ 1.023.000.000.000 đồng lên 1.461.425.710.000 đồng

Vốn điều lệ trước phát hành	:	1.023.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành	:	1.461.425.710.000 đồng

Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho 01 nhà đầu tư chiến lược là HDBank
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	43.842.571 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	15.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	438.425.710.000 đồng
Tổng số tiền thu được	:	657.638.565.000 đồng
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	28 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	29 cổ đông
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/02/2024; - Nghị quyết HĐQT số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 02/02/2024 thông qua triển khai phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ; - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/06/2024 về việc thay đổi vốn điều lệ; - GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 8 ngày 15/01/2025.

6.2.5. Tăng vốn lần 5: Tăng vốn từ 1.461.425.710.000 đồng lên 10.960.692.820.000 đồng

Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2025; - Nghị quyết HĐQT số 28/2025/NQ-HĐQT ngày 07/11/2025 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có để tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 10/11/2025 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Nghị quyết HĐQT số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 11/02/2026 về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Nghị quyết HĐQT số 11/2026/NQ-HĐQT ngày 26/03/2026 về việc thông qua một số nội dung liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết HĐQT số 12/2026/NQ-HĐQT ngày 14/04/2026 về việc đính chính phương án sử dụng vốn chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;

- Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động CTCK số 67/GPĐC-UBCK ngày 05/06/2026 về việc thay đổi vốn điều lệ;
- GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp đăng ký thay đổi lần 9 ngày 23/06/2026.

a) Tăng vốn từ 1.461.425.710.000 đồng lên 2.192.138.560.000 đồng

Vốn điều lệ trước phát hành	:	1.461.425.710.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành	:	2.192.138.560.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	73.071.285 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	730.712.850.000 đồng
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	47 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	47 cổ đông

b) Tăng vốn từ 2.192.138.560.000 đồng lên 10.960.692.820.000 đồng

Vốn điều lệ trước phát hành	:	2.192.138.560.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành	:	10.960.692.820.000 đồng
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	876.855.426 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	8.768.554.260.000 đồng
Tổng số tiền thu được	:	8.768.554.260.000 đồng
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	47 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	53 cổ đông

6.3. Thông tin về quá trình giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm thành lập

Kể từ khi thành lập đến thời điểm hiện tại, Tổ Chức Phát Hành không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác

Trong vòng 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có các khoản góp vốn, thoái vốn lớn tại các doanh nghiệp khác có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của HDS

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	**Trong nước**	**93**	**1.096.069.282**	**100,00%**
1.1.	Cá nhân	90	98.586.900	8,99%
1.2.	Tổ chức	03	997.482.382	91,01%
2	**Nước ngoài**	-	-	-
2.1.	Cá nhân	-	-	-
2.2.	Tổ chức	-	-	-
2.3.	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
	Tổng cộng	**93**	**1.096.069.282**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDS chốt tại ngày 30/10/2026

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Công Ty không có cổ phiếu ưu đãi.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Công Ty không có các loại chứng khoán khác.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ Chức Phát Hành tại ngày 30/10/2026: 0%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Giới thiệu về các dịch vụ và quy trình hoạt động kinh doanh chính của Công Ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia, được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006. Trước bối cảnh thị trường vận động không ngừng, thừa hưởng tiềm lực tài chính vững mạnh và lợi thế kết nối từ ngân hàng mẹ HDBank, HDS tập trung chiến lược phát triển chiều sâu thông qua việc cung cấp chuỗi giải pháp tài chính khép kín từ huy động vốn, cấu trúc tài chính chuyên sâu đến quản lý tài sản trên nền tảng công nghệ số hiện đại, kiên định với tầm nhìn trở thành định chế tài chính dẫn đầu trong việc kiến tạo trải nghiệm đầu tư ưu việt và giá trị thịnh vượng bền vững cho khách hàng doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư cá nhân trên thị trường.

Hiện nay, HDS tập trung vào các mảng hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;

- Lưu ký chứng khoán.

a) Mảng Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán

Năm 2024, bất chấp nhiều biến động thị trường, tổng doanh thu mảng môi giới và cho vay ký quỹ của HDS đạt hơn 135 tỷ đồng, tăng 33,7% so với năm 2023. Đáng chú ý, doanh thu cho vay ký quỹ đã tăng 100% lên xấp xỉ 50 tỷ đồng. Quy mô cho vay ký quỹ tăng trưởng mạnh mẽ khi dư nợ cho vay khách hàng đạt 1.241 tỷ đồng vào tháng 12, tăng hơn 17 lần so với thời điểm cuối năm 2023. Tổng giá trị giao dịch cả năm đạt 12.600 tỷ đồng (không bao gồm TPCP), giữ thị phần ở mức 0,14% trung bình hàng tháng. Công Ty đã mở rộng mạnh mẽ cơ sở khách hàng, với tổng số tài khoản kích hoạt đạt 51.791 tài khoản, tăng 133% so với năm 2023.

Năm 2025, hoạt động môi giới chứng khoán tiếp tục đóng góp tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu doanh thu của HDS. Dư nợ cho vay ký quỹ tăng từ khoảng 1.241 tỷ đồng cuối năm 2024 lên hơn 1.751 tỷ đồng vào cuối tháng 12/2025, tương đương tăng 41%. Diễn biến này phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động margin và mức độ sử dụng đòn bẩy cao hơn của khách hàng. Giá trị giao dịch cải thiện từ tháng 4/2025 cùng với sự phục hồi của TTCK. Riêng tháng 4, tổng giá trị giao dịch đạt gần 2.400 tỷ đồng. Lũy kế cả năm, tổng giá trị giao dịch đạt khoảng 24.524 tỷ đồng (không bao gồm giao dịch TPCP). Thị phần môi giới bình quân duy trì ở mức khoảng 0,29%/tháng. Tính đến cuối năm 2025, số lượng tài khoản được kích hoạt đạt 60.512 tài khoản, tăng 119% so với năm trước, trong đó 13.049 tài khoản có tài sản. Số lượng tài khoản mở mới bình quân đạt khoảng 800 tài khoản mỗi tháng, với mức cao nhất là 3.147 tài khoản trong tháng 8/2025. Trong 6 tháng cuối năm, số lượng tài khoản phát sinh giao dịch thực tế duy trì quanh mức 570 tài khoản/tháng, cho thấy quy mô khách hàng giao dịch tương đối ổn định trong giai đoạn này.

Thông tin dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	1.240.928	-	1.240.928	1.750.650	-	1.750.650	5.288.176	-	5.288.176	10.745.658	-	10.745.658
Ứng trước tiền bán chứng khoán	4.326	-	4.326	4.870	-	4.870	512.148	-	512.148	226.301	-	226.301
Tổng	**1.245.254**	**-**	**1.245.254**	**1.755.520**	**-**	**1.755.520**	**5.800.324**	**-**	**5.800.324**	**10.971.959**	**-**	**10.971.959**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán; BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét và BCTC Quý III/2026 của HDS

Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán tăng mạnh từ 1.756 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 lên 5.800 tỷ đồng tại ngày 30/06/2026 (gấp khoảng 3,3 lần) và 10.972 tỷ đồng tại ngày 30/09/2026 (gấp khoảng 6,3 lần so với cuối năm 2025), chủ yếu do:

- Quy mô vốn tăng mạnh: HDS hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 10.961 tỷ đồng trong tháng 06/2026, vốn chủ sở hữu đạt 14.041 tỷ đồng tại ngày 30/09/2026. Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ của HDS được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu; việc tăng vốn giúp HDS tăng nguồn vốn cho vay và nâng hạn mức cho vay đối với từng khách hàng (tối đa 3% vốn chủ sở hữu theo quy định), qua đó đáp ứng nhu cầu sử dụng đòn bẩy của khách hàng.
- Nhu cầu sử dụng đòn bẩy của khách hàng tăng: thanh khoản thị trường duy trì ở mức cao trong

Quý II/2026; sự kiện TTCK Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường Mới nổi Thứ cấp (từ ngày 21/09/2026) tiếp tục hỗ trợ nhu cầu giao dịch trong Quý III/2026.

- Đối với ứng trước tiền bán: số dư phụ thuộc vào giá trị chứng khoán khách hàng đã bán và đang chờ thanh toán tại thời điểm cuối kỳ, do đó biến động theo giá trị giao dịch bán của khách hàng tại từng thời điểm.

Chất lượng khoản vay: Chất lượng danh mục cho vay được duy trì ổn định và không có nợ xấu qua các thời kỳ, tỷ lệ xử lý/giải chấp các khoản vay margin ở mức thấp, và Công Ty không phát sinh nợ quá hạn.

Chính sách dự phòng các khoản cho vay ký quỹ: Từ nền tảng quản trị rủi ro hiệu quả được thể hiện thông qua việc không có nợ xấu liên quan đến hoạt động cho vay ký quỹ qua các thời kỳ: HDS tiếp tục chú trọng vào công tác rà soát, điều chỉnh linh hoạt chính sách trích lập dự phòng phù hợp với định hướng mở rộng quy mô dư nợ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới và quy mô khách hàng trong giai đoạn tới; hướng đến việc hoàn thiện chính sách dự phòng các khoản cho vay ký quỹ nhằm đảm bảo tính chủ động, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật.

Cơ cấu nguồn vốn tài trợ cho vay ký quỹ: Hoạt động cho vay ký quỹ được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu của HDS và vốn vay tại các ngân hàng với lãi suất hợp lý.

Nguồn trả nợ: Nguồn trả nợ các khoản vay tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ đến từ dòng tiền thu hồi gốc và lãi phát sinh từ hoạt động cho vay ký quỹ của Công Ty.

Rủi ro lãi suất, rủi ro hạn mức tín dụng: Rủi ro lãi suất và rủi ro hạn mức tín dụng đối với các khoản vay tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ ở mức thấp (do tỷ trọng vốn vay thấp). Song song với đó, HDS chủ động xây dựng quy mô hạn mức tín dụng lớn tại các tổ chức tín dụng

Các biện pháp quản trị rủi ro: HDS xây dựng đầy đủ quy chế, quy định và các quy trình để quản trị rủi ro hoạt động margin. Trong đó, quy định tổng hạn mức cho vay của HDS, hạn mức cho vay đối với từng cổ phiếu và đối với từng khách hàng; quy định về việc theo dõi, đánh giá rủi ro và phương thức xử lý rủi ro khi có sự cố xảy ra.

Trên sàn HNX, bên cạnh môi giới thị trường công cụ vốn chủ sở hữu, HDS giữ vị trí thứ 7 trong 9 tháng đầu năm 2026 - nằm trong nhóm đạt thị phần từ 5% đến 10% ở hạng mục CTCK có thị phần môi giới thị trường công cụ nợ lớn nhất trong 9 tháng đầu năm 2026.

Top 10 thị phần môi giới thị trường công cụ nợ trên HNX trong 9 tháng đầu năm 2026

STT	Tên thành viên	Nhóm
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	Nhóm có thị phần trên 10% (>10%)
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	
5	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Nhóm có thị phần từ 5% đến 10% (5% -10%)
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	
7	**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD**	
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank	Nhóm có thị phần dưới 5% (<5%)
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	

Nguồn: HNX

b) Mảng Tự doanh chứng khoán

Trong giai đoạn thị trường tài chính nói chung và thị trường TPDN nói riêng chịu nhiều áp lực trong năm 2023 và 2024, mảng hoạt động này vẫn duy trì tăng trưởng tốt với tỷ lệ 75,26% tăng trưởng doanh thu năm 2025, và duy trì đóng góp phần cao nhất trong tổng doanh thu của Công Ty.

Năm 2024, hoạt động tự doanh ghi nhận 646,6 tỷ đồng doanh thu, bao gồm doanh thu từ lãi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đặc biệt, mảng phân phối trái phiếu cho khách hàng khởi sắc mạnh khi niềm tin nhà đầu tư phục hồi. Công Ty thực hiện phân phối trái phiếu thông qua hệ thống của HDS và thông qua hợp tác với các đối tác. Năm 2024 đánh dấu sự xuất hiện của nhiều quy định và cơ chế mới liên quan đến hoạt động giao dịch TPDN riêng lẻ, tuy nhiên kênh phân phối trái phiếu của HDS thông qua hợp tác với Ngân hàng vẫn duy trì ổn định và tăng trưởng với tổng giá trị bán ròng 19.000 tỷ đồng, tổng giá trị phát hành đưa vào hệ thống là 31.000 tỷ đồng, khoảng 16.000 khách hàng đang nắm giữ và tổng giá trị giao dịch cả mua và bán đạt 275.000 tỷ đồng. Song song với kênh hợp tác ngân hàng, HDS cũng triển khai kênh phân phối trực tiếp đến các định chế tài chính và ghi nhận kết quả tích cực với tổng giá trị bán ròng 10.000 tỷ đồng và tổng giá trị giao dịch cả mua và bán trong năm vượt 14.000 tỷ đồng.

Năm 2025, mảng Kinh doanh và Phân phối Trái phiếu tiếp tục đóng góp tỷ trọng đáng kể vào kết quả hoạt động của HDS. Hoạt động đầu tư tập trung vào các công cụ thu nhập cố định, bao gồm TPDN phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng. Bên cạnh đó, hoạt động phân phối trái phiếu cho khách hàng cá nhân ghi nhận mức tăng trưởng so với năm trước trong bối cảnh điều kiện thị trường dần cải thiện.

HDS là một trong những CTCK tham gia phân phối các sản phẩm TPDN trên thị trường. Bên cạnh các sản phẩm TPDN thông thường, Công Ty cũng phân phối các sản phẩm trái phiếu có bảo lãnh ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhóm nhà đầu tư. HDS đã phát triển hệ thống giao dịch trái phiếu chuyên biệt phục vụ hoạt động giao dịch và quản lý sản phẩm trái phiếu. Hệ thống được vận hành nhằm hỗ trợ xử lý khối lượng giao dịch lớn, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo mật và hiệu quả vận hành. Trong năm 2025, tổng giá trị giao dịch được xử lý thông qua hệ thống đạt hơn 237,7 nghìn tỷ đồng. Năm 2025, tổng giá trị TPDN được phân phối thông qua hệ thống của HDS đạt hơn 73 nghìn tỷ đồng, tăng 4,3% so với năm 2024 và là mức cao nhất kể từ khi triển khai hoạt động phân phối sản phẩm này. Giá trị phân phối bình quân đạt hơn 6 nghìn tỷ đồng mỗi tháng.

Các kết quả trên cho thấy quy mô hoạt động phân phối trái phiếu của HDS tiếp tục được duy trì và mở rộng trong năm 2025. Đồng thời, hệ thống giao dịch và năng lực tổ chức phân phối của Công Ty đã hỗ trợ việc kết nối nhu cầu đầu tư của khách hàng với thị trường TPDN.

c) Mảng Bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp

Với hiểu biết và kinh nghiệm về thị trường trái phiếu Việt Nam, Công Ty đã phát triển năng lực tư vấn phát hành và phân phối TPDN, cung cấp các giải pháp huy động vốn cho doanh nghiệp và sản phẩm thu nhập cố định cho nhà đầu tư. HDS tham gia tư vấn cấu trúc phát hành, đại lý phát hành, hỗ trợ đăng ký, lưu ký và thanh toán trái phiếu theo quy định hiện hành, đồng thời thực hiện thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro cho từng thương vụ nhằm đảm bảo chất lượng phát hành.

Doanh thu của mảng đại lý phát hành chứng khoán đạt hơn 990 tỷ đồng trong năm 2024, tăng hơn 26 lần so với năm 2023 cho thấy HDS đã tận dụng tốt nhu cầu huy động vốn của thị trường và nâng cao vị thế trong nghiệp vụ này. Công Ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phân phối và cung cấp dịch vụ về trái phiếu riêng lẻ cho 17 TCPH và niêm yết trái phiếu thành công cho 1 Tổ chức tín dụng tại HNX, với tổng số hợp đồng dịch vụ là 89, mang về tổng cộng 1.340 tỷ đồng doanh thu. Triển vọng tăng trưởng tiếp theo của mảng bảo lãnh và đại lý phát hành được củng cố mạnh mẽ nhờ quy mô vốn ngày càng mở rộng của Công Ty, giúp HDS có khả năng đảm nhận các thương vụ bảo lãnh phát hành

quy mô lớn hơn, đầu tư vào nguồn lực và tăng cường năng lực cạnh tranh.

Năm 2025, HDS tiếp tục tham gia thu xếp vốn và cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp thông qua hoạt động tư vấn phát hành TPDN. Tổng giá trị phát hành do HDS tham gia đạt gần 34,7 nghìn tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 2024. Trong năm, HDS tham gia 07 đợt phát hành TPDN theo hình thức chào bán riêng lẻ, với tổng giá trị huy động khoảng 34.740 tỷ đồng tính theo mệnh giá. Kết quả này diễn ra trong bối cảnh môi trường lãi suất duy trì ở mức thấp, hoạt động đầu tư và huy động vốn dài hạn dần cải thiện, đồng thời các chủ thể trên thị trường đã thích ứng hơn với khung pháp lý mới liên quan đến phát hành TPDN. Giá trị phát hành TPDN tăng so với năm trước, phản ánh sự phục hồi của thị trường sau giai đoạn điều chỉnh, cùng với việc các cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ thị trường từng bước được hoàn thiện. Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư và TCPH tiếp tục cải thiện so với giai đoạn trước.

Thị phần tư vấn phát hành TPDN 9 tháng đầu năm 2026

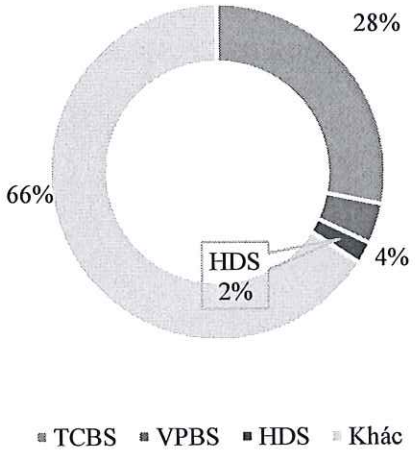

Thị phần tư vấn phát hành TPDN (trừ TCPH là ngân hàng) 9 tháng đầu năm 2026

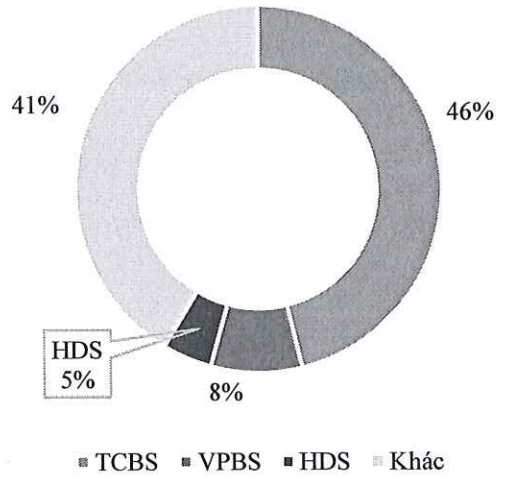

Nguồn: Báo cáo thị trường trái phiếu 9 tháng đầu năm 2026 của Công Ty

Với quy mô phát hành được duy trì ở mức cao, HDS tiếp tục là một trong các tổ chức tham gia tư vấn và thu xếp phát hành TPDN lớn trên thị trường, qua đó duy trì hiện diện trong lĩnh vực tư vấn huy động vốn thông qua kênh TPDN.

d) Mảng lưu ký chứng khoán

Ngoài các mảng kinh doanh cốt lõi, nhằm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng doanh nghiệp, HDS đã mở rộng cung cấp đầy đủ các dịch vụ vận hành liên quan đến trái phiếu như dịch vụ đăng ký, lưu ký và thanh toán các giao dịch trái phiếu, tùy thuộc vào hình thức phát hành cụ thể. Theo đó, HDS cung cấp cho khách hàng các dịch vụ liên quan đến đăng ký, lưu ký trái phiếu tại VSDC; đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ) hoặc niêm yết trái phiếu (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) trên HNX; mở, duy trì và quản lý các tài khoản lưu ký trái phiếu cho các nhà đầu tư có yêu cầu mở tài khoản tại HDS; xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (đối với các nhà đầu tư có nhu cầu giao dịch TPDN riêng lẻ); thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy chế của VSDC và quy định của pháp luật; và thực hiện các công việc khác có liên quan.

Trong năm 2024, doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán của HDS đạt 11,87 tỷ đồng, giảm so với 225,12 tỷ đồng của năm 2023 do thay đổi trong cấu trúc danh mục tài sản lưu ký và điều chỉnh chính sách phí dịch vụ. Mặc dù giảm về giá trị, HDS vẫn duy trì năng lực vận hành ổn định trong công tác lưu ký, thanh toán và quản lý chứng khoán, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của VSDC và hỗ trợ hiệu quả cho khách hàng doanh nghiệp. Năm 2025, doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán đạt 15,45 tỷ đồng, tăng 30,2% so với cùng kỳ 2024, phản ánh sự phục hồi của hoạt động dịch

vụ lưu ký sau giai đoạn điều chỉnh phí và cơ cấu khách hàng trong năm trước.

10.1.2. Công nghệ áp dụng

Trong chiến lược chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng, HDS xác định AI và dữ liệu là một trong những nền tảng công nghệ trọng tâm để phát triển hệ sinh thái đầu tư số.

Thay vì chỉ số hóa các nghiệp vụ giao dịch chứng khoán truyền thống, HDS từng bước tích hợp các công nghệ AI vào hành trình đầu tư nhằm giúp khách hàng:

- Tiếp cận thông tin thị trường nhanh và thuận tiện hơn.
- Giảm thời gian tìm kiếm, tổng hợp và xử lý lượng lớn thông tin tài chính.
- Tương tác với dữ liệu đầu tư thông qua ngôn ngữ tự nhiên.
- Tiếp cận các nội dung phân tích và diễn biến thị trường ngay trên nền tảng giao dịch của HDS.
- Hỗ trợ khách hàng hình thành quyết định đầu tư trên cơ sở có thêm thông tin và dữ liệu tham khảo.

Từ ngày 06/07/2026, HDS chính thức đưa vào vận hành các nhóm tính năng nổi bật gồm Alpha Hunter – AI Chatbot và hệ thống thông tin thị trường AI.

Alpha Hunter – AI Chatbot hỗ trợ nhà đầu tư

Mô tả tính năng

Alpha Hunter là trợ lý AI được HDS tích hợp trực tiếp trên nền tảng số, cung cấp phương thức tương tác mới giữa nhà đầu tư và dữ liệu tài chính.

Thay vì khách hàng phải tự tìm kiếm thông tin qua nhiều màn hình hoặc nhiều nguồn khác nhau, Alpha Hunter cho phép người dùng đặt câu hỏi bằng ngôn ngữ tự nhiên và nhận lại nội dung được AI tổng hợp theo ngữ cảnh.

Alpha Hunter đóng vai trò như một lớp tương tác thông minh giữa:

Khách hàng → AI → dữ liệu và thông tin thị trường → nội dung tổng hợp cho người dùng.

Đây là bước chuyển từ trải nghiệm đầu tư theo hướng "người dùng tự tìm kiếm dữ liệu" sang mô hình AI hỗ trợ khai thác thông tin theo nhu cầu của từng khách hàng.

Đặc tính công nghệ

Một số đặc tính nổi bật của Alpha Hunter gồm:

- Natural Language Interaction: khách hàng tương tác bằng câu hỏi tự nhiên thay vì phải biết chính xác vị trí của từng dữ liệu trên hệ thống.
- AI-based information synthesis: AI hỗ trợ tổng hợp và diễn giải thông tin thành nội dung dễ tiếp cận hơn cho nhà đầu tư.
- Contextual conversation: trải nghiệm dưới dạng hội thoại cho phép khách hàng tiếp tục khai thác sâu hơn một chủ đề thay vì thực hiện các truy vấn độc lập.
- Integration with investment data: AI được kết nối với hệ thống dữ liệu và các nguồn thông tin phục vụ hoạt động đầu tư của HDS.
- Digital scalability: mô hình AI cho phép HDS mở rộng khả năng hỗ trợ một số lượng lớn khách hàng mà không phụ thuộc hoàn toàn vào mô hình tư vấn thủ công.

Alpha Hunter được định vị là công cụ hỗ trợ thông tin và phân tích, giúp khách hàng tiếp cận dữ liệu hiệu quả hơn; nội dung AI không thay thế tư vấn đầu tư chính thức hoặc quyết định đầu tư của khách hàng.

Nền tảng thông tin và dữ liệu thị trường

Mô tả tính năng

Song song với AI Chatbot, HDS đã triển khai Nền tảng dữ liệu thị trường AI nhằm xây dựng một điểm truy cập tập trung cho thông tin và diễn biến thị trường ngay trên nền tảng số của HDS.

Dữ liệu thị trường AI cung cấp hai nhóm nội dung chính:

- Bản tin thị trường tổng hợp
  - Khách hàng có thể nhanh chóng tiếp cận bức tranh chung của thị trường mà không cần tổng hợp thủ công thông tin từ nhiều nguồn.
  - Nội dung được tổ chức theo hướng giúp nhà đầu tư nhanh chóng nhận biết những diễn biến và thông tin đáng chú ý của thị trường.
- Dữ liệu diễn biến thị trường chi tiết
  - Bên cạnh nội dung tổng hợp, khách hàng có thể tiếp tục khai thác các số liệu chi tiết về diễn biến thị trường để phục vụ quá trình theo dõi và phân tích.

Việc kết hợp giữa nội dung tổng hợp và dữ liệu chi tiết giúp HDS phục vụ đồng thời hai nhóm nhu cầu: khách hàng muốn nhanh chóng nắm bắt thị trường và khách hàng có nhu cầu phân tích sâu hơn dựa trên dữ liệu.

Mục tiêu công nghệ

Việc tích hợp tin tức AI giúp HDS từng bước chuyển từ một nền tảng chủ yếu phục vụ giao dịch sang một Investment Platform, nơi khách hàng có thể thực hiện đồng thời các hoạt động:

Theo dõi thị trường → tiếp nhận thông tin → phân tích → trao đổi với AI → thực hiện giao dịch.

Qua đó, dữ liệu, AI và chức năng giao dịch được kết nối trong cùng một hành trình đầu tư số.

Hiệu ứng tích cực đối với nền tảng số HDS

Chuyển dịch từ nền tảng giao dịch sang nền tảng hỗ trợ đầu tư

Việc triển khai Alpha Hunter và dữ liệu thị trường tổng hợp bởi AI giúp mở rộng giá trị của các kênh số HDS từ chức năng đặt lệnh sang hệ sinh thái phục vụ toàn bộ hành trình:

Thông tin → Phân tích → Ra quyết định → Giao dịch.

Đây là tiền đề để HDS xây dựng mô hình nền tảng đầu tư số có mức độ gắn kết cao hơn với khách hàng.

Tăng khả năng self-service của khách hàng

- AI cho phép khách hàng chủ động tìm hiểu và khai thác thông tin thông qua ngôn ngữ tự nhiên.
- Về dài hạn, mô hình này có khả năng giảm sự phụ thuộc vào việc khách hàng phải:
- Tự tìm kiếm thông tin qua nhiều nguồn.
- Hiểu trước cấu trúc dữ liệu của hệ thống.
- Phụ thuộc hoàn toàn vào hỗ trợ thủ công khi có nhu cầu tìm hiểu thông tin.

Tăng mức độ tương tác trên nền tảng

- 1.317 hội thoại từ 451 khách hàng cho thấy AI đã tạo ra một hình thức tương tác mới trên nền tảng HDS, bên cạnh các hành vi truyền thống như xem bảng giá và đặt lệnh.
- Trong khi đó, 2.451 khách hàng sử dụng Dữ liệu tổng hợp AI cho thấy các nội dung thông tin và dữ liệu thị trường có khả năng trở thành một trong những điểm chạm thường xuyên giữa HDS và nhà đầu tư.

Xây dựng nền tảng cho cá nhân hóa

Các tương tác dạng hội thoại và hành vi sử dụng nội dung thị trường tạo điều kiện để HDS trong tương lai tiếp tục phát triển các mô hình:

- Cá nhân hóa nội dung.
- Gợi ý thông tin theo nhu cầu của khách hàng.
- Điều hướng thông minh.
- Phân nhóm khách hàng theo nhu cầu đầu tư.
- Kết hợp AI với hệ thống dữ liệu khách hàng và CDP.
- Tích hợp trải nghiệm AI trên nhiều điểm chạm số.

Ý nghĩa đối với chiến lược công nghệ của HDS

Việc đưa Alpha Hunter và dữ liệu thị trường AI vào vận hành thực tế thể hiện định hướng của HDS trong việc ứng dụng công nghệ không chỉ ở lớp hạ tầng giao dịch mà còn trực tiếp vào trải nghiệm và hành vi của nhà đầu tư.

Điểm đáng chú ý là các sản phẩm đã vượt qua giai đoạn thử nghiệm ý tưởng và bắt đầu có số liệu sử dụng thực tế từ khách hàng.

Sau khoảng 70 ngày vận hành:

- 451 khách hàng đã chủ động sử dụng chat bot Alpha Hunter
- 1.317 hội thoại đã được thực hiện với Alpha Hunter.
- Mỗi khách hàng sử dụng Alpha Hunter tạo trung bình khoảng 2,9 hội thoại.
- 2.451 khách hàng đã tiếp cận hệ thống thông tin và dữ liệu thị trường AI

Các kết quả trên cho thấy HDS đã bước đầu hình thành được một hệ sinh thái trong đó AI, dữ liệu tài chính và giao dịch chứng khoán được tích hợp trên cùng nền tảng số.

Trong giai đoạn tiếp theo, HDS có thể tiếp tục phát triển nền tảng này theo hướng AI trở thành một lớp dịch vụ xuyên suốt hệ sinh thái, từ cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ nghiên cứu đầu tư, cá nhân hóa trải nghiệm đến hỗ trợ khách hàng và điều hướng thông minh.

Qua đó, AI không chỉ đóng vai trò là một tính năng riêng lẻ mà từng bước trở thành hạ tầng trải nghiệm thông minh của nền tảng đầu tư số HDS.

10.1.3. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

HDS kinh doanh các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực tư vấn tài chính và chứng khoán nên hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục quanh năm và không chịu ảnh hưởng của tính chất thời vụ.

10.1.4. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Cơ cấu doanh thu hoạt động của HDS giai đoạn 2024 – 2025 và 9 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu hoạt động	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	9 tháng/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu nghiệp vụ tự doanh	646.666	29,71%	1.133.342	54,12%	75,26%	1.476.811	48,93%
1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông	*643.494*	*29,57%*	*1.115.198*	*53,26%*	*73,30%*	*1.332.459*	*44,14%*

Doanh thu hoạt động	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	9 tháng/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
qua lãi/lỗ (FVTPL)							
1.1. Lãi bán các TSTC FVTPL	*631.311*	*29,01%*	*1.019.319*	*48,68%*	*61,46%*	*842.156*	*27,90%*
1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	*12.166*	*0,56%*	*59.681*	*2,85%*	*390,56%*	*393.094*	*13,02%*
1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC FVTPL	*17*	*0,00%*	*36.198*	*1,73%*	*212.829,41 %*	*97.209*	*3,22%*
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	*3.171*	*0,15%*	*18.144*	*0,87%*	*472,19%*	*144.352*	*4,78%*
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán)	49.837	2,29%	149.618	7,15%	200,22%	350.397	11,61%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	85.400	3,92%	23.784	1,14%	-72,15%	55.354	1,83%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	990.449	45,51%	382.496	18,27%	-61,38%	981.929	32,53%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	11.869	0,55%	15.454	0,74%	30,20%	32.307	1,07%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	337.826	15,52%	371.491	17,74%	9,97%	120.250	3,98%
Thu nhập hoạt động khác	54.482	2,50%	17.822	0,85%	-67,29%	1.403	0,05%
Tổng	**2.176.529**	**100%**	**2.094.007**	**100%**	**-3,79%**	**3.018.451**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Trong năm 2025, tổng doanh thu hoạt động đạt 2.094 tỷ đồng, giảm 3,79% so với năm 2024. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của HDS là nghiệp vụ tự doanh, với doanh thu đạt 1.133 tỷ đồng, tăng 75,26% so với năm trước và nâng tỷ trọng đóng góp lên 54,12% tổng doanh thu từ mức 29,71% năm 2024. Sự tăng trưởng này giúp bù đắp phần lớn sự sụt giảm của các mảng kinh doanh khác. Hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán ghi nhận kết quả tích cực với doanh thu đạt

gần 150 tỷ đồng, tăng hơn 200% so với năm 2024. Tỷ trọng đóng góp của mảng này tăng từ 2,29% lên 7,15%, phản ánh sự cải thiện của dư nợ ký quỹ cùng nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư.

Ngược lại, doanh thu từ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán giảm mạnh 61,38%, còn 382 tỷ đồng, trong khi doanh thu môi giới chứng khoán giảm 72,15% xuống còn 24 tỷ đồng. Do đó, tỷ trọng của hai mảng này trong cơ cấu doanh thu lần lượt thu hẹp từ 45,51% và 3,92% xuống 18,27% và 1,14%. Bên cạnh đó, doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp duy trì tăng trưởng ổn định, đạt 371 tỷ đồng, tăng 9,97% so với năm trước và chiếm 17,74% tổng doanh thu. Doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 15 tỷ đồng, tăng 30,20%.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, Công Ty ghi nhận 3.018 tỷ đồng doanh thu hoạt động, tăng hơn 44% so với tổng doanh thu thực hiện của cả năm 2025. Nghiệp vụ tự doanh tiếp tục là nguồn thu chủ lực với 1.477 tỷ đồng, trong khi bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán đóng góp 982 tỷ đồng, tương ứng 32,53%. Hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán duy trì đà tăng trưởng với doanh thu hơn 350 tỷ đồng, chiếm 11,61% tổng doanh thu, cho thấy cơ cấu doanh thu tiếp tục được dẫn dắt bởi các mảng kinh doanh vốn và dịch vụ tài chính.

Cơ cấu lợi nhuận hoạt động của HDS giai đoạn 2024 – 2025 và 9 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận hoạt động	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm	9 tháng/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận nghiệp vụ tự doanh (*)	(625.326)	-74,71%	619.228	42,45%	199,02%	1.080.201	42,99%
Lợi nhuận nghiệp vụ cho vay và phải thu (giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán)	49.837	5,95%	149.618	10,26%	200,22%	350.397	13,95%
Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới chứng khoán	61.470	7,34%	(19.585)	-1,34%	-131,86%	(6.758)	-0,27%
Lợi nhuận nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	966.584	115,49%	344.130	23,59%	-64,40%	957.672	38,12%
Lợi nhuận nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.805	0,45%	(1.542)	-0,11%	-140,52%	15.890	0,63%
Lợi nhuận hoạt động tư vấn tài chính	330.780	39,52%	351.518	24,09%	6,27%	117.951	4,69%
Lợi nhuận hoạt động khác	49.811	5,95%	15.523	1,06%	-68,84%	(2.941)	-0,12%
Tổng	**836.962**	**100%**	**1.458.889**	**100%**	**74,31%**	**2.512.412**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Ghi chú:

(*) Hoạt động tự doanh chứng khoán bao gồm các khoản mục sau tại BCTC của HDS: (i) Lãi/lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ; (ii) Chênh lệch từ đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ; (iii) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ; và (iv) Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Trong năm 2025, tổng lợi nhuận hoạt động đạt 1.459 tỷ đồng, tăng 74,31% so với năm 2024. Động lực tăng trưởng chính đến từ nghiệp vụ tự doanh, khi lợi nhuận chuyển từ mức lỗ 625 tỷ đồng trong năm 2024 sang lãi 619 tỷ đồng trong năm 2025. Nhờ đó, mảng này đóng góp 42,45% tổng lợi nhuận hoạt động và trở thành nguồn lợi nhuận lớn nhất của Công Ty. Bên cạnh đó, nghiệp vụ cho vay và phải thu (bao gồm giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán) tiếp tục ghi nhận tăng trưởng tích cực, đạt gần 150 tỷ đồng, tăng 200,22% so với năm trước, nâng tỷ trọng đóng góp từ 5,95% lên 10,26% tổng lợi nhuận hoạt động. Đối với hoạt động tư vấn tài chính, lợi nhuận đạt 352 tỷ đồng, tăng 6,27% so với năm 2024 và chiếm 24,09% tổng lợi nhuận hoạt động, tiếp tục duy trì vai trò là một trong những nguồn thu nhập ổn định của Công Ty. Lợi nhuận từ nghiệp vụ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán giảm 64,40%, còn 344 tỷ đồng trong năm 2025. Đồng thời, nghiệp vụ môi giới chứng khoán chuyển từ mức lãi 61 tỷ đồng năm 2024 sang lỗ 20 tỷ đồng năm 2025, phản ánh sự suy giảm hiệu quả hoạt động của mảng này trong giai đoạn vừa qua.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, Công Ty ghi nhận 2.512 tỷ đồng lợi nhuận hoạt động, tăng hơn 72% mức thực hiện của cả năm 2025. Trong đó, nghiệp vụ tự doanh tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ yếu với lợi nhuận đạt 1.080 tỷ đồng. Nghiệp vụ bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán đóng góp 958 tỷ đồng, tương ứng 38,12%, trong khi nghiệp vụ cho vay và phải thu mang lại 350 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm 13,95% tổng lợi nhuận. Kết quả này cho thấy cơ cấu lợi nhuận của Công Ty tiếp tục được dẫn dắt bởi các hoạt động kinh doanh vốn và dịch vụ ngân hàng đầu tư.

- *Thông tin cơ cấu danh mục tự doanh, mức độ tập trung rủi ro và các biện pháp quản trị rủi ro đối với hoạt động tự doanh trong năm 2024 – 2025 và 9 tháng đầu năm 2026 như sau:*

▪ Cơ cấu danh mục tự doanh:

Danh mục tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	50,3	50,6	2,23%	50,4	104,5	4,72%	182,1	238,7	2,33%	171,0	214,5	2,27%
Cổ phiếu chưa niêm yết	0,4	-	0%	0,4	-	0%	0,4	-	0,00%	9,7	9,3	0,10%
Trái phiếu chưa niêm yết	1.170,6	1.189,8	52,33%	1.681,7	1.709,5	77,23%	8.818,5	8.935,3	87,11%	8.411,6	8.628,2	91,2%
Trái phiếu niêm yết	-	-	0%	89,2	90,3	4,08%	12,5	12,5	0,12%	411,7	411,7	4,35%

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	1.030,3	1.033,5	45,45%	309,1	309,1	13,97%	1.064,2	1.071,5	10,45%	200,0	200,0	2,11%
Tổng cộng	**2.251,5**	**2.273,9**	**100%**	**2.130,8**	**2.213,5**	**100%**	**10.077,7**	**10.258,0**	**100%**	**9.204,0**	**9.463,7**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán; BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét và BCTC Quý III/2026 của HDS

Danh mục các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng	120,2	120,2	35,33%	0,2	0,2	100%	2.746,2	2.746,2	100%	4.800,7	4.800,7	91,43 %
Trái phiếu chưa niêm yết	220,0	220,0	64,66%	-	-	0%	-	-	0%	-	-	0%
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng	-	-	0%	-	-	0%	-	-	0%	450,0	450,0	8,57%
Tổng cộng	**340,2**	**340,2**	**100%**	**0,2**	**0,2**	**100%**	**2.746,2**	**2.746,2**	**100%**	**5.250,7**	**5.250,7**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán; BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét và BCTC Quý III/2026 của HDS

- Chi tiết về danh mục Trái phiếu chưa niêm yết:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổ chức phát hành	Mối quan hệ với HDS	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	-	0,0%	21,7	1,3%	2.845,6	31,8%	21,0	0,2%
CTCP Phát triển Tổng hợp Hưng Thịnh Phát	Không có	-	0,0%	50,0	2,9%	2.452,8	27,5%	1.108,7	12,8%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không có	-	0,0%	-	0,0%	1.007,3	11,3%	1.027,5	11,9%
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Từ tháng 06/2024: Cổ đông lớn Từ tháng 05/2026: Công ty mẹ	990,7	70,3%	99,5	5,8%	185,9	2,1%	2.368,4	27,4%
CTCP Hàng không Vietjet	Doanh nghiệp có thành viên HĐQT là người nội bộ của HDS (từ tháng 10/2026)	72,0	5,1%	1.521,2	89,0%	794,5	8,9%	1.798,2	20,8%
CTCP Sovico	Cổ đông lớn của	7,1	0,5%	2,2	0,1%	691,5	7,7%	730,6	8,5%

	HDBank								
CTCP Tập đoàn Sovico	Không có	27,7	2,0%	-	0,0%	730,8	8,2%	-	0,0%
CTCP Địa ốc Phú Long	Không có	58,9	4,2%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
CTCP Đầu tư MST	Không có	120,0	8,5%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
CTCP Đầu tư Đức Trung (*)	Không có	100,0	7,1%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Khác	Không có	33,6	2,4%	14,9	0,9%	226,8	2,5%	1.573,9	18,2%
Tổng cộng		**1.409,8**	**100%**	**1.709,5**	**100%**	**8.935,3**	**100%**	**8.628,2**	**100%**

Nguồn: HDS

(*) CTCP Đầu tư Đức Trung là tổ chức phát hành trái phiếu mã DTIH2223001, đã đáo hạn ngày 04/11/2025 nhưng chưa thanh toán gốc và các khoản lãi của trái phiếu như lịch trả nợ. Do đó HDS đã hạch toán khoản đầu tư này vào Các khoản phải thu ngắn hạn khác và trích lập Dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu, được thuyết minh tại BCTC kiểm toán năm 2025. Tại ngày 05/01/2026, HDS đã ký hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu này cho đối tác là Công ty TNHH Đầu tư và Mua bán nợ NXV, với số tiền bằng mệnh giá, lịch thanh toán theo tiến độ thỏa thuận. HDS đã hạch toán vào Các khoản phải thu ngắn hạn khác và trích lập Dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu ở mức 55%, được thuyết minh tại BCTC soát xét bán niên năm 2026.

Danh mục TPDN chưa niêm yết được HDS đầu tư thông qua giao dịch mua sơ cấp từ TCPH hoặc mua thứ cấp từ các đối tác trên thị trường, phục vụ hoạt động tự doanh và phân phối trái phiếu của Công Ty.

- **Về biến động danh mục ở thời điểm hiện tại:** Tính đến ngày 15/11/2026, danh mục TPDN chưa niêm yết do HDS nắm giữ có tổng mệnh giá 7.644 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổ chức phát hành	Mối quan hệ với HDS	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	78	1,0%
CTCP Phát triển Tổng hợp Hưng Thịnh Phát	Không có	9	0,1%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không có	1.000	13,1%
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Công ty mẹ	1.047	13,7%
CTCP Hàng không Vietjet	Doanh nghiệp có thành viên HĐQT là người nội bộ của HDS	226	3,0%
CTCP Sovico	Cổ đông lớn của HDBank	1.318	17,2%
CTCP Tập đoàn Sovico	Không có	-	0,0%
CTCP Sài Gòn Capital	Không có	975	12,8%
CTCP Địa ốc Đại Quang Minh	Không có	835	10,9%
Công ty TNHH Phú Thịnh Land	Không có	540	7,1%
Công ty TNHH Đảo Ngọc Xanh Kỳ Sơn	Không có	500	6,5%

Công ty TNHH Xây dựng Bất động sản Song Phương	Không có	360	4,7%
CTCP Thuận Đức	Không có	226	3,0%
CTCP Đầu tư & Quản lý tài sản HDBank	Không có	203	2,7%
Khác	Không có	327	4,3%
Tổng cộng		**7.644**	**100%**

Nguồn: HDS

So với ngày 30/09/2026, giá trị danh mục TPDN do người có liên quan tới HDS phát hành đã giảm gần một nửa, từ 4.897 tỷ đồng (56,8% danh mục) xuống còn 2.591 tỷ đồng (33,9% danh mục). Trong đó:

- Số dư trái phiếu do HDBank phát hành giảm từ 2.368 tỷ đồng xuống còn 1.047 tỷ đồng (HDBank đã công bố thông tin và thực hiện mua lại trước hạn trái phiếu);
- Số dư trái phiếu do CTCP Hàng không Vietjet phát hành giảm từ 1.798 tỷ đồng xuống còn 226 tỷ đồng;
- Số dư trái phiếu do CTCP Sovico phát hành tăng từ 731 tỷ đồng lên 1.318 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, một số trái phiếu trong danh mục sắp đến hạn thanh toán, nên quy mô và tỷ trọng TPDN chưa niêm yết sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

- **Về cấp có thẩm quyền thông qua:** Mỗi TCPH nêu trên có thể có một hoặc nhiều mã trái phiếu, mỗi mã trái phiếu được HDS đầu tư thông qua giao dịch mua sơ cấp từ TCPH đó hoặc mua thứ cấp từ các đối tác trên thị trường tùy từng thời điểm. Mỗi giao dịch này đều được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền tương ứng với giá trị giao dịch theo Điều lệ của HDS, các quy định nội bộ. Đối với giao dịch có đối tác là người có liên quan của HDS, giao dịch được HĐQT thông qua theo thẩm quyền đối với giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong BCTC kỳ gần nhất của HDS, hoặc được HĐQT quyết định theo ủy quyền của ĐHĐCĐ đối với giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của HDS.

▪ Mức độ tập trung danh mục

Tại ngày 30/09/2026, tổng giá trị hợp lý danh mục tài sản tài chính đạt 14.714 tỷ đồng, tăng khoảng 6,6 lần so với cuối năm 2025. Danh mục tập trung vào trái phiếu (61,4%) và tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng (32,6%), trong khi chứng chỉ tiền gửi và cổ phiếu chiếm lần lượt 4,4% và 1,5%. Tỷ trọng trái phiếu giảm từ 81,3% (cuối năm 2025) và 68,8% (30/06/2026), còn nhóm tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tăng lên 37,0%, thể hiện cơ cấu đang dịch chuyển theo hướng gia tăng tài sản có rủi ro tín dụng thấp hơn và thanh khoản tốt hơn.

- **Đối với danh mục Trái phiếu:**

Trái phiếu vẫn là nhóm tài sản trọng yếu nhất với 9.040 tỷ đồng, tăng khoảng 5,0 lần so với cuối năm 2025. Trái phiếu chưa niêm yết chiếm 95,4% giá trị trái phiếu (58,6% tổng danh mục), là nhóm có thanh khoản thứ cấp hạn chế. Giá trị hợp lý của nhóm này phụ thuộc vào giả định định giá và cao hơn giá gốc khoảng 2,5%. Danh mục còn tập trung vào một số TCPH có liên quan như đã trình bày ở Mục II.3.2 của Bản Cáo Bạch này. Để kiểm soát, Công Ty áp dụng hạn mức theo TCPH, ngành và nhóm đối tượng có liên quan, ưu tiên trái phiếu có tài sản bảo đảm, thẩm định trước đầu tư và giám sát định kỳ chất lượng tín dụng, đồng thời chủ động phân phối cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để điều chỉnh quy mô nắm giữ.

- **Đối với danh mục Cổ phiếu:**

Cổ phiếu chiếm tỷ trọng nhỏ (224 tỷ đồng, khoảng 1,5% danh mục) nên tác động của biến động giá đến toàn danh mục ở mức hạn chế. Tuy nhiên, nhóm này tập trung chủ yếu vào cổ phiếu CTCP Hàng không Vietjet (60,0% tại ngày 30/09/2026). Vì Vietjet đồng thời là tổ chức phát hành trái phiếu lớn, tổng mức đầu tư vào tổ chức này (trái phiếu và cổ phiếu) tương đương khoảng 13,7% tổng tài sản tài chính tại thời điểm đó, nên rủi ro mang tính tương quan. Giá trị hợp lý cao hơn giá gốc khoảng 23,8%, do đó kết quả kinh doanh nhạy cảm với diễn biến điều chỉnh giá. Khoản cổ phiếu chưa niêm yết (9,3 tỷ đồng) mới phát sinh trong năm 2026 và có thanh khoản thấp. Công Ty kiểm soát rủi ro bằng hạn mức vị thế theo từng mã, cơ chế cảnh báo khi giá trị khoản đầu tư suy giảm và rà soát danh mục định kỳ.

- **Đối với danh mục Chứng chỉ tiền gửi:**

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng hiện tại có giá trị là 650 tỷ đồng, chiếm 4,4% tổng danh mục. Quy mô nhóm biến động lớn qua các kỳ cho thấy đây chủ yếu là công cụ quản lý thanh khoản linh hoạt. Rủi ro tín dụng ở mức thấp do tổ chức tín dụng phát hành và giá trị hợp lý sát giá gốc. Rủi ro còn lại là tập trung vào một số TCPH và tính linh hoạt thấp hơn của phần nắm giữ đến ngày đáo hạn. Công Ty quản lý thông qua hạn mức theo từng tổ chức tín dụng và cơ cấu kỳ hạn so le.

- **Đối với danh mục Tiền gửi ngân hàng:**

Nhóm này tăng từ 220 triệu đồng (cuối năm 2025) lên hơn 4.800 tỷ đồng (30/09/2026), trở thành nhóm tài sản lớn thứ hai, chiếm 32,6%. Nhóm này có rủi ro tín dụng thấp, tạo nguồn thu nhập lãi ổn định và gia tăng đệm thanh khoản cho Công ty.

- Quản trị rủi ro danh mục

Hoạt động tự doanh của HDS chịu tác động bởi nhiều loại rủi ro, trong đó chủ yếu bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tập trung, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và đối tác, rủi ro pháp lý và tuân thủ, và rủi ro hoạt động. Rủi ro thị trường liên quan đến những biến động bất lợi của giá chứng khoán, lãi suất, tỷ giá và các yếu tố thị trường khác, có thể ảnh hưởng đến giá trị danh mục và kết quả kinh doanh của Công Ty. Rủi ro tập trung liên quan đến việc danh mục có mức độ tập trung cao vào một hoặc một số chứng khoán, TCPH, nhóm ngành hoặc loại tài sản nhất định. Rủi ro thanh khoản liên quan đến khả năng chuyển đổi tài sản trong danh mục thành tiền trong thời gian phù hợp mà không gây ảnh hưởng đáng kể đến giá thị trường. Rủi ro tín dụng và đối tác liên quan đến khả năng đối tác không thực hiện đầy đủ hoặc đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giao dịch. Bên cạnh đó, Công Ty quản lý rủi ro pháp lý và tuân thủ nhằm đảm bảo hoạt động đầu tư, giao dịch và quản lý danh mục phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định nội bộ có liên quan; đồng thời kiểm soát rủi ro hoạt động liên quan đến quy trình, con người, hệ thống CNTT và các yếu tố bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động tự doanh.

Danh mục tự doanh được quản lý trên cơ sở hệ thống hạn mức rủi ro được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các giới hạn về quy mô danh mục, mức độ tập trung, tỷ trọng đầu tư theo từng loại tài sản và TCPH, cũng như các giới hạn liên quan đến rủi ro thị trường và thanh khoản. Các hạn mức được rà soát định kỳ và điều chỉnh, khi cần thiết, phù hợp với điều kiện thị trường, năng lực tài chính và khẩu vị rủi ro của HDS.

Phòng Quản trị rủi ro HDS thực hiện giám sát độc lập đối với danh mục tự doanh và các chỉ tiêu rủi ro liên quan trên cơ sở dữ liệu được cập nhật định kỳ. Các chỉ tiêu rủi ro được theo dõi, cảnh báo và báo cáo theo quy định; trường hợp phát sinh dấu hiệu tiệm cận ngưỡng cảnh báo hoặc có nguy cơ vượt hạn mức được phê duyệt, các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp nhằm kiểm soát và đưa mức độ rủi ro về phạm vi được phê duyệt.

HDS thực hiện phân tích kịch bản và/hoặc kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) đối với danh mục tự doanh nhằm đánh giá khả năng chịu đựng của danh mục trước các điều kiện thị trường bất lợi, bao gồm biến động giá chứng khoán, lãi suất, thanh khoản và các yếu tố thị trường có liên quan. Kết quả

phân tích và kiểm tra sức chịu đựng được sử dụng làm cơ sở để đánh giá mức độ rủi ro, rà soát hạn mức và đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp.

10.2. Tài sản

Tài sản cố định của HDS tại thời điểm 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**11.999**	**(9.483)**	**2.515**	**12.117**	**(11.285)**	**833**	**11.702**	**(10.821)**	**880**
Máy móc thiết bị	4.740	(4.497)	243	4.740	(4.685)	56	4.900	(4.711)	189
Phương tiện vận chuyển	4.383	(2.845)	1.537	4.502	(3.725)	777	4.502	(4.365)	136
Thiết bị dụng cụ quản lý	2.787	(2.053)	735	2.787	(2.787)	-	2.300	(1.745)	555
Tài sản cố định hữu hình khác	88	(88)	-	88	(88)	-	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	**24.153**	**(14.718)**	**9.435**	**30.582**	**(22.219)**	**8.363**	**57.162**	**(29.416)**	**27.746**
Phần mềm vi tính	24.153	(14.718)	9.435	30.582	(22.219)	8.363	55.957	(28.211)	27.746
Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-	-	-	-	1.205	(1.205)	-

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Danh sách một số tài sản lớn thuộc sở hữu của HDS tại ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Phần mền Neo - Bond	11.282	11.282	-
2	Thiết bị tường lửa Palo Alto Networks PA-1410	2.727	454	2.272
3	Phần mềm FLEX API	1.140	728	412

Nguồn: HDS

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh và các sản phẩm dịch vụ tài chính của Công Ty chỉ cung cấp tại thị trường Việt Nam cho các khách hàng trong nước và nước ngoài. Vì vậy, rủi ro hay tỷ suất sinh lời của Công Ty không chịu tác động bởi những khác biệt về địa lý.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính của Tổ Chức Phát Hành

Trong năm 2025, tổng doanh thu hoạt động của HDS đạt 2.094 tỷ đồng. Mặc dù doanh thu hoạt động giảm nhẹ so với năm 2024 (2.177 tỷ đồng) do quy mô hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán thu hẹp trong năm, Công Ty vẫn ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận nhờ kiểm

soát hiệu quả chi phí và cải thiện đáng kể hiệu quả danh mục tự doanh. Trong đó, mảng hoạt động tự doanh là động lực tăng trưởng chủ yếu với doanh thu đạt 1.133 tỷ đồng, tăng 75% so với năm 2024 (646 tỷ đồng). Hoạt động tư vấn tài chính tiếp tục duy trì ổn định với doanh thu 371 tỷ đồng (năm 2024: 338 tỷ đồng). Hoạt động cho vay ký quỹ ghi nhận tăng trưởng mạnh, với lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt 150 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với mức 50 tỷ đồng của năm 2024, phản ánh dư nợ cho vay margin tăng lên mức 1.756 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 (31/12/2024: 1.245 tỷ đồng).

Kết quả này đạt được nhờ năng lực quản lý danh mục đầu tư được cải thiện rõ rệt. Tại thời điểm 31/12/2025, danh mục tài sản tài chính FVTPL của Công Ty được phân bổ chủ yếu vào TPDN chưa niêm yết (chiếm tỷ trọng lớn nhất với lãi suất từ 9,5 - 12%/năm), trái phiếu niêm yết và chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, phù hợp với định hướng đầu tư có thu nhập cố định, ổn định. Cơ cấu danh mục này vừa đảm bảo nguồn thu nhập lãi định kỳ ổn định, vừa cho phép Công Ty linh hoạt nắm bắt các cơ hội đầu tư trên thị trường.

Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 1.314 tỷ đồng, tăng 95% so với năm 2024 (674 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 1.037 tỷ đồng, tăng 93% so với năm 2024 (537 tỷ đồng). Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu đạt 6.985 đồng/cổ phiếu (năm 2024: 4.244 đồng/cổ phiếu). Tỷ lệ vốn khả dụng tại ngày 31/12/2025 đạt 283,4%, cao hơn đáng kể mức tối thiểu 180% theo quy định tại Thông tư 102/2025/TT-BTC, phản ánh nền tảng tài chính lành mạnh và khả năng kiểm soát rủi ro hiệu quả của Công Ty.

Bước sang 9 tháng đầu năm 2026, HDS tiếp tục ghi nhận tăng trưởng vượt bậc trên toàn bộ các mảng hoạt động. Tổng doanh thu hoạt động đạt 3.018 tỷ đồng, tăng 157% so với cùng kỳ năm 2025 (1.171 tỷ đồng). Hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ với doanh thu đạt 981.9 tỷ đồng, gấp hơn 9 lần so với cùng kỳ (99,9 tỷ đồng), trở thành mảng đóng góp lớn nhất vào doanh thu 9 tháng đầu năm 2026. Mảng tự doanh duy trì đà tăng trưởng mạnh với doanh thu từ các tài sản FVTPL đạt 1.477 tỷ đồng (gấp đôi cùng kỳ: 712,4 tỷ đồng). Hoạt động môi giới chứng khoán cũng phục hồi rõ rệt với doanh thu đạt 55,4 tỷ đồng, tăng gần 3,6 lần so với cùng kỳ (15,6 tỷ đồng). Cho vay ký quỹ tiếp tục là nguồn thu ổn định với lãi từ cho vay và phải thu đạt 350 tỷ đồng (cùng kỳ: 107,9 tỷ đồng).

Tổng lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2026 đạt 2.241 tỷ đồng, tăng hơn 2,6 lần so với cùng kỳ năm 2025 (613,7 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 1.804 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn khả dụng tại ngày 30/09/2026 đạt 434%, tiếp tục được duy trì ở mức cao, khẳng định năng lực tài chính và khả năng quản trị rủi ro vững chắc của Công Ty.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong năm 2024 – 2025 và 10 tháng đầu năm 2026

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
Năm 2024								
1	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2024/HDS-HDAMC/ĐLPH	50	27/12/2024	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Mua bán nợ và Quản lý Tài sản HDBank	Không có	Không có
2	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2024/HDS-AVT/ĐLPH	34	27/11/2024	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty TNHH Allgreen - Vượng Thành - Trùng Dương	Không có	Không có
3	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2024/HDS-THBD/ĐLPH	27,5	23/12/2024	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Hà - Băng Dương	Không có	Không có
4	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 05/2024/HDS-VJC/HĐTV	24	09/12/2024	12 tháng	Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
5	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2024.HDS-HDG/HĐĐL	22,5	05/12/2024	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Huy Dương Group	Không có	Không có
6	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2024/HDS-FSP/ĐLPH	22	30/12/2024	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sa Pa	Không có	Không có
7	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 01/2024/HDS-VJC/HĐTV	16	27/06/2024	12 tháng	Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
8	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 02/2024/HDS-VJC/HĐTV	16	26/09/2024	12 tháng	Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
9	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 06/2024/HDS-VJC/HĐTV	16	24/12/2024	12 tháng	Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
10	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 01/2024/HDS-HDAMC/HĐTV	16	27/12/2024	12 tháng	Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Mua bán nợ và Quản lý Tài sản HDBank	Không có	Không có
Năm 2025								
11	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2025/HDS-TS/HĐĐLPH	350	27/10/2025	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
12	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2025/HDS-VINGROUP/HĐĐLPH	250	25/04/2025	24 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Không có	Không có
13	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 01/2025/HDS-VINGROUP/HĐTV	200	25/04/2025	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Không có	Không có
14	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 01/2025/HDS-TS/HĐTV	200	27/10/2025	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
15	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 03/2025/HDS-VJC/HĐĐL	24,425	30/12/2025	84 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
16	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 02/2025/HDS-VJC/ĐLPH	23,75	13/11/2025	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
17	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2025/HDS-SHB/HĐĐLPH	14	28/12/2025	48 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty TNHH Mặt trời Hòa Bình	Không có	Không có
18	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2025/HDS-VJC/ĐLPH	7,5	25/06/2025	60 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
19	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 01/2025/HDS-VJC/HĐTV	0,3	25/06/2025	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
20	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 02/2025/HDS-VJC/HĐTV	0,3	13/11/2025	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Không có	Không có
10 tháng đầu năm 2026								
21	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2026/ĐLPH/DQM-HDS	81,9	27/08/2026	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Không có	Không có
22	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 01/2026/HDS-TS/HĐĐLPH	80	04/05/2026	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
23	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 02/2026/HDS-TS/HĐĐLPH	80	13/05/2026	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
24	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 03/2026/HDS-TS/HĐĐLPH	80	28/05/2026	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
25	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 04/2026/HDS-TS/HĐĐLPH	80	02/06/2026	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
26	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu số 02/2026/ĐLPH/DQM-HDS	41,25	23/09/2026	36 tháng	Dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Không có	Không có
27	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 01/2026/HDS-TS/HĐTV	30	04/05/2026	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
28	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 02/2026/HDS-TS/HĐTV	30	13/05/2026	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
29	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 03/2026/HDS-TS/HĐTV	30	28/05/2026	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có
30	Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu số 04/2026/HDS-TS/HĐTV	30	02/06/2026	12 tháng	Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Không có	Không có

Nguồn: HDS

Ghi chú: Công Ty không có hợp đồng nào đã ký kết trong thời gian từ năm 2024 đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch mà chưa triển khai thực hiện.

(*) Mối quan hệ với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Phó TGĐ, cổ đông lớn của Công Ty tại thời điểm ký kết hợp đồng

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của HDS trong năm 2024 – 2025 và 10 tháng đầu năm 2026

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/Doanh thu (Doanh số mua hàng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Khách hàng lớn					
1	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	0,35% doanh thu năm 2024	2024	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
2	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	0,06% doanh thu năm 2024	2024	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
3	Công ty Cổ phần Mua bán nợ và Quản lý Tài sản HDBank	0,03% doanh thu năm 2024	2024	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
4	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	0,10% doanh thu năm 2025	2025	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	0,13% doanh thu năm 2025	2025	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
6	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	0,06% doanh thu năm 2025	2025	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
7	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	8,36% doanh thu 9 tháng	2026	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/Doanh thu (Doanh số mua hàng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
		đầu năm 2026			
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	20,6% doanh thu 9 tháng đầu năm 2026	2026	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
9	Công ty Cổ phần Mua bán nợ và Quản lý Tài sản HDBank	0,10% doanh thu 9 tháng đầu năm 2026	2026	Phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
Nhà cung cấp lớn					
1	Công ty TNHH Galaxyone	0,015% doanh thu năm 2024	2024	Triển khai luồng giao dịch trái phiếu	Không có
2	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ TMG	0,154% doanh thu năm 2024	2024	Hệ thống phục vụ cho IPO	Không có
3	Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	0,110% doanh thu năm 2024	2024	Hệ thống phục vụ cho giao dịch chứng chỉ quỹ mở	Không có
4	Công ty TNHH Galaxyone	0,139% doanh thu năm 2025	2025	Sản phẩm, tiện ích cho khách hàng	Không có
5	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ TMG	0,180% doanh thu năm 2025	2025	Hệ thống Neobond	Không có
6	Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	0,086% doanh thu năm 2025	2025	Phần mềm FLEX	Không có
7	Công ty Cổ phần Galaxy Technology Services	0,17% doanh thu 9 tháng đầu năm 2026	2026	Chi phí sản xuất phần mềm dự án HDS theo Hợp đồng số GTS_09/HDS_20250801.01 ký ngày 20/08/2025 Chi phí sản xuất phần mềm đợt 1 dự án HDS CCQM theo Hợp đồng số GTS_16/HDS_20260115 ký ngày 15.01.2026 Chi phí sản xuất phần mềm dự án HDS IPO theo Hợp	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/Doanh thu (Doanh số mua hàng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
				đồng số GTS_17/HDS_20260115 ký ngày 15.01.2026	
8	Công ty Cổ phần Thuật toán Đầu tư Algo	0,099% doanh thu 9 tháng đầu năm 2026	2026	Dự án H.MONEY Chi phí dữ liệu năm 2026	Không có
9	Công ty TNHH Galaxyone	0,70% doanh thu 9 tháng đầu năm 2026	2026	Hợp đồng mua thiết bị bảo mật và mạng firewall Palo Alto, firewall WAF, Cisco, C9300, Peplink	Không có

Nguồn: HDS

(*) Mối quan hệ với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Phó TGĐ, cổ đông lớn của Công Ty tại thời điểm ký kết hợp đồng

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

10.7. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a) Ngành hoạt động

HDS hoạt động trong các lĩnh vực môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm hoạt động tích lũy qua gần 20 năm hình thành và phát triển, HDS đã từng bước củng cố vị thế của mình trong ngành chứng khoán Việt Nam. Công Ty hiện là thành viên của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam.

HDS sở hữu tiềm năng tăng trưởng nhờ sự hậu thuẫn tài chính vững mạnh từ HDBank, cùng chiến lược đẩy mạnh chuyển đổi số, tối ưu hóa hệ thống giao dịch trực tuyến và nâng cao trải nghiệm khách hàng cá nhân. Đây là nền tảng quan trọng để HDS mở rộng hoạt động, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những CTCK uy tín và hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam trong những năm tới.

Năm 2026 đánh dấu bước chuyển biến quan trọng khi HDS hoàn tất nâng vốn điều lệ từ 1.461 tỷ đồng lên 10.961 tỷ đồng vào tháng 06/2026. Song song với tăng trưởng quy mô, HDS tập trung phát triển sản phẩm và ứng dụng kiến trúc công nghệ "Two-speed Architecture" nhằm đa dạng hóa giải pháp đầu tư và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công Ty đã đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số với hệ thống vận hành có tỷ lệ hoạt động ổn định đạt 99,9% và thời gian xử lý giao dịch dưới 50ms, kết hợp giữa làn phát triển sản phẩm linh hoạt và làn hạ tầng giao dịch, thanh toán, lưu ký an toàn, phù hợp với xu hướng chứng khoán số và nhu cầu của nhà đầu tư thế hệ mới.

b) Các bên tham gia ngành và mức độ cạnh tranh

Ngành chứng khoán Việt Nam đang bước vào giai đoạn cạnh tranh khốc liệt hơn bao giờ hết, chủ yếu nhờ sự trỗi dậy của nhóm CTCK thuộc sở hữu của ngân hàng mẹ. Với lợi thế về quy mô vốn lớn (nhiều công ty đã nâng vốn điều lệ lên trên 10.000 tỷ đồng) và nền tảng dịch vụ tài chính tích hợp, nhóm này nhanh chóng mở rộng hoạt động và liên tục gia tăng thị phần. Cạnh tranh trên thị trường không còn dừng lại ở mức phí giao dịch, mà lan sang nhiều lĩnh vực khác như phát triển sản phẩm tài chính, ứng dụng công nghệ (robot giao dịch, AI), nâng cấp dịch vụ đầu tư, cũng như triển khai các chính sách margin ngày càng hấp dẫn. Xu hướng tăng vốn mạnh mẽ để mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ càng làm gia tăng áp lực về quy mô lẫn hiệu quả vận hành giữa các công ty trong ngành. Các doanh nghiệp tiêu biểu niêm yết và dẫn dắt thị trường bao gồm CTCP Chứng khoán SSI, CTCP Chứng khoán Kỹ Thương, CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, CTCP Chứng khoán Vietcap, v.v.

HDS đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong bối cảnh này. Với sự tham gia hỗ trợ của HDBank để mở rộng hoạt động, các mảng kinh doanh chính đều ghi nhận kết quả tích cực trong năm 2025: Lợi nhuận môi giới và cho vay margin đạt 130 tỷ đồng (tăng 16,82% so với năm 2024), và dư nợ margin tăng trưởng 41%, đạt 1.751 tỷ đồng. Công Ty cũng đẩy mạnh mảng tư vấn trái phiếu, mang về 352 tỷ đồng lợi nhuận từ việc cung cấp dịch vụ cho 22 TCPH.

c) Vị thế và thị phần của HDS trong ngành

Vị thế của HDS trong ngành chứng khoán

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Vốn điều lệ (*)	Vốn chủ sở hữu (**)	Tổng tài sản (**)	Doanh thu hoạt động (***)	Lợi nhuận sau thuế (***)
1	CTCP Chứng khoán SSI	**SSI**	30.033	39.352	93.827	13.266	4.451
2	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	**TCX**	33.293	47.406	96.974	13.427	6.221

STT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Vốn điều lệ (*)	Vốn chủ sở hữu (**)	Tổng tài sản (**)	Doanh thu hoạt động (***)	Lợi nhuận sau thuế (***)
3	CTCP Chứng khoán VPBank	**VPX**	18.750	36.282	83.312	12.997	3.794
4	CTCP Chứng khoán VPS	**VCK**	24.349	32.074	48.809	9.316	4.247
5	CTCP Chứng khoán VIX	**VIX**	25.728	32.866	39.860	7.152	1.675
6	CTCP Chứng khoán VNDirect	**VND**	15.223	21.762	45.636	6.819	2.099
7	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	**HCM**	13.728	14.505	43.044	5.344	1.180
8	CTCP Chứng khoán Vietcap	**VCI**	11.522	16.948	40.401	5.413	1.402
9	CTCP Chứng khoán MB	**MBS**	10.010	11.256	35.196	4.684	1.216
10	CTCP Chứng khoán HD	-	10.961	14.041	27.750	3.941	2.352

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý III/2026 của các CTCK

(*) Tại thời điểm 30/10/2026;

(**) Tại thời điểm 30/09/2026;

(***) Lũy kế 12 tháng từ thời điểm 01/10/2025 – 30/09/2026

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

a) Kinh tế trong nước ổn định và bền vững, hỗ trợ sự tăng trưởng của TTCK

GDP bình quân đầu người giai đoạn 2010 – 2025 (đơn vị: USD)

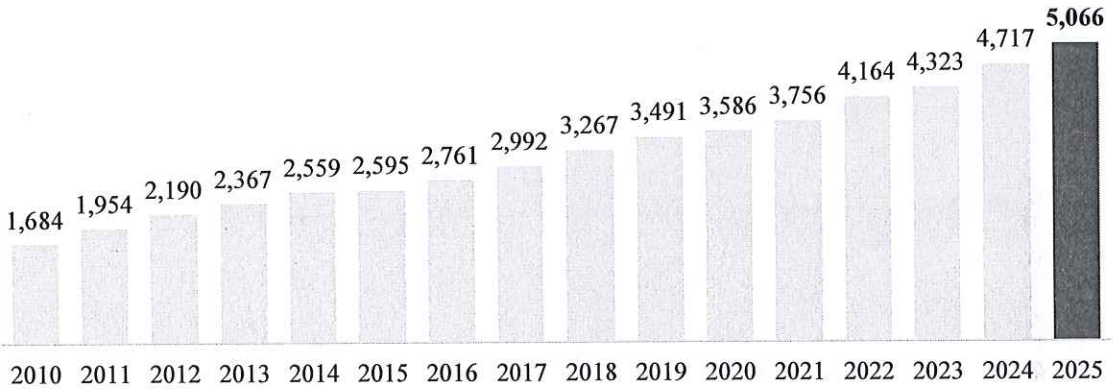

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (World Bank)

Tăng trưởng GDP ổn định, cùng với việc thu nhập và tiêu dùng của người dân được cải thiện (GDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 5.400 – 5.500 USD theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026 tại Nghị quyết 244/2025/QH15), đang là động lực chính thúc đẩy dòng vốn đầu tư từ cả cá nhân và tổ chức vào TTCK. Khi niềm tin thị trường được củng cố, nhu cầu đối với các dịch vụ tư vấn đầu tư, giao dịch chứng khoán và các sản phẩm tài chính tăng cao, tạo điều kiện mở rộng quy mô hoạt động cho các CTCK và các tổ chức trung gian tài chính.

Chính phủ Việt Nam ưu tiên mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tập trung kiểm soát lạm phát ở mức thấp, thúc đẩy chất lượng tăng trưởng, và đảm bảo các cân đối lớn trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức. Song song với đó, những nỗ lực cải thiện môi trường pháp lý, đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán, đã tháo gỡ vướng mắc trong quy trình đầu tư, kích thích sự phục hồi của nhiều

ngành kinh tế quan trọng. Sự gia tăng nguồn cung cổ phiếu sơ cấp thông qua các hoạt động chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phát hành riêng lẻ mở ra cơ hội lớn cho các CTCK trong vai trò bảo lãnh phát hành và tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Với chiến lược điều hành chính sách linh hoạt, Việt Nam được kỳ vọng sẽ giảm thiểu hiệu quả các rủi ro từ bên ngoài (như biến động thương mại quốc tế) và tận dụng các cơ hội mới để thúc đẩy tăng trưởng nội lực. Những yếu tố này tạo nên nền tảng vững chắc, giúp TTCK phát triển bền vững và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc dẫn vốn cho nền kinh tế thực.

b) Thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng từ việc nâng hạng

Ngày 18/09/2026, Bộ Tài chính chủ trì Hội nghị "Việt Nam chính thức tham gia rổ chỉ số toàn cầu – FTSE Russell Global Equity Index Series" thu hút khoảng 200 đại biểu tham dự, trong đó có đại diện các quỹ đầu tư lớn nhất thế giới như Vanguard, BlackRock, đánh dấu một bước phát triển mới của TTCK Việt Nam trước thời điểm việc nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp theo phân loại của FTSE Russell chính thức có hiệu lực từ ngày 21/09/2026.

Theo FTSE Russell, việc Việt Nam được đưa vào các chỉ số chuẩn toàn cầu là sự ghi nhận quan trọng đối với cải cách và mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường vốn quốc tế. Điều này củng cố vị thế của Việt Nam như một điểm đến ngày càng quan trọng đối với đầu tư quốc tế và phản ánh niềm tin của nhà đầu tư toàn cầu vào triển vọng của thị trường. Hiện có hơn 22 nghìn tỷ USD tài sản trên toàn cầu sử dụng các chỉ số của FTSE Russell làm chuẩn tham chiếu.

Trong bối cảnh dòng vốn quốc tế đang dịch chuyển mạnh, Việt Nam kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh; đồng thời ưu tiên thu hút dòng vốn chất lượng, dài hạn, gắn với chuyển giao tri thức, công nghệ, quản trị hiện đại và phát triển bền vững.

Thời gian qua, thị trường vốn Việt Nam tiếp tục là điểm sáng với nhiều cải cách về thể chế, cơ chế vận hành và khả năng tiếp cận của nhà đầu tư. Cơ quan quản lý duy trì đối thoại cởi mở với cộng đồng đầu tư quốc tế, góp phần củng cố sự ổn định của hệ thống tài chính và nâng cao vai trò của thị trường vốn đối với tăng trưởng kinh tế. Khuôn khổ pháp lý và chính sách phát triển thị trường vốn đã có nhiều bước tiến, tập trung vào ba hướng lớn: nâng cao chất lượng quản trị, kỷ luật thị trường và hiệu quả xử lý vi phạm; tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, theo chuẩn mực quốc tế; đồng thời xây dựng nền tảng pháp lý cho các mô hình thị trường và sản phẩm mới.

Nhờ những cải cách kịp thời với quyết tâm cao của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN và các bộ, ngành, FTSE Russell đã công bố nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp tại kỳ đánh giá tháng 09/2025 và tiếp tục xác nhận lộ trình tại kỳ đánh giá năm 2026. Việc nâng hạng mở ra cơ hội tiếp cận sâu rộng hơn với dòng vốn quốc tế, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với chất lượng thị trường và năng lực quản lý, giám sát. Chính phủ và Bộ Tài chính sẽ tiếp tục triển khai các định hướng phát triển thị trường vốn đến năm 2030, tầm nhìn 2045; nâng cao thanh khoản, hiện đại hóa hạ tầng, tăng cường công cụ quản trị rủi ro, đa dạng hóa sản phẩm và thu hút dòng vốn theo hướng bền vững.

c) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng mạnh

Dòng vốn FDI tiếp tục đóng vai trò là một trong những động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam và tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển của thị trường tài chính - chứng khoán. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến cuối năm 2025, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 38,42 tỷ USD (+0,5% so với năm trước), trong đó vốn FDI thực hiện ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2024, mức cao nhất trong vòng 5 năm qua (giai đoạn 2021–2025). Sự mở rộng của dòng vốn FDI không chỉ hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh trong nước mà còn kéo theo nhu cầu ngày càng lớn về huy động vốn thông qua TTCK. Bước sang 9 tháng đầu năm 2026, xu hướng này tiếp tục được củng cố khi vốn FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2025 – là mức tăng cao nhất cho giai đoạn 9 tháng trong vòng 5 năm qua, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu

còn nhiều bất ổn. Nhiều doanh nghiệp FDI và các đối tác nội địa chủ động tăng quy mô tài chính hoặc triển khai các đợt phát hành trái phiếu để phục vụ kế hoạch đầu tư. Điều này mở ra cơ hội đáng kể cho các CTCK trong mảng môi giới, tự doanh, tư vấn và bảo lãnh phát hành, khi nhu cầu tiếp cận các giao dịch quy mô lớn và chuyên nghiệp hóa dịch vụ ngày càng tăng.

Song song đó, dòng vốn FDI cũng góp phần làm sâu rộng TTCK Việt Nam thông qua sự tham gia mạnh mẽ của các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế và công ty quản lý tài sản. Sự hiện diện của các nhà đầu tư tổ chức này làm gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính chuyên biệt như nghiên cứu phân tích, tư vấn giao dịch và quản lý danh mục đầu tư, qua đó mang lại động lực tăng trưởng bền vững cho các CTCK trong nước.

d) Giai đoạn tăng trưởng mới của nền kinh tế và vai trò của các khu vực kinh tế

Bám sát định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Việt Nam theo đuổi mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó các thành phần kinh tế cùng tồn tại, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trên cơ sở pháp luật. Trong đó, khu vực doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục đóng vai trò nòng cốt tại các ngành, lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, đóng góp vào việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Song song đó, khu vực doanh nghiệp tư nhân được xác định là một trong những động lực chủ chốt của nền kinh tế, với các điều kiện được tạo ra để mở rộng quy mô, cải thiện năng lực quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trên nền tảng đó, TTCK đóng vai trò là kênh dẫn vốn trung và dài hạn, góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, hỗ trợ sự phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân, đồng thời phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn 2021 - 2030.

10.7.3. <u>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Phát Hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới</u>

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa kinh tế, việc phát triển TTCK là ưu tiên chiến lược của Việt Nam. Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ, đặt ra các mục tiêu cốt lõi: xây dựng TTCK ổn định, an toàn, hiệu quả và hội nhập. Chiến lược này nhấn mạnh việc nâng cao khả năng chống chịu rủi ro, phát triển TTCK thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng, đồng thời chú trọng tăng trưởng về chất lượng. Các định hướng trọng tâm bao gồm phát triển các công cụ tài chính xanh/bền vững, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực chứng khoán, xây dựng hệ thống quản lý, giám sát hiện đại, và tăng cường liên kết, hội nhập quốc tế nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển so với các thị trường phát triển.

Ngày 27/07/2026, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1413/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao, liên tục đến năm 2045. Mục tiêu tổng quát của Đề án là xây dựng thị trường tài chính Việt Nam phát triển đồng bộ, hiện đại và hội nhập với khu vực và thế giới; có cấu trúc cân đối, hợp lý, có khả năng huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội; phát huy vai trò cung ứng vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế; là động lực để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức cao, liên tục đến năm 2045.

Nắm bắt được triển vọng vĩ mô và xu hướng phát triển chung của ngành, HDS đã xây dựng định hướng phát triển chiến lược của mình một cách phù hợp. Chiến lược của HDS đồng bộ với đường lối của Chính phủ, tập trung vào việc mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao trình độ công nghệ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của TTCK Việt Nam, đặc biệt sau cột mốc nâng hạng thị trường.

a) Phù hợp về định hướng phát triển

Trong bối cảnh TTCK Việt Nam đang dần phục hồi và tái cấu trúc sau giai đoạn biến động, HDS định hướng phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm tài chính và đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhà đầu tư. Thay vì chỉ tập trung vào mô hình môi giới truyền

thống, HDS chú trọng xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính toàn diện, bao gồm môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư và bảo lãnh phát hành chứng khoán, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài sản và hỗ trợ giao dịch.

Định hướng này giúp HDS nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu trải nghiệm khách hàng, cũng như tăng tính cạnh tranh và khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường tài chính trong kỷ nguyên số hóa.

b) Phù hợp về quy mô hoạt động

Năm 2025, HDS duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng với lợi nhuận trước thuế đạt 1.314 tỷ đồng, tăng 94,8% so với năm trước. Dấu ấn quan trọng trong năm là việc Công Ty thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ, qua đó nâng vốn chủ sở hữu lên mức 3.480 tỷ đồng, tăng 28,4% so với năm 2024. Song song với việc củng cố bộ đệm vốn, quy mô tài sản hoạt động của HDS đã tăng mạnh ở nhiều lĩnh vực nghiệp vụ trọng điểm, phản ánh năng lực cung ứng vốn và mở rộng thị phần hiệu quả. Trong đó, mảng tự doanh ghi nhận sự bứt phá quy mô rõ nét với doanh thu năm 2025 đạt 1.133,3 tỷ đồng, tăng trưởng 75,26% so với năm 2024 và chiếm tới 54,12% tổng cơ cấu doanh thu; mảng cho vay và phải thu bao gồm giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán đánh dấu bước nhảy vọt về quy mô cấp vốn với doanh thu đạt 149,6 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 200,22% so với năm trước; đồng thời mảng dịch vụ tài chính và tư vấn tiếp tục duy trì quy mô doanh thu lớn với doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính đạt 371,5 tỷ đồng và doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành đạt 382,5 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của HDS tại ngày 31/12/2025 đạt 283%, vượt xa mức tối thiểu theo quy định của UBCKNN là 180%. Các chỉ số này tiếp tục khẳng định nền tảng tài chính vững chắc, tạo tiền đề thuận lợi để HDS mở rộng quy mô tài sản và các hoạt động kinh doanh trong thời gian tới mà không gây áp lực lên an toàn vốn.

c) Phù hợp về tổ chức nhân sự

HDS đã và đang tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị nhân sự, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu hóa quy trình làm việc và cải thiện trải nghiệm của đội ngũ nhân viên. Việc triển khai các phần mềm quản lý nhân sự hiện đại đã giúp tự động hóa nhiều quy trình quan trọng như chấm công, nghỉ phép, đánh giá KPIs và quản lý dữ liệu nhân sự, qua đó giảm thiểu sai sót và tiết kiệm thời gian.

Bên cạnh đó, việc thực hiện công tác đánh giá KPIs đã giúp nâng cao tính minh bạch và công bằng trong quá trình đánh giá, khen thưởng, tạo động lực để nhân viên phát huy tối đa năng lực. Điều này không chỉ góp phần đo lường hiệu quả công việc một cách khách quan mà còn kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích tinh thần trách nhiệm. Nhờ các cải tiến này, HDS đã xây dựng được đội ngũ nhân sự ổn định, đảm bảo vận hành hiệu quả và liên tục góp phần vào sự phát triển bền vững của Công Ty. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để HDS từng bước xác lập vị thế trên thị trường.

d) Phù hợp về công nghệ

Kể từ năm 2024 tới nay, HDS đã triển khai đồng bộ các chính sách nhằm tăng cường quản trị rủi ro và đảm bảo sự ổn định cho hoạt động kinh doanh, song hành cùng việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Về mặt công nghệ, Công ty đã thực hiện nhiều dự án quan trọng: thay mới giao diện trang chủ website hdbs.vn để làm mới nhận diện thương hiệu; phát triển dự án App/Web giao dịch chứng khoán mới (HDInvest app + web, portal sale app); đặc biệt, HDS đã tăng cường tiện ích cho nhà đầu tư bằng cách tích hợp tính năng thu chi hộ BIDV.

Để nâng cao năng lực tuân thủ và bảo mật, Công Ty đã bổ sung tính năng mở tài khoản tích hợp kiểm tra dữ liệu nhà đầu tư với Bộ Công an (C06) theo yêu cầu của UBCKNN, đồng thời hợp tác với công ty công nghệ GalaxyOne để đánh giá và rà soát an toàn thông tin, bảo mật hệ thống. Các hoạt động này cho thấy sự tập trung của HDS vào việc nâng cấp nền tảng số, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro, là những yếu tố then chốt để củng cố vị thế cạnh

tranh trong ngành chứng khoán.

10.8. Hoạt động marketing

Hoạt động Marketing và Truyền thông của HDS được triển khai đồng bộ với chiến lược phát triển kinh doanh, định hướng chuyển đổi số và mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của Công Ty trên thị trường vốn.

HDS định hướng xây dựng hoạt động Marketing và Truyền thông không chỉ nhằm quảng bá sản phẩm, dịch vụ mà còn góp phần củng cố uy tín thương hiệu, nâng cao trải nghiệm khách hàng, hỗ trợ phát triển kinh doanh và tăng cường sự hiện diện của Công Ty trong cộng đồng tài chính – đầu tư. Các hoạt động được triển khai trên nguyên tắc bảo đảm tính nhất quán của thương hiệu, kiểm soát rủi ro truyền thông và phù hợp với các chuẩn mực hoạt động trên thị trường vốn. Định hướng này phù hợp với tầm nhìn của HDS về phát triển hệ sinh thái sản phẩm tài chính và dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp trên nền tảng số hiện đại.

a) Xây dựng và nâng cao vị thế thương hiệu HDS trên thị trường vốn

HDS từng bước chuẩn hóa hệ thống nhận diện, thông điệp và câu chuyện thương hiệu trên các điểm tiếp xúc với khách hàng, đối tác và cộng đồng đầu tư. Công Ty định hướng xây dựng hình ảnh HDS theo hướng một định chế tài chính hiện đại, chuyên nghiệp, có năng lực trong các lĩnh vực thị trường vốn, ngân hàng đầu tư, trái phiếu, công nghệ và quản lý tài sản.

Hoạt động truyền thông tập trung làm nổi bật năng lực chuyên môn, quản trị rủi ro, tính minh bạch và định hướng phát triển dài hạn của Công Ty; đồng thời tăng cường hiện diện tại các kênh truyền thông, diễn đàn và sự kiện chuyên ngành phù hợp. HDS hướng tới xây dựng vị thế thương hiệu dựa trên năng lực và chất lượng dịch vụ, đồng thời gắn thương hiệu với các giá trị về đầu tư có kỷ luật, quản trị rủi ro và phát triển bền vững.

Trong năm 2026, HDS được tạp chí Asian Banking & Finance (ABF) trao tặng hai giải thưởng quốc tế gồm "**Securities House of the Year – Vietnam**" và "**Sustainability Bond of the Year – Vietnam**". Các giải thưởng này là sự ghi nhận đối với năng lực và những đóng góp của HDS trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và thị trường trái phiếu, qua đó góp phần củng cố uy tín và nhận diện thương hiệu của Công ty trên thị trường vốn.

b) Phát triển nội dung chuyên môn và xây dựng năng lực Thought Leadership

HDS định hướng phát triển hệ thống nội dung có cấu trúc, gắn với chiến lược thương hiệu và hoạt động kinh doanh, thay vì triển khai các hoạt động truyền thông rời rạc. Nội dung tập trung vào các chủ đề có liên quan đến năng lực cốt lõi của Công Ty như kinh tế – tài chính, TTCK, thị trường trái phiếu, phân bổ tài sản, quản trị rủi ro, xu hướng dòng vốn, ngân hàng đầu tư và quản lý tài sản.

Thông qua các báo cáo, nội dung chuyên đề, bài viết phân tích, tọa đàm, hội thảo và sự tham gia của đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia, HDS hướng tới cung cấp các góc nhìn có giá trị cho khách hàng và thị trường, qua đó từng bước nâng cao uy tín chuyên môn và xây dựng vai trò của HDS như một nguồn thông tin có chiều sâu trong cộng đồng tài chính – đầu tư.

Định hướng nội dung của HDS cũng nhấn mạnh việc nâng cao hiểu biết của nhà đầu tư về quản trị rủi ro, phân bổ tài sản và vai trò của dòng vốn tổ chức, qua đó từng bước tách khỏi cách tiếp cận truyền thông mang tính ngắn hạn hoặc đầu cơ.

c) Phát triển Marketing trên nền tảng số gắn với chiến lược công nghệ

HDS đẩy mạnh hoạt động Marketing trên các nền tảng số nhằm mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng và nâng cao trải nghiệm trong toàn bộ hành trình sử dụng dịch vụ. Các điểm tiếp xúc số bao gồm website, ứng dụng giao dịch, nền tảng Web Trading, mạng xã hội, các trang thông tin sản phẩm và các kênh tương tác trực tuyến khác.

Công Ty tập trung phát triển và nâng cấp các nền tảng giao dịch số, trong đó **HDInvest** đóng vai trò là một trong những điểm tiếp xúc quan trọng với khách hàng. Việc phát triển các nền tảng số đồng thời gắn với định hướng ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ khách hàng tiếp cận thông tin và nâng cao trải nghiệm đầu tư.

Trong chiến lược Marketing 2026, HDS xác định việc tái cấu trúc website, phát triển các kênh digital, hoàn thiện các landing page sản phẩm và tăng cường kết nối giữa hoạt động Marketing với nền tảng giao dịch là những nội dung quan trọng trong quá trình xây dựng hạ tầng Marketing số.

d) Ứng dụng dữ liệu và công nghệ trong hoạt động Marketing

HDS định hướng phát triển hoạt động Marketing dựa trên dữ liệu thông qua việc từng bước xây dựng và hoàn thiện các nền tảng quản trị dữ liệu khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng (CRM), hệ thống đo lường và marketing tự động hóa (Marketing Automation).

Việc tích hợp dữ liệu từ các điểm tiếp xúc với khách hàng hỗ trợ Công Ty nâng cao khả năng nhận diện nhu cầu và hành vi của từng nhóm khách hàng, từ đó cung cấp nội dung và thông tin sản phẩm phù hợp hơn, đồng thời tăng cường khả năng phối hợp giữa Marketing và các đơn vị kinh doanh.

HDS cũng định hướng xây dựng nền tảng dữ liệu khách hàng tập trung và các cơ chế theo dõi hành trình khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả tương tác, hỗ trợ phân tích khách hàng và tăng cường khả năng quản trị hoạt động Marketing trên cơ sở dữ liệu.

Trong mô hình vận hành được định hướng, dữ liệu Marketing còn được sử dụng để đánh giá chất lượng các nhóm khách hàng tiềm năng, hiệu quả nội dung và khả năng chuyển đổi theo từng nhóm sản phẩm, qua đó hỗ trợ quá trình ra quyết định và điều chỉnh hoạt động Marketing.

e) Khai thác lợi thế từ ngân hàng mẹ và tăng cường kết nối khách hàng

HDS định hướng tăng cường phối hợp với HDBank nhằm mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, tăng cường các điểm chạm và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp với từng phân khúc.

Hoạt động Marketing hỗ trợ việc kết nối khách hàng với các sản phẩm và dịch vụ đầu tư của HDS, đồng thời phát triển các chương trình truyền thông và tương tác phù hợp với nhu cầu của khách hàng cá nhân, khách hàng có tài sản lớn, doanh nghiệp và khách hàng tổ chức.

Theo định hướng chiến lược của Công Ty, vai trò của ngân hàng mẹ không chỉ là nguồn hỗ trợ về nhận diện thương hiệu mà còn là một trong những nền tảng giúp HDS mở rộng khả năng phân phối và phát triển quan hệ khách hàng. Trong kế hoạch Marketing, HDBank và các đơn vị liên quan được xác định là những đối tác phối hợp quan trọng trong các hoạt động liên quan đến truyền thông, sản phẩm đầu tư, ngân hàng đầu tư và quản lý tài sản.

f) Phát triển tiếp thị sản phẩm (Product Marketing) theo hướng giải pháp đầu tư và quản lý tài sản

Hoạt động Marketing được triển khai gắn với từng nhóm sản phẩm và dịch vụ của HDS, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, các sản phẩm đầu tư, ngân hàng đầu tư và các giải pháp quản lý tài sản.

Công Ty định hướng chuyển từ cách tiếp cận truyền thông từng sản phẩm đơn lẻ sang cung cấp thông tin về các giải pháp đầu tư phù hợp với mục tiêu tài chính, thời gian đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của từng nhóm khách hàng.

Đối với sản phẩm cổ phiếu, HDS định hướng phát triển Product Marketing theo hướng đóng gói thành các giải pháp đầu tư và danh mục tham khảo dựa trên khẩu vị rủi ro, thay vì tập trung chủ yếu vào thông điệp giao dịch ngắn hạn. Đồng thời, HDS định hướng phát triển hoạt động truyền thông và kết nối sản phẩm theo lộ trình từ trái phiếu đến cổ phiếu và các giải pháp quản lý tài sản, phù hợp với mục tiêu phát triển quan hệ khách hàng dài hạn.

g) Tăng cường tương tác với khách hàng và cộng đồng tài chính – đầu tư

HDS triển khai và tham gia các hội thảo đầu tư, diễn đàn thị trường vốn, tọa đàm chuyên môn, chương trình dành cho nhà đầu tư và các hoạt động tương tác theo từng chủ đề và phân khúc khách hàng.

Các hoạt động này vừa là kênh chia sẻ thông tin, kiến thức và quan điểm thị trường, vừa tạo điều kiện để HDS tăng cường kết nối trực tiếp với khách hàng cá nhân, khách hàng có tài sản lớn, khách hàng tổ chức, đối tác và cộng đồng tài chính – đầu tư.

HDS chú trọng các hình thức trao đổi chuyên sâu như Tọa đàm nhà đầu tư (Investor Roundtable), Trao đổi cùng Ban Lãnh đạo (Executive Briefing), hội thảo đầu tư và các diễn đàn tài chính nhằm tăng cường tương tác với các nhóm khách hàng mục tiêu và củng cố hình ảnh Công Ty theo hướng chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn và có quan điểm rõ ràng về thị trường.

Bên cạnh các sự kiện chuyên sâu, HDS còn tham gia các diễn đàn đầu tư quy mô lớn nhằm gia tăng sự hiện diện thương hiệu, tiếp cận cộng đồng nhà đầu tư và tăng cường các hoạt động kết nối với khách hàng, đối tác và thị trường.

Thông qua các hoạt động trên, HDS xác định Marketing và Truyền thông là một cấu phần hỗ trợ chiến lược phát triển dài hạn của Công Ty, kết nối giữa thương hiệu, sản phẩm, công nghệ, dữ liệu, hệ sinh thái và trải nghiệm khách hàng.

Các hoạt động Marketing và Truyền thông được triển khai theo hướng có trọng tâm, nhất quán với chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển của HDS, đồng thời chú trọng tính minh bạch, quản trị rủi ro truyền thông và các chuẩn mực hoạt động trên thị trường vốn.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Tên đầy đủ của Công Ty bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD

Tên Công Ty bằng tiếng nước ngoài: HD Securities Corporation

Nhãn hiệu thương mại : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

Tên tiếng Anh : HD SECURITIES CORPORATION

Logo Công Ty :

HDSecurities

Công Ty đã đăng ký tên miền: www.hdbs.vn; www.hdx.vn

Các nhãn hiệu thương mại tiêu biểu khác mà Công Ty đang sở hữu và sử dụng bao gồm (*):

HDInvest	Ứng dụng đầu tư chứng khoán của HDS, tích hợp Web Trading, FinRadar theo dõi thị trường và Chatbot AI Alpha Hunter hỗ trợ tra cứu, tư vấn theo thời gian thực. Ứng dụng công nghệ AI cá nhân hóa trải nghiệm, giúp nhà đầu tư giao dịch nhanh, thông minh và an toàn mọi lúc, mọi nơi.
HDWork	Mạng lưới trợ lý AI nội bộ của HDS, chuyên trách theo từng đơn vị kinh doanh, hỗ trợ nhân viên soạn thảo, phân tích và kiểm tra chéo công việc. Kết hợp hệ thống KPI thời gian thực, tự động hóa quy trình vận hành (eKYC, đối soát, báo cáo), giúp nâng cao hiệu suất và chuẩn hóa quản trị nội bộ.
Chatbot Alpha Hunter	Trợ lý AI tích hợp trong hệ sinh thái HDInvest, hỗ trợ nhà đầu tư tra cứu thông tin, giải đáp thắc mắc và đồng hành trong quá trình giao dịch chứng khoán. Ứng dụng công nghệ AI giúp cá nhân hóa trải nghiệm, tăng tốc độ phản hồi và nâng cao hiệu quả tương tác với khách hàng.

(*) Các thương hiệu này đang được phát triển và sử dụng ở giai đoạn thử nghiệm, sẽ được đăng ký

khi hoàn tất.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

a) Định hướng

Công Ty xác định công nghệ và trí tuệ nhân tạo là trục phát triển cốt lõi, không phải công cụ hỗ trợ. Công Ty phát triển theo mô hình công ty công nghệ tài chính hoạt động trên cơ sở giấy phép kinh doanh chứng khoán và các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư theo giấy phép hiện hành, với mục tiêu đến năm 2030 trở thành nền tảng giao dịch thông minh ứng dụng AI, giữ vị trí dẫn đầu ngành về công nghệ theo các tiêu chí: tỷ lệ giao dịch và mở tài khoản qua kênh số, độ ổn định hệ thống theo phiên, tỷ lệ khách hàng sử dụng tính năng AI và đánh giá độc lập.

b) Nguyên tắc mua và tự phát triển

Công Ty sử dụng giải pháp của nhà cung cấp cho các cấu phần đã chuẩn hoá trong ngành (hệ thống lõi xử lý lệnh và lưu ký, hạ tầng, định danh điện tử, mô hình AI nền tảng); tự phát triển và nắm giữ quyền sở hữu các lớp tạo khác biệt: kênh giao dịch số HDInvest, lớp dữ liệu, nền tri thức nghiệp vụ chứng khoán và lớp điều phối AI.

c) Mức đầu tư

HĐQT định hướng dành khoảng 5% lợi nhuận trước thuế hàng năm cho đầu tư công nghệ và sản phẩm, ngoài chi phí vận hành hệ thống hiện hữu.

Mức đầu tư trọng tâm vào bốn hướng:

(i) AI theo hành trình đầu tư của khách hàng trên nền tảng HDInvest: học tập (HD Academy), phát hiện cơ hội (FinRadar), sàng lọc (FinStock / Alpha Hunter), hỗ trợ quyết định theo ngữ cảnh danh mục (AI Research) và thực thi (đặt lệnh tự động theo chiến lược);

(ii) AI trong vận hành nội bộ qua trợ lý HD Work, hướng tới tác tử AI thực thi quy trình nghiệp vụ để mở rộng quy mô phục vụ mà không tăng chi phí tuyến tính theo nhân sự;

(iii) Nền tảng tri thức nghiệp vụ chứng khoán Việt Nam được chuẩn hoá – quy định pháp luật, quy tắc giao dịch và thanh toán, chính sách sản phẩm – có bộ phận chịu trách nhiệm cập nhật và kiểm soát chất lượng;

(iv) Số hoá các phân khúc có yêu cầu tuân thủ cao, điển hình là hệ thống giao dịch trực tuyến TPDN riêng lẻ Neo-Bond kết nối trực tiếp với HNX.

d) Hợp tác và sở hữu trí tuệ

Công Ty hợp tác với nhà cung cấp hệ thống lõi, dữ liệu thị trường và mô hình AI nền tảng theo hợp đồng có điều khoản về sở hữu trí tuệ, cam kết chất lượng dịch vụ và khả năng chuyển đổi; khai thác hợp tác với các đối tác của ngân hàng mẹ về phân phối và khách hàng thân thiết. Công Ty sở hữu mã nguồn kênh giao dịch số, nền tri thức nghiệp vụ, dữ liệu khách hàng và giao dịch thu thập hợp pháp.

Phát triển AI được thực hiện trong khuôn khổ quản trị có bộ phận chịu trách nhiệm: kiểm soát đầu ra, phê duyệt của nhân sự có chứng chỉ hành nghề đối với nội dung có tính khuyến nghị, tuyên bố miễn trừ với thông tin tham khảo; tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, quy định về hành nghề chứng khoán và quy định của UBCKNN, HOSE, HNX, VSDC. Hệ thống CNTT đang triển khai theo ISO/IEC 27001:2022 và phương án dự phòng thảm hoạ.

e) Kết quả và kế hoạch

Sản phẩm/Hạng mục	Trạng thái	Thời điểm
Nền tảng giao dịch HDInvest (di động, web); phiên bản mới	Đang vận hành; kế hoạch ra mắt	30/09/2026

Sản phẩm/Hạng mục	Trạng thái	Thời điểm
Neo-Bond – trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, kết nối HNX	Đang vận hành	14/09/2021
FinRadar – FinStock (Alpha Hunter) – AI Research – HD Academy	Đang vận hành	06/07/2026
Đặt lệnh tự động theo chiến lược (lệnh rổ)	Hoàn thiện	30/09/2026
HD Work – trợ lý AI; giai đoạn AI office	Đang vận hành; cơ bản 30/09/2026, hoàn thành 31/12/2026	Quý IV/2026
Liên kết định danh VNeID (Nghị định 320/2026/NĐ-CP)	Đang triển khai	Trước 31/12/2026
Hợp nhất nền tảng dùng chung; dự phòng thảm hoạ; ISO 27001; tác tử AI	Kế hoạch	2027 – 2028

Kế hoạch nêu trên là định hướng tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch và có thể được điều chỉnh theo điều kiện thị trường, quy định pháp luật và kết quả kinh doanh thực tế.

10.11. Chiến lược kinh doanh

a) Tổng quan về chiến lược kinh doanh

- *Định hướng chiến lược sản phẩm đối với mảng môi giới chứng khoán*

HDS đã và đang phát triển các nhóm sản phẩm chuyên sâu sau cho mảng môi giới chứng khoán:

- Loyalty kết hợp SkyJoy (gói onboarding nhà đầu tư mới).
- Margin linh hoạt miễn lãi T + 5–7 ngày.
- Gói hội viên HDS Prime (copy trade, danh mục mẫu).
- Chấm điểm rủi ro margin bằng mô hình AI theo hồ sơ khách hàng và thanh khoản tài sản bảo đảm.

- *Định hướng chiến lược sản phẩm đối với mảng ngân hàng đầu tư*

HDS đã và đang phát triển các nhóm sản phẩm chuyên sâu sau cho mảng ngân hàng đầu tư:

- Dịch vụ thị trường vốn nợ: TPDN, dự án, công cụ nợ có cấu trúc, trái phiếu xanh.
- Nền tảng phân phối trái phiếu số hóa mở rộng nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Dịch vụ thị trường vốn cổ phần: IPO, niêm yết, phát hành riêng lẻ, M&A và tái cấu trúc vốn.
- Nền tảng IR số và nghiên cứu phục vụ khách hàng tổ chức.
- Đại lý phát hành, quản lý tài sản bảo đảm và dịch vụ hậu phát hành.

- *Định hướng chiến lược sản phẩm đối với mảng tự doanh và nguồn vốn*

HDS đã và đang phát triển các nhóm sản phẩm chuyên sâu sau cho mảng tự doanh và nguồn vốn:

- Tự doanh trái phiếu: tạo lập thị trường, hỗ trợ thanh khoản sản phẩm phân phối.
- Tự doanh cổ phiếu có kỷ luật, tách bạch với hoạt động khách hàng.
- Kinh doanh nguồn vốn: tối ưu chi phí vốn và cấu trúc kỳ hạn.
- Phái sinh và chứng quyền: công cụ phòng vệ và sản phẩm cấu trúc.
- Hạn mức được quản trị qua Ủy ban Đầu tư và Tiểu ban Margin.

- *Định hướng chiến lược sản phẩm đối với mảng quản lý gia sản*

HDS đã và đang phát triển các nhóm sản phẩm chuyên sâu sau cho mảng quản lý gia sản:

- Phân phối chứng chỉ quỹ đa kênh cùng CTCP Quản lý Quỹ HD.
- Phân phối trái phiếu đa kênh (bảo hiểm liên kết tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi).
- Sản phẩm NPF cho khách hàng tổ chức nước ngoài.
- Tư vấn phân bổ tài sản hỗ trợ bởi AI cho phân khúc ưu tiên.
- Nền tảng mở kết nối nhiều nhà quản lý quỹ, không giới hạn ở sản phẩm nội bộ.

b) Thời gian thực hiện dự kiến

Dự kiến triển khai thực hiện theo kế hoạch 05 năm từ năm 2026, định hướng đến năm 2030.

c) Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Dự kiến trong năm 2026, HDS sẽ hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Chiến lược vốn và nguồn vốn của HDS trong các năm tới dự kiến như sau:

- *Vốn cổ phần*

- Tăng vốn: đưa vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu vào nhóm Top 5 thị trường, tạo năng lực cấp margin và bảo lãnh phát hành tương xứng.
- IPO và niêm yết: chào bán lần đầu ra công chúng theo phương án đã thông qua và tiến tới niêm yết HOSE.
- M&A: chủ động tìm cơ hội mua bán – sáp nhập để gia tăng quy mô, thị phần hoặc năng lực công nghệ nhanh chóng.
- Cấu trúc cổ đông: cân đối vai trò chi phối của HDBank với không gian cho nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.

- *Nguồn vốn*

- Vay ngân hàng trong nước.
- Vay ngân hàng nước ngoài, tận dụng uy tín tín dụng của ngân hàng mẹ HDBank.
- Phát hành trái phiếu.
- Nguyên tắc quản trị: duy trì cấu trúc kỳ hạn cân đối giữa nguồn vốn và dư nợ margin; đa dạng hóa để tránh phụ thuộc một kênh duy nhất.

10.12. Việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

HDS luôn duy trì việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong suốt quá trình hoạt động, HDS bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về vốn, cơ cấu cổ đông, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cấp phép theo quy định pháp luật hiện hành, bao gồm:

- Vốn điều lệ: Duy trì mức vốn điều lệ đáp ứng đầy đủ yêu cầu tối thiểu đối với các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép, đồng thời thực hiện góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật.
- Cơ cấu cổ đông: Bảo đảm các cổ đông, thành viên góp vốn tuân thủ các giới hạn sở hữu và điều kiện tham gia góp vốn theo quy định của Luật Chứng Khoán; đối với nhà đầu tư nước ngoài, đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành.
- Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật: Duy trì trụ sở làm việc, hệ thống CNTT, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán phù hợp với quy mô hoạt động và yêu cầu quản lý, vận hành nghiệp vụ.

- HDS luôn duy trì việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân sự theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công Ty có Tổng Giám đốc, tối thiểu 03 nhân sự sở hữu chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với từng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép và tối thiểu 01 nhân sự phụ trách kiểm soát tuân thủ.
- Tổng Giám đốc của HDS đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, bao gồm: (i) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán; (ii) có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại các bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư của doanh nghiệp; (iii) sở hữu chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; và (iv) không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Bên cạnh đó, HDS duy trì Điều Lệ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Chứng Khoán, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn chế đầu tư theo Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hoạt động của CTCK và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, hoạt động của CTCK và công bố thông tin trên TTCK.

11. Chính sách đối với người lao động

Tại HDS, con người không chỉ là nguồn lực vận hành, mà là nền tảng cốt lõi tạo dựng năng lực cạnh tranh và giá trị bền vững cho tổ chức. Công Ty xây dựng và thực thi các nguyên tắc phát triển đội ngũ dựa trên chính sách đãi ngộ minh bạch, cạnh tranh và gắn liền với hiệu quả công việc thực chất.

HDS chú trọng xây dựng môi trường làm việc có kỷ luật nhưng cởi mở, đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo và trao quyền để mỗi cá nhân có thể phát huy tối đa năng lực chuyên môn của mình. Thay vì chạy theo hình thức bề ngoài, Công Ty tập trung đầu tư vào chất lượng con người, bởi đây chính là yếu tố then chốt quyết định tăng trưởng bền vững và chuẩn mực vận hành chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán.

11.1. Số lượng người lao động của HDS

	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Theo trình độ chuyên môn			
Trên đại học	3	3	16
Đại học, cao đẳng	56	57	183
Phổ thông	3	3	3
Theo tính chất hợp đồng			
Lao động thường xuyên	60	61	202
Lao động thời vụ	2	2	0
Tổng cộng số lượng lao động	**62 người**	**63 người**	**202 người**

Nguồn: HDS

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững và dài hạn của doanh nghiệp. Vì vậy, Công Ty ưu tiên xây dựng một đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tay nghề cao và tác phong làm việc chuyên nghiệp, coi đây là một trong những định hướng trọng tâm trong chiến lược phát triển của mình.

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chính sách đào tạo và phát triển

Ban TGĐ luôn quan tâm hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để cán bộ công nhân viên được đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Qua đó sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với trình độ và yêu cầu của các đơn vị nhằm đáp ứng kịp thời tình hình phát triển của Công Ty.

b) Chính sách lương thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Công Ty luôn chú trọng nâng cao đời sống cho đội ngũ cán bộ nhân viên thông qua chính sách tiền lương cạnh tranh, với mức thu nhập bình quân năm 2025 đạt khoảng 38 triệu đồng/người/tháng. Về chính sách thưởng, người lao động được hưởng chế độ theo Quy chế trả lương – thưởng của Công Ty, cùng nhiều khoản thưởng định kỳ hằng năm như Tết Dương Lịch, Ngày Giải phóng Miền Nam 30/4, Ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc Khánh 2/9, Tết Nguyên Đán… nhằm ghi nhận đóng góp của tập thể.

Trong công tác phúc lợi và bảo đảm an toàn lao động, Công Ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp theo quy định pháp luật; đồng thời tuân thủ các chế độ, chính sách liên quan theo Bộ luật Lao động và Nội quy lao động. Công Ty cũng quan tâm cải thiện môi trường làm việc và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên thông qua các chương trình tham quan, nghỉ mát định kỳ, cùng nhiều hoạt động đào tạo, hỗ trợ, phúc lợi khác nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công Ty hiện chưa ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung trong toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ sẽ thông qua chủ trương và ủy quyền cho HĐQT xây dựng chi tiết và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động vào thời điểm phù hợp, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

Công Ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ, các văn bản pháp lý khác và các quy định nội bộ có liên quan. Kết thúc năm tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công Ty thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ. Bên cạnh đó, Công Ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý. Việc chi trả cổ tức được thực hiện căn cứ tình hình thực tế về hoạt động kinh doanh và quyết định của HĐQT sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Vào đầu năm 2026, Công Ty đã thực hiện chia cổ tức của năm tài chính 2024 bằng cổ phiếu cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2025.

Tình hình chi trả cổ tức của HDS

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức/mệnh giá cổ phiếu	Hình thức chi trả	Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền
2024	50% (2:1, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, cứ 2 quyền sẽ nhận thêm được 1 cổ phiếu)	Bằng cổ phiếu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2025
2025	Không có	Không có	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026

Nguồn: HDS

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công Ty đã ký hợp đồng giao dịch ký quỹ với các khách hàng, theo đó Công Ty sẽ cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc giải ngân tiền vay ký quỹ cho khách hàng sẽ được thực hiện vào từng thời điểm, phù hợp với quy định trong các hợp đồng giao dịch ký quỹ đã ký với khách hàng và quy định của pháp luật hiện hành.

13.2. Cam kết thuê hoạt động

Công Ty đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các khoản tiền thuê văn phòng	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Trong vòng 01 năm	3.391	4.131	5.742
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	6.822	7.983	6.316
Tổng	**10.213**	**12.115**	**12.058**

Nguồn: HDS

Các hợp đồng thuê hoạt động mà Công Ty đang thực hiện là hợp đồng thuê văn phòng nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, trong đó không có điều khoản cho phép mua lại tài sản thuê và cũng không phát sinh thêm nghĩa vụ tài chính nào ngoài các khoản tiền thuê phải thanh toán theo hợp đồng. Giá trị và thời hạn của các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai đã được xác định rõ, thể hiện tại bảng nêu trên. Việc thanh toán tiền thuê được tiến hành định kỳ theo thỏa thuận hợp đồng và tương thích với dòng tiền hoạt động của Công Ty.

Căn cứ vào tình hình tài chính hiện tại cùng kế hoạch dòng tiền, Ban TGĐ nhận định rằng việc thực hiện các nghĩa vụ thuê hoạt động sẽ không tác động đáng kể đến khả năng thanh toán, các chỉ tiêu an toàn tài chính, cũng như quá trình đáp ứng các điều kiện để chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty.

Công Ty khẳng định rằng việc thực hiện các nghĩa vụ nêu trên sẽ không làm ảnh hưởng đến việc đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá Cổ Phiếu chào bán hoặc phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Những lưu ý khác:

- Tại ngày 11/04/2024, Công Ty đã nộp đầy đủ số tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 141/QĐ-XPHC ngày 05/04/2024 của UBCKNN, cụ thể như sau:

Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định về công bố thông tin	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm a Khoản 2, Điều 43, Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày	65.000.000

Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
	31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ("**Nghị Định 156**")	

- Tại ngày 24/01/2025, Công Ty đã nộp đầy đủ số tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 62/QĐ-XPHC ngày 24/01/2025 của UBCKNN, cụ thể như sau:

Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch ký quỹ	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị Định 156	60.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về hạn chế giao dịch ký quỹ	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị Định 156	137.500.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm đ khoản 3 Điều 26 Nghị Định 156	137.500.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm a Khoản 2 Điều 43 Nghị Định 156	65.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không công bố thông tin phải công bố theo quy định pháp luật	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm a Khoản 4 Điều 42 Nghị Định 156	92.500.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi báo cáo có nội dung sai lệch	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Khoản 3a Điều 43 Nghị Định 156	175.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không bảo đảm các thông tin trong hồ sơ phát hành trái phiếu riêng lẻ có đầy đủ nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm b Khoản 5 Điều 8 Nghị Định 156	275.000.000
Tổng số tiền phạt vi phạm hành chính		**942.500.000**

- Tại ngày 29/07/2026, Công Ty đã nộp đầy đủ số tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 405/QĐ-XPHC ngày 24/07/2026 của UBCKNN, cụ thể như sau:

Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm a khoản 3 Điều 42 Nghị Định 156	60.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với	- Chế tài hành chính	85.000.000

Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
hành vi không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định pháp luật	- Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm a khoản 3 Điều 43 Nghị Định 156	
Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không lưu giữ tài liệu về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia mua chứng khoán chào bán hoặc phát hành riêng lẻ	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị Định 156	137.500.000
Tổng số tiền phạt vi phạm hành chính		**282.500.000**

Đồng thời, Công Ty đã hoàn thành việc nộp báo cáo kết quả khắc phục các vi phạm, tồn tại, thiếu sót theo yêu cầu của UBCKNN.

Đối với hoạt động đầu tư của Công Ty:

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu, HDS đã thực hiện rà soát toàn bộ danh mục đầu tư trái phiếu của Công Ty, đảm bảo tổng giá trị đầu tư vào các TPDN không vượt quá 70% vốn chủ sở hữu theo quy định. Đồng thời, HDS cam kết tiếp tục tuân thủ nghiêm ngặt các giới hạn đầu tư khác theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của CTCK (và các văn bản sửa đổi, bổ sung).

Đối với hoạt động cho vay ký quỹ:

Đối với hoạt động cho vay ký quỹ, HDS đã rà soát toàn diện hoạt động giao dịch ký quỹ và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan, bao gồm Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 120/2020/TT-BTC và Điểm d Khoản 5 Điều 13 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN.

Đối với các nội dung liên quan đến nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin

- HDS đã chấn chỉnh toàn diện công tác báo cáo và công bố thông tin, bảo đảm việc báo cáo, công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn theo quy định pháp luật
- HDS cam kết thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong công tác phòng, chống rửa tiền; đồng thời đã phân công nhân sự chuyên trách phụ trách công tác phòng, chống rửa tiền theo đúng quy định hiện hành.

Đối với các nội dung liên quan đến báo cáo có sai lệch

- Theo Quyết định số 62/QĐ-XPHC, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/03/2024 và 30/09/2024 có nội dung sai lệch, do Công Ty chưa tính đúng và đủ các chỉ tiêu vốn khả dụng và giá trị rủi ro. HDS đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả "buộc báo cáo thông tin chính xác": HDS đã lập lại và gửi UBCKNN các báo cáo đã điều chỉnh.
- HDS đã rà soát lại phương pháp tính vốn khả dụng và giá trị rủi ro. Công Ty đã cập nhật hướng dẫn lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, bổ sung bước kiểm tra chéo trước khi gửi.

Đối với các nội dung chưa bảo đảm các thông tin trong hồ sơ phát hành trái phiếu riêng lẻ có đầy đủ nội dung theo quy định

- Đối với các "Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu" của Công ty Cổ phần Đầu tư MST và Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet chưa đầy đủ các nội dung theo quy định: HDS đã yêu cầu tổ chức phát hành bổ sung thông tin vào Bản công bố thông tin, gửi đến HDS và thực hiện công bố thông tin bổ sung lên hệ thống Cbonds của HNX.
- HDS cũng bổ sung bước kiểm soát độc lập của Pháp chế trước khi phát hành hồ sơ.

Đối với các nội dung liên quan đến hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

- Theo Quyết định số 62/QĐ-XPHC, tổng giá trị đầu tư vào trái phiếu của Công Ty vượt quá 70% vốn chủ sở hữu tại 14 thời điểm. 04 thời điểm thuộc năm 2023 (13/03, 06/04, 30/05, 19/06). 10 thời điểm thuộc năm 2024, từ 15/04 đến 23/09.
- HDS đã điều chỉnh danh mục trái phiếu, đưa tỷ lệ về dưới 70% vốn chủ sở hữu. Công Ty cũng thiết lập hạn mức cảnh báo sớm ở mức 65% vốn chủ sở hữu và giám sát tỷ lệ hàng ngày. HDS cam kết tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC.

Đối với các nội dung liên quan đến báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý

HDS đã nộp bổ sung báo cáo và đã xây dựng lịch theo dõi tập trung toàn bộ báo cáo định kỳ gửi UBCKNN, SGDCK, VSDC, có phân công đầu mối, nhắc hạn và kiểm tra hoàn thành.

Đối với các nội dung liên quan đến việc lưu giữ tài liệu về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia mua chứng khoán chào bán hoặc phát hành riêng lẻ

- Quyết định số 405/QĐ-XPHC dựa trên Biên bản kiểm tra của SGDCK ngày 28/11/2025. Theo đó, 05 hồ sơ xác nhận nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, được xác nhận trong giai đoạn 2023 – 2025, chưa có đủ tài liệu theo Điều 5 Nghị Định 155.
- HDS đã bổ sung đầy đủ tài liệu chứng minh cho 05 hồ sơ nêu trên để xác nhận lại tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Công Ty đã rà soát toàn bộ hồ sơ nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đang lưu giữ. HDS cũng đã chuẩn hóa danh mục tài liệu bắt buộc theo từng loại nhà đầu tư theo quy định tại Điều 5 Nghị Định 155, đồng thời quy định rõ trách nhiệm kiểm tra và thời hạn lưu trữ.

- Tại ngày 19/11/2026, UBCKNN đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 23/BB-VPHC đối với Công Ty về hành vi vi phạm quy định về hạn chế cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư 121/2020/TT-BTC, áp dụng chế tài xử phạt theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 26 Nghị Định 156.

  Các nội dung vi phạm nêu trên không nằm trong phạm vi các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo quy định tại Điều 12 Luật Chứng Khoán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	7.686.117	5.949.235	-22,60%	27.749.967
Doanh thu thuần	2.176.529	2.094.007	-3,79%	3.018.451
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	674.451	1.299.359	92,65%	2.240.874
Lợi nhuận khác	-	14.163	N/A	(283)
Lợi nhuận trước thuế	674.451	1.313.522	94,75%	2.240.591
Lợi nhuận sau thuế	536.876	1.036.850	93,13%	1.803.636
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	N/A	-
Tỷ lệ cổ tức	50%	-	N/A	-

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện đáng kể về hiệu quả hoạt động của HDS khi lợi nhuận trước thuế đạt 1.314 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.037 tỷ đồng, tương ứng tăng 94,75% và 93,13% so với năm 2024. Kết quả này đạt được trong bối cảnh tổng tài sản và doanh thu thuần giảm lần lượt 22,60% và 3,79%, cho thấy Công Ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu cơ cấu tài sản, tập trung nguồn lực vào các hoạt động có khả năng sinh lời cao hơn.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tiếp tục đóng vai trò là nguồn tạo lợi nhuận chủ đạo của HDS, đạt 1.299 tỷ đồng trong năm 2025. Bên cạnh đó, lợi nhuận khác chỉ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng lợi nhuận trước thuế. Cơ cấu lợi nhuận nêu trên cho thấy nền tảng hoạt động bền vững của HDS, cải thiện khả năng tạo lợi nhuận trên quy mô tài sản nhỏ hơn so với năm trước. Điều này phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị nguồn vốn, quản lý danh mục tài sản và khai thác các cơ hội kinh doanh trên thị trường.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, HDS tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với tổng tài sản đạt 27.750 tỷ đồng, doanh thu thuần đạt 3.018 tỷ đồng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 2.241 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.804 tỷ đồng. Kết quả này đã vượt mức lợi nhuận thực hiện của cả năm 2025, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh tiếp tục được củng cố và tạo nền tảng thuận lợi cho việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh trong năm 2026.

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

- *Các yếu tố về tình hình kinh tế vĩ mô và mặt bằng lãi suất của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam ảnh hưởng đến các hoạt động của HDS*

Lãi suất thị trường là nhân tố vĩ mô hàng đầu chi phối hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, đặc biệt là các nghiệp vụ liên quan đến trái phiếu. Các biến động lãi suất trong nước chịu ảnh hưởng

sâu sắc từ tình hình kinh tế toàn cầu.

Năm 2024, mặc dù lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt, các ngân hàng trung ương lớn (đặc biệt là FED) vẫn duy trì chính sách lãi suất cao hơn dự kiến. Tại Việt Nam, áp lực tỷ giá vẫn tiếp diễn do chênh lệch lãi suất VND/USD giãn rộng. Mặc dù mặt bằng lãi suất trong nước đã hạ nhiệt, thị trường vốn vẫn đối mặt với rào cản về niềm tin nhà đầu tư, khung pháp lý, và khả năng hấp thụ dòng vốn; các kênh dẫn vốn gián tiếp như trái phiếu và cổ phiếu chưa hồi phục hoàn toàn.

Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất tại Việt Nam duy trì ở mức thấp từ định hướng điều hành linh hoạt của NHNN nhằm hỗ trợ tăng trưởng, ổn định thanh khoản. Lãi suất tham chiếu và lợi suất TPCP duy trì ở mức hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quản trị chi phí vốn, dù thị trường vẫn có những biến động ngắn hạn theo chu kỳ thanh khoản, thể hiện qua sự điều chỉnh của lãi suất liên ngân hàng. Bên cạnh yếu tố trong nước, chính sách tiền tệ quốc tế - đặc biệt là định hướng lãi suất của FED - tiếp tục ảnh hưởng tới dòng vốn, và áp lực tỷ giá vẫn tiếp diễn do chênh lệch lãi suất VND-USD vẫn còn rộng.

Trong bối cảnh này, Công Ty duy trì quản trị thanh khoản thận trọng, cơ cấu lại các khoản vay và tối ưu chi phí lãi vay; đồng thời theo dõi sát diễn biến lãi suất quốc tế và điều hành của NHNN để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn, đảm bảo an toàn tài chính và hỗ trợ cho tăng trưởng sau IPO.

- *Các chính sách liên quan đến việc phát triển thị trường TPDN nói riêng, TTCK, thị trường vốn Việt Nam nói chung có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDS*

Ngày 01/01/2025, Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng trong Luật Chứng Khoán bắt đầu có hiệu lực. Những thay đổi này giúp nâng cao niềm tin nhà đầu tư, cải thiện chất lượng thị trường sơ cấp và thứ cấp, đồng thời tạo điều kiện cho các CTCK mở rộng hoạt động tư vấn, phân phối và tạo lập thị trường trái phiếu. Tuy nhiên, sự gia tăng yêu cầu pháp lý cũng đồng nghĩa với việc doanh nghiệp tư vấn cần đầu tư mạnh hơn cho năng lực phân tích, kiểm soát rủi ro và công nghệ hỗ trợ triển khai dịch vụ. Năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam đạt khoảng 3,7 triệu tỷ đồng, khoảng 32,1% GDP [1], trong đó TPCP tiếp tục đóng vai trò trụ cột, còn TPDN tăng trưởng mạnh nhưng vẫn tập trung chủ yếu ở ngân hàng và bất động sản. Các cơ quan quản lý định hướng nâng chuẩn minh bạch, kỷ luật thị trường và chất lượng sử dụng vốn, với trọng tâm là siết điều kiện chào bán riêng lẻ, hoàn thiện khung pháp lý, đa dạng hóa sản phẩm (đặc biệt trái phiếu xanh – bền vững) và cải thiện môi trường đầu tư. Trong giai đoạn 2026–2030, thị trường trái phiếu được định vị như một trụ cột chiến lược của hệ thống tài chính, không chỉ mở rộng quy mô mà chuyển sang quỹ đạo phát triển dựa trên chuẩn mực, kỷ luật và chất lượng dòng vốn, phục vụ mục tiêu tăng trưởng cao, chuyển đổi xanh và hội nhập thị trường vốn khu vực. Thị trường sơ cấp TPDN năm 2025 [2] tiếp tục phục hồi với tổng giá trị phát hành đạt 629.910 tỷ đồng, tăng 33,5% so với năm 2024. Trong đó, phát hành riêng lẻ có 531 đợt, tổng trị giá 574.556 tỷ đồng (tăng 31,9%); phát hành ra công chúng có 35 đợt, trị giá 55.354 tỷ đồng (tăng 52,4%).

Hoạt động kinh doanh và các kế hoạch chiến lược mũi nhọn của HDS cũng hướng đến mục tiêu cùng hỗ trợ và đồng hành trên con đường phát triển của thị trường vốn Việt Nam trong tương lai.

- *Tiềm năng phát triển của thị trường TPDN và TTCK Việt Nam là nhân tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của HDS.*

Thị trường TPDN và TTCK Việt Nam tiếp tục thể hiện tiềm năng tăng trưởng tích cực trong trung và dài hạn, nhờ các yếu tố hỗ trợ như tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu vốn lớn cho đầu tư công và phát triển hạ tầng, cùng với thu nhập bình quân đầu người ngày càng gia tăng. Sự tham gia ngày càng đông đảo của nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, cùng với kỳ vọng từ nâng hạng thị

[1] *https://tapchikinhtetaichinh.vn/thi-truong-trai-phieu-viet-nam-nam-2025-tu-mo-rong-quy-mo-den-chuan-hoa-chat-luong-127912.html*

[2] *https://vbma.org.vn/storage/reports/March2026/VBMA_BAO%20CAO%20THUONG%20NIEN%202025.pdf*

trường, cũng tạo nền tảng cho TTCK phát triển bền vững.

Đối với thị trường TPDN, mặc dù năm 2023 còn chịu tác động bởi tâm lý thận trọng và khối lượng đáo hạn lớn, nhưng năm 2024 đã ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ về số lượng và giá trị phát hành. Kỳ vọng vào sự cải thiện môi trường pháp lý và niềm tin nhà đầu tư đang dần được củng cố, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tư vấn, phân phối và giao dịch sản phẩm trái phiếu – những mảng hoạt động cốt lõi đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh của HDS.

Năm 2024, TTCK Việt Nam chứng kiến sự ổn định và phát triển tích cực hơn. VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với cuối năm 2023. Vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 7,08 triệu tỷ đồng, tăng 20%, tương đương gần 70% GDP của Việt Nam. Thanh khoản tiếp tục cải thiện với giá trị giao dịch bình quân tăng 16,8% và hơn 2,4 triệu tài khoản đầu tư mới được mở trong năm. Những tín hiệu này cho thấy sự phục hồi bền vững của TTCK, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế. Về bối cảnh quốc tế, năm 2024 chứng kiến lạm phát được kiểm soát tốt hơn tại các nền kinh tế lớn, giá năng lượng ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi tăng trưởng toàn cầu. Tuy nhiên, các rủi ro địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại vẫn là yếu tố cần theo dõi chặt chẽ.

Căn cứ theo Báo cáo thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2025 của VBMA, tại thị trường sơ cấp TPDN, năm 2025 ghi nhận 531 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị đạt 574.556 tỷ đồng, cùng với 35 đợt phát hành ra công chúng trị giá 55.354 tỷ đồng, nâng tổng giá trị phát hành toàn thị trường lên 629.910 tỷ đồng, tăng 33,5% so với năm 2024. Đáng chú ý, năm 2025 ghi nhận 5 đợt phát hành trái phiếu quốc tế từ 4 doanh nghiệp Việt Nam với tổng giá trị 875 triệu USD, tăng đột biến 480% so với cùng kỳ, phản ánh sức hút ngày càng tăng của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường vốn quốc tế. Bước sang 9 tháng đầu năm 2026, đà phục hồi của thị trường tiếp tục được duy trì, theo số liệu của VBMA tổng hợp từ HNX và UBCKNN, tổng giá trị phát hành TPDN lũy kế đạt 459.630 tỷ đồng. Riêng tháng 9/2026, thị trường ghi nhận 38 đợt phát hành với tổng giá trị 47.107 tỷ đồng. Về cơ cấu phát hành riêng lẻ, nhóm ngân hàng tiếp tục dẫn dắt thị trường với tỷ trọng 60,9%, tiếp theo là bất động sản (33,2%) và các nhóm khác. Nhờ các yếu tố thị trường nêu trên, các mảng hoạt động của HDS đều có kết quả hoạt động cải thiện và tăng trưởng đáng kể.

1.2.2. <u>Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất</u>

Kể từ đầu năm 2026 đến nay, kinh tế toàn cầu vẫn đối diện với nhiều bất ổn, chủ yếu do chính sách tiền tệ duy trì ở mức thắt chặt kéo dài tại Mỹ và châu Âu. Tình hình này dẫn đến việc chi phí vốn trên thị trường quốc tế tăng cao, tạo thêm áp lực lên tỷ giá USD/VND và làm suy giảm tâm lý đầu tư của dòng vốn ngoại đối với các thị trường mới nổi như Việt Nam. Những yếu tố này được dự báo sẽ ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư gián tiếp, thanh khoản chung của thị trường và khả năng huy động vốn của các doanh nghiệp, từ đó gián tiếp tác động đến lợi nhuận từ các mảng tư vấn, môi giới và tự doanh của các CTCK.

Về mặt tích cực, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2026 tiếp tục là điểm sáng. Tính đến ngày 30/9/2026, tổng vốn FDI đăng ký (bao gồm cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần) đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ; vốn FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% và là mức giải ngân 9 tháng cao nhất trong 5 năm qua. Diễn biến này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường đầu tư Việt Nam, tạo nền tảng cho nhu cầu dịch vụ tư vấn tài chính, mua bán sáp nhập (M&A) và huy động vốn.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III năm 2026 của Cục Thống kê - Bộ Tài chính, GDP 9 tháng tăng 9,01% so với cùng kỳ, trong đó quý III tăng 9,95%, cao hơn mức 8,15% của quý I và 8,81% của quý II. Công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, dịch vụ tăng 8,69%; riêng hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,45%. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt 3.109,6 nghìn tỷ đồng, tăng 15,1%; xuất khẩu đạt 434,30 tỷ USD, tăng 24,5%. Cần lưu ý nhập khẩu tăng nhanh hơn (36,7%), khiến cán cân thương mại 9 tháng nhập siêu 19,42 tỷ USD, đảo chiều so với mức xuất siêu

16,87 tỷ USD cùng kỳ. Nhìn chung, nền kinh tế tăng trưởng cao cải thiện triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết và củng cố sức hấp dẫn của kênh huy động vốn qua cổ phiếu, trái phiếu.

Ngành chứng khoán Việt Nam đang chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt hơn với sự tham gia của các công ty trong và ngoài nước có quy mô lớn, tiềm lực tài chính dồi dào và khả năng đầu tư công nghệ hiện đại. Trong bối cảnh đó, các CTCK có quy mô vừa và nhỏ có thể phải đối mặt với áp lực lớn hơn về chi phí: chi phí tuân thủ pháp lý, chi phí đầu tư công nghệ và chi phí vốn ngày càng tăng, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của toàn ngành. Trong giai đoạn 2023–2025, hệ thống pháp lý điều chỉnh thị trường vốn và chứng khoán đang được sửa đổi theo hướng chuyên nghiệp hơn, bao gồm việc chuẩn hóa hồ sơ phát hành, siết chặt yêu cầu công bố thông tin, áp dụng bắt buộc xếp hạng tín nhiệm cho nhiều nhóm TCPH, và nâng cao các quy định bảo vệ nhà đầu tư. Việc thực hiện và tuân thủ các quy định mới có thể tạo ra áp lực về chi phí triển khai, ảnh hưởng đến hoạt động vận hành và tiến độ hoàn thành các hợp đồng tư vấn phát hành của CTCK.

Mặc dù số lượng tài khoản chứng khoán mở mới tiếp tục ghi nhận đà tăng, quy mô giao dịch bình quân của nhà đầu tư cá nhân lại có xu hướng giảm. Hiện tượng này xuất phát từ tâm lý thận trọng kéo dài sau những đợt biến động mạnh trước đó. Sự thu hẹp quy mô giao dịch này tác động tiêu cực đến lợi nhuận môi giới, lợi nhuận từ các dịch vụ giá trị gia tăng, và ảnh hưởng đến khả năng tạo ra dòng tiền ngắn hạn của các tổ chức phát hành huy động vốn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh của HDS

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	30/09/2026
Vốn chủ sở hữu	2.710.916	3.479.835	28,36%	14.041.290
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.680.639	1.680.639	0,00%	11.179.679
Vốn góp của chủ sở hữu	1.461.426	1.461.426	0,00%	10.960.693
Thặng dư vốn cổ phần	219.213	219.213	0,00%	218.986
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.099	13.099	0,00%	13.099
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	13.099	13.099	0,00%	13.099
Lợi nhuận chưa phân phối	1.004.079	1.772.998	76,58%	2.835.412
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	981.683	1.720.608	75,27%	2.715.133
Lợi nhuận chưa thực hiện	22.396	52.390	133,93%	120.280

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

Tình hình sử dụng vốn điều lệ của HDS

STT	Lần tăng vốn	Số tiền thu được (bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần)	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ	Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền của HDS
1	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 05/2021	155 tỷ đồng	- Tăng quy mô vốn hoạt động của Công Ty - Gia tăng tiềm lực tài chính và uy tín của Công Ty trên thị trường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/01/2020; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 28/04/2020
2	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 10/2021	713 tỷ đồng	- Bổ sung nguồn vốn nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh; - Đầu tư tài sản cố định, mua sắm công cụ, dụng cụ và phát triển mạng lưới hoạt động; - Đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2021
3	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 01/2025	658 tỷ đồng	- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công Ty; - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, TPCP, TPDN niêm yết/chưa niêm yết, cổ phiếu niêm yết/chưa niêm yết và các loại giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật và định hướng hoạt động của HDS; - Sử dụng cho các hoạt động đầu tư phục vụ phát triển hoạt động của Công Ty, bao gồm đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, nâng cấp hệ thống CNTT và các hoạt động khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của HDS.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/02/2024
4	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 06/2026	8.769 tỷ đồng	- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ - Bổ sung vốn cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán - Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh chứng khoán - Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi - Mua sắm tài sản cố định, phần mềm - Chi phí hoạt động kinh doanh	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2025

Nguồn: HDS

Tình hình sử dụng vốn thực tế thu được từ việc chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của HDS tính đến ngày 30/10/2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Lần tăng vốn	Số tiền sử dụng theo kế hoạch đã được phê duyệt (1)	Số tiền thực tế đã sử dụng (2)	Số tiền chưa sử dụng (1) – (2)
1	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 05/2021	155	155	0
2	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 10/2021	713	713	0
3	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 01/2025	658	658	0
4	Lần tăng vốn hoàn thành vào tháng 06/2026	8.769	8.687	82

Nguồn: HDS

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
A	**Tài sản ngắn hạn**	**7.532.980**	**5.841.643**	**27.422.165**
I	**Tài sản tài chính ngắn hạn**	**7.532.066**	**5.838.177**	**27.414.724**
1	Tiền và tương đương tiền	2.258.705	1.035.721	722.490
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2.273.928	2.213.472	9.463.687
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	340.220	220	5.250.701
4	Các khoản cho vay	1.245.254	1.755.520	10.971.959
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-
6	Tổng các khoản phải thu	712.734	411.279	232.622
7	Trả trước người bán	41.906	39.414	9.928
8	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	659.318	318.749	782.870
9	Phải thu khác	-	109.666	97.000
10	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	(45.864)	(116.533)
II	**Tài sản ngắn hạn khác**	**914**	**3.466**	**7.441**
1	Tạm ứng	914	3.466	7.441
B	**Tài sản dài hạn**	**153.137**	**107.592**	**327.802**
I	**Tài sản tài chính dài hạn**	**114.000**	**60.000**	**249.500**
1	Phải thu dài hạn	114.000	60.000	249.500

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
II	**Tài sản cố định**	**23.053**	**31.080**	**39.914**
1	Tài sản cố định hữu hình	2.515	833	880
2	Tài sản cố định vô hình	9.435	8.363	27.746
3	Tài sản dở dang dài hạn	11.103	21.885	11.288
III	**Tài sản dài hạn khác**	**16.084**	**16.511**	**38.388**
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	613	536	1.808
2	Chi phí trả trước dài hạn	5.689	4.859	8.875
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	14.608
4	Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	9.782	11.116	13.097
	Tổng cộng	**7.686.117**	**5.949.235**	**27.749.967**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị còn lại của tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Máy móc và thiết bị	03-05 năm	03-05 năm	03-05 năm
Phương tiện vận chuyển	05 năm	05 năm	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm	03 năm	03 năm
Phần mềm vi tính	04-05 năm	04-05 năm	04-05 năm
Tài sản cố định khác	03-10 năm	03-10 năm	03-10 năm

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Công Ty cam kết việc thực hiện xác định thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chính sách trích khấu hao của Công Ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi và theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.3. Mức lương bình quân

Năm	Số lượng nhân sự (người)	Thu nhập bình quân tháng/nhân viên
2024	62	36.000.000 đồng
2025	63	38.000.000 đồng
9 tháng đầu năm 2026	202	32.076.537 đồng

Nguồn: HDS

Mức thu nhập trung bình mà HDS chi trả được đánh giá là có tính cạnh tranh trên thị trường lao động. Theo số liệu từ Cục Thống kê – Bộ Tài chính, khu vực Đông Nam Bộ – nơi HDS tập trung hoạt động, là vùng có thu nhập bình quân đầu người cao nhất cả nước, đạt gần 7,5 triệu đồng/tháng trong năm 2025. Con số này vượt trội hơn đáng kể so với mức thu nhập bình quân chung toàn quốc

là 6 triệu đồng/tháng và cao hơn so với khu vực thành thị (gần 7,4 triệu đồng/tháng).

Do đó, khi đặt cạnh mặt bằng chung về chi trả của các doanh nghiệp hoạt động cùng địa bàn, HDS nhận định rằng mức thu nhập bình quân mà Công Ty đề xuất là khá cạnh tranh. Mức thu nhập này được xem là thỏa đáng, tương xứng với năng lực làm việc và đủ để đảm bảo cuộc sống ổn định cho đội ngũ nhân viên.

2.1.4. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Tổng các khoản phải thu và cho vay	2.071.989	2.226.800	11.454.080
Tổng các khoản nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay)	4.975.201	2.469.400	13.708.677

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản phải thu và cho vay của Công Ty đạt 2.227 tỷ đồng, tăng 7,47% so với mức 2.072 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024. Đến ngày 30/09/2026, tổng các khoản phải thu và cho vay tăng lên 11.454 tỷ đồng, tương ứng tăng 414,4% so với thời điểm cuối năm 2025. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc mở rộng các khoản cho vay và phải thu phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán sau khi Công Ty hoàn tất tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu gia tăng quy mô hoạt động của Công Ty.

Song song với diễn biến trên, tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay) tại thời điểm 31/12/2025 đạt 2.469 tỷ đồng, giảm 50,4% so với mức 4.975 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024. Sự sụt giảm này chủ yếu phản ánh việc Công Ty giảm mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính và các nguồn vốn vay trong kỳ. Tại thời điểm 30/09/2026, tổng nợ phải trả tăng lên 13.709 tỷ đồng, tương ứng tăng 455,16% so với thời điểm 31/12/2025. Mức tăng này chủ yếu xuất phát từ việc Công Ty đẩy mạnh huy động và sử dụng các nguồn vốn vay nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, đồng thời tài trợ cho sự gia tăng của các khoản cho vay và hoạt động đầu tư.

Nhìn chung, biến động của các khoản phải thu, cho vay và nợ phải trả trong giai đoạn trên cho thấy sự thay đổi đáng kể trong quy mô tài sản sinh lợi của Công Ty, đồng thời phản ánh việc cơ cấu nguồn vốn được điều chỉnh tương ứng để hỗ trợ tăng trưởng hoạt động kinh doanh. Việc sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho các hoạt động cho vay và đầu tư là đặc điểm phổ biến trong ngành chứng khoán. Công Ty duy trì việc quản lý chặt chẽ cơ cấu vốn, bảo đảm cân đối giữa nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu, đồng thời kiểm soát rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản nhằm tuân thủ các quy định về an toàn tài chính đối với CTCK.

2.1.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công Ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	**712.734**	**411.279**	**232.622**
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	383.405	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	712.734	27.874	232.622
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	712.734	27.874	232.622
Trả trước người bán	41.906	39.414	9.928

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	659.318	318.749	782.870
Các khoản phải thu khác (*)	-	109.666	97.000
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu ngắn hạn	-	(45.864)	(116.533)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn (**)	**114.000**	**60.000**	**249.500**
Tổng các khoản phải thu	**826.734**	**471.279**	**482.122**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

(*) Thông tin chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
CTCP Đầu tư Đức Trung	-	100	-
Công ty TNHH Đầu tư và Mua bán nợ NXV	-	-	97
Khác	-	10	-
Tổng cộng	**-**	**110**	**97**

Nguồn: HDS

Về trái phiếu mã DTIH2223001 do CTCP Đầu tư Đức Trung phát hành:

- Tại ngày 31/12/2024, HDS nắm giữ trái phiếu mã DTIH2223001 do CTCP Đầu tư Đức Trung phát hành với giá trị 100 tỷ đồng, chiếm 7,1% danh mục trái phiếu chưa niêm yết. Ngày phát hành trái phiếu là 04/11/2022, ngày đáo hạn ban đầu là 04/11/2023, được điều chỉnh gia hạn tới ngày 04/11/2025;
- Trái phiếu đã đáo hạn ngày 04/11/2025 nhưng tổ chức phát hành chưa thanh toán gốc và các khoản lãi theo lịch trả nợ. HDS đã hạch toán khoản đầu tư này vào Các khoản phải thu ngắn hạn khác và trích lập dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu 39,3 tỷ đồng. Số dư phải thu đối với CTCP Đầu tư Đức Trung tại ngày 31/12/2025 là 100 tỷ đồng;
- Ngày 05/01/2026, HDS đã ký hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu nêu trên cho Công ty TNHH Đầu tư và Mua bán nợ NXV với giá chuyển nhượng bằng mệnh giá, thanh toán theo tiến độ thỏa thuận. Công ty TNHH Đầu tư và Mua bán nợ NXV không phải là người có liên quan của HDS;
- Tại ngày 30/06/2026, Công ty TNHH Đầu tư và Mua bán nợ NXV đã thanh toán lũy kế 3 tỷ đồng; số dư khoản phải thu là 97 tỷ đồng và dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu 46 tỷ đồng, chi tiết trích lập dự phòng và giá trị tài sản bảo đảm như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Số lượng	Giá trị thị trường (tỷ đồng)
Cổ phiếu VC2	9.027.000 cổ phiếu (4.300 đồng/cổ phiếu)	38,8
Cổ phiếu MST	2.000.000 cổ phiếu (8.900 đồng/cổ phiếu)	17,8
Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	Lô đất định giá	30,2

Loại tài sản bảo đảm	Số lượng	Giá trị thị trường (tỷ đồng)
Tổng giá trị tài sản bảo đảm		**86,8**
Giá trị trích lập dự phòng		**45,1**

- Đến ngày 30/09/2026, số dư phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư và Mua bán nợ NXV là 97 tỷ đồng và trích lập dự phòng ở mức 55%.
- Biện pháp thu hồi: HDS đã tích cực làm việc với đối tác và trích lập dự phòng theo quy định và tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi khoản phải thu này.

(**) Thông tin chi tiết các khoản phải thu dài hạn như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	-	-	144
CTCP Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh	-	-	83
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	50	-	-
CTCP Mua bán nợ và Quản lý tài sản HDBank	40	30	20
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Hà – Băng Dương	-	16	-
Khác	24	14	3
Tổng cộng	**114**	**60**	**250**

Nguồn: HDS

Các khoản phải thu quá hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

Đối tác	Thời gian quá hạn	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Giá trị quá hạn	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị quá hạn	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị quá hạn	Dự phòng	Giá trị thuần
CTCP Mua bán Nợ và Quản lý Tài sản HDBank	Từ 181 – 360 ngày	-	-	-	11,4	-	11,4	14,3	3,3	11,0
CTCP Phát triển Tổng hợp Hưng Thịnh Phát	Từ 181 – 360 ngày	-	-	-	31,7	-	31,7	31,7	9,5	22,2
Công ty TNHH Khu đô thị mới Trung Minh	Từ 181 – 360 ngày	-	-	-	-	-	-	27,8	9,7	18,1
CTCP Sài Gòn	Từ 181 –	-	-	-	17,7	-	17,7	17,7	5,3	12,4

Đối tác	Thời gian quá hạn	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Giá trị quá hạn	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị quá hạn	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị quá hạn	Dự phòng	Giá trị thuần
Capital	360 ngày									
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Hà – Băng Dương	Từ 181 – 360 ngày	-	-	-	-	-	-	22,9	6,8	16,1
CTCP Huy Dương Group	Từ 181 – 360 ngày	-	-	-	-	-	-	15,1	7,5	7,6
Khác	Từ 181 – 360 ngày và trên 360 ngày	-	-	-	89,3	6,5	82,8	56,1	21,5	34,6
Tổng cộng		-	-	-	**150,1**	**6,5**	**143,6**	**185,6**	**63,6**	**122,0**

Nguồn: HDS

Nguyên nhân quá hạn: Các khoản phải thu quá hạn chủ yếu phát sinh từ một số tổ chức phát hành là khách hàng của Công Ty. Do chịu ảnh hưởng từ diễn biến chậm phục hồi của thị trường bất động sản và điều kiện kinh tế chung còn nhiều thách thức, tiến độ thu xếp nguồn vốn của các đối tác này chậm hơn so với kế hoạch, dẫn đến việc thanh toán cho Công Ty chưa đúng thời hạn đã thỏa thuận.

Khả năng thu hồi: Tại ngày 30/09/2026, tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn là 185,6 tỷ đồng. Công Ty đã trích lập dự phòng 63,6 tỷ đồng theo quy định. Giá trị thuần còn lại là 122,0 tỷ đồng, tương đương khoảng 0,9% vốn chủ sở hữu của Công Ty tại cùng thời điểm. Công Ty đang thường xuyên làm việc với từng đối tác để đôn đốc thanh toán, đồng thời theo dõi kế hoạch thanh toán do các đối tác cung cấp. Trên cơ sở đó, Công Ty đánh giá phần giá trị thuần nêu trên có khả năng thu hồi và không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty. Công Ty sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định để thu hồi các khoản phải thu này.

2.1.6. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Nợ phải trả ngắn hạn	4.975.201	2.467.673	13.708.677
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (*)	3.190.000	-	10.565.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	54.000	411.660
Phải trả người bán ngắn hạn	19.405	172.859	637
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	200.033	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	79.084	252.070	249.398
Phải trả người lao động	2.513	23.347	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	19	2	-

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Chi phí phải trả ngắn hạn (**)	9.176	4.535	25.544
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.474.535	1.960.828	2.456.437
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	438	32	1
Nợ phải trả dài hạn	-	1.727	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1.727	-
Tổng các khoản phải trả	**4.975.201**	**2.469.400**	**13.708.677**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

(*) Dư nợ vay ngắn hạn tại ngày 30/09/2026 của HDS chủ yếu là vay ngân hàng (9.920 tỷ đồng)

(**) Thông tin chi tiết chi phí phải trả ngắn hạn như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Chi phí lãi vay	7.376	-	11.033
Chi phí hoạt động tự doanh trái phiếu	1.800	4.535	-
Chi phí quản lý Công ty chứng khoán	-	-	14.510
Tổng cộng	**9.176**	**4.535**	**25.544**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Chi phí phải trả giảm từ 9,2 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024 xuống còn 4,5 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, chủ yếu do chi phí lãi vay không phát sinh trong năm 2025 (so với mức 7,4 tỷ đồng năm 2024), trong khi chi phí hoạt động tự doanh trái phiếu ghi nhận 4,5 tỷ đồng. Tại ngày 30/09/2026, chi phí phải trả của Công Ty tăng lên 25,5 tỷ đồng, đến từ chi phí quản lý CTCK (14,5 tỷ đồng) và chi phí lãi vay (11,0 tỷ đồng), phản ánh nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, đội ngũ nhân sự và quy mô vay vốn cao hơn trong 9 tháng đầu năm 2026.

Tình hình thanh toán các khoản nợ:

- Các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua và tính đến thời điểm hiện tại;
- Tổ Chức Phát Hành không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công Ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/09/2026 như sau:

- *Tại ngày 30/09/2026:*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các khoản phải nộp	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	38.164	76.855	95.374	19.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	176.662	453.291	417.137	212.816

Các khoản phải nộp	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân - nhà đầu tư	36.507	157.963	179.003	15.466
Thuế thu nhập cá nhân - nhân viên	737	9.263	8.529	1.471
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Tổng cộng	**252.070**	**697.371**	**700.043**	**249.398**

Nguồn: BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét và BCTC Quý III/2026 của HDS

- *Tại ngày 31/12/2025:*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các khoản phải nộp	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	2.018	54.405	18.260	38.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.121	274.944	146.403	176.662
Thuế thu nhập cá nhân - nhà đầu tư	28.390	358.001	349.885	36.507
Thuế thu nhập cá nhân - nhân viên	555	4.946	4.764	737
Các loại thuế khác	-	3.668	3.668	-
Tổng cộng	**79.084**	**695.965**	**522.979**	**252.070**

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của HDS

- *Tại ngày 31/12/2024:*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các khoản phải nộp	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	417	3.834	2.232	2.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-17.009	137.575	72.446	48.121
Thuế thu nhập cá nhân	38.251	315.570	324.875	28.945
Các loại thuế khác	-	4	4	-
Tổng cộng	**21.659**	**456.983**	**399.557**	**79.084**

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của HDS

2.1.8. Trích lập các quỹ

Công Ty đã tiến hành trích lập các quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Các quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	438	32	1
Quỹ hỗ trợ thanh toán	9.782	11.116	13.097

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

2.1.9. Các khoản chi phí quản lý Công Ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	9 tháng đầu năm 2026
Chi phí nhân viên quản lý	32.367	34.827	19.465
Chi phí thuê văn phòng	3.637	4.246	1.087
Chi phí công cụ, dụng cụ			52
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.026	999	1.218
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4	12	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.423	10.831	17.944
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	45.864	37.933
Tổng cộng	**48.457**	**96.779**	**111.181**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý III/2026 của HDS

Năm 2025, chi phí quản lý của Công Ty đạt 96,8 tỷ đồng, tăng 99,7% so với con số 48,5 tỷ đồng của năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu xuất phát từ các khoản mục trọng yếu sau:

- *Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi:* Khoản mục này tăng vọt lên 45,9 tỷ đồng trong năm 2025 (trong khi năm trước không phát sinh), phản ánh nỗ lực của Công Ty trong việc chủ động trích lập nhằm siết chặt quản trị rủi ro tín dụng.
- *Chi phí nhân viên quản lý:* Đạt 34,8 tỷ đồng vào năm 2025, cao hơn mức 32,3 tỷ đồng của năm 2024. Sự dịch chuyển này chủ yếu xuất phát từ việc quy mô kinh doanh được mở rộng, đòi hỏi bổ sung nguồn nhân lực và kiện toàn bộ máy tổ chức nhằm tối ưu hóa năng lực vận hành.
- *Chi phí thuê văn phòng và dịch vụ mua ngoài:* Ghi nhận xu hướng tăng trong năm 2025 nhằm thích ứng với sự phát triển của quy mô hoạt động, bao gồm việc mở rộng không gian và cơ sở hạ tầng phục vụ cho công việc chung.

Nhìn chung, đà tăng của các khoản chi phí quản lý nằm trong lộ trình phù hợp với định hướng mở rộng quy mô, nâng tầm năng lực vận hành và củng cố hệ thống kiểm soát rủi ro của Công Ty.

2.1.10. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn*	*Lần*	1,51	2,37
Hệ số thanh toán nhanh: *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn*	*Lần*	1,51	2,37

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	*Lần*	0,65	0,42
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	*Lần*	1,84	0,71
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	*Vòng*	0,42	0,31
Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	*Vòng*	0,43	0,31
Vòng quay hàng tồn kho: *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	*Vòng*	N/A	N/A
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần*	*%*	24,67%	49,52%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân*	*%*	10,47%	15,21%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân*	*%*	25,40%	33,50%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*VND/cổ phiếu*	4.244	6.985

Nguồn: Số liệu được HDS tính toán từ BCTC năm 2024 và 2025 đã được kiểm toán

- Về khả năng thanh toán:

  Chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh năng lực hoàn thành các nghĩa vụ nợ ngắn hạn của doanh nghiệp, qua đó cho thấy mức độ an toàn tài chính và khả năng duy trì hoạt động ổn định. Tại thời điểm cuối năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công Ty đạt 2,37 lần, tăng mạnh so với mức 1,51 lần ghi nhận tại cuối năm 2024. Tương tự, hệ số thanh toán nhanh cũng cải thiện từ 1,51 lần lên 2,37 lần trong cùng giai đoạn (với đặc thù ngành chứng khoán không phát sinh hàng tồn kho) và khả năng thanh khoản tức thời được củng cố vững chắc.

  Sự cải thiện tích cực này chủ yếu xuất phát từ việc Công Ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ ngắn hạn đồng thời củng cố quy mô tài sản ngắn hạn. Việc duy trì bộ đệm thanh khoản vững chắc đã góp phần nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh, đảm bảo khả năng sẵn sàng đáp ứng linh hoạt các nhu cầu thanh khoản, đặc biệt trong bối cảnh Công Ty đẩy mạnh các nghiệp vụ cốt lõi như cho vay ký quỹ và tự doanh.

  Mức hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh cùng đạt 2,37 lần phản ánh khả năng thanh khoản vững chắc và dư địa tài chính linh hoạt của một CTCK nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường. Với quy mô vốn lớn, năng lực quản trị rủi ro hiệu quả và thanh khoản dồi dào, Công Ty hoàn toàn bảo đảm năng lực đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

- Về cơ cấu vốn:

  Công Ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn và phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn mở rộng quy mô. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,65 lần xuống 0,42 lần và hệ số Nợ/Vốn chủ

sở hữu giảm từ 1,84 lần xuống 0,71 lần. Sự chuyển dịch tích cực của các chỉ số này phản ánh chiến lược chủ động quản trị nguồn vốn nhằm tối ưu hóa đòn bẩy tài chính và nâng cao hiệu quả phân bổ vốn chủ sở hữu.

Với hệ số nợ được duy trì ở ngưỡng hợp lý và tuân thủ chặt chẽ các giới hạn an toàn pháp lý đối với CTCK, Công Ty bảo đảm tuyệt đối các tỷ lệ an toàn tài chính. Các nguồn lực tài chính được khai thác hiệu quả để đẩy mạnh các mảng nghiệp vụ chiến lược cốt lõi như giao dịch ký quỹ, đầu tư và tự doanh, qua đó gia tăng mạnh mẽ năng lực cạnh tranh cùng khả năng sinh lời. Nhờ lợi thế vững chắc về quy mô vốn, uy tín thương hiệu và mạng lưới quan hệ rộng mở với các tổ chức tín dụng, HDS tiếp tục củng cố nền tảng tài chính ổn định, giữ vững an toàn thanh khoản và tạo đà bứt phá bền vững cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Về năng lực hoạt động:

Vòng quay tổng tài sản chuyển dịch từ 0,42 vòng trong năm 2024 sang mức 0,31 vòng trong năm 2025. Song song với đó, vòng quay vốn lưu động điều chỉnh từ 0,40 vòng trong năm 2024 xuống còn 0,33 vòng trong năm 2025. Sự thay đổi này nằm trong bức tranh chung khi Công Ty đẩy mạnh mở rộng quy mô tài sản và gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ, phản ánh đặc thù giai đoạn quy mô tài sản tăng trưởng nhanh hơn tốc độ gia tăng doanh thu ngắn hạn.

Mặc dù vậy, các hệ số này vẫn minh chứng cho chiến lược quản lý và sử dụng tài sản hợp lý của Công Ty, gắn liền với định hướng gia tăng quy mô hoạt động kinh doanh. Qua đó, Công Ty khai thác hiệu quả quy mô tài sản hiện có, tập trung tối ưu hóa nguồn lực cho các nghiệp vụ chiến lược trọng điểm như cho vay ký quỹ, hoạt động đầu tư và các dịch vụ tài chính đa dạng.

Những biến động này phản ánh toàn diện chiến lược sử dụng tài sản linh hoạt, kết hợp chặt chẽ giữa việc gia tăng đòn bẩy tài chính có kiểm soát và mở rộng quy mô hoạt động chung. Nhờ vậy, Công Ty không ngừng nâng cao hiệu suất khai thác tài sản, tạo dựng nền tảng vững chãi để củng cố năng lực sinh lời và giữ vững vị thế cạnh tranh dẫn đầu trên thị trường trong các giai đoạn tiếp theo.

- Về khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS) tăng mạnh từ 24,67% trong năm 2024 lên 49,52% trong năm 2025, cho thấy hiệu quả sinh lời trên mỗi đồng doanh thu của Công Ty đã được cải thiện rõ rệt. Song song với đó, hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) tăng từ 10,47% lên 15,21%, phản ánh năng lực quản trị tài sản và khả năng chuyển hóa tài sản thành lợi nhuận rất hiệu quả trong bối cảnh mở rộng quy mô.

Đáng chú ý, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng mạnh từ 25,40% trong năm 2024 lên 33,50% trong năm 2025, duy trì ở mức cao ấn tượng. Bên cạnh đó, thu nhập trên cổ phần (EPS) tăng mạnh từ 4.244 đồng lên 6.985 đồng trong năm 2025, phản ánh kết quả tích cực từ việc mở rộng quy mô kinh doanh, tối ưu hóa cơ cấu vốn và kiểm soát hiệu quả chi phí.

Ngoài ra, cần lưu ý rằng Công Ty đã hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ trong năm 2025, dẫn đến quy mô vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong thời gian ngắn. Do yếu tố thời điểm, chỉ tiêu ROE tính trên cơ sở bình quân cả năm 2025 chưa phản ánh đầy đủ năng lực sinh lời thực tế của Công Ty trong giai đoạn hoạt động cao điểm sau tăng vốn. Việc duy trì ROE ở mức cao ngay sau khi tăng vốn phản ánh năng lực hấp thụ vốn tốt, hiệu quả triển khai các nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi và khả năng tối ưu hóa đòn bẩy tài chính một cách linh hoạt. Đây là nền tảng quan trọng để Công Ty tiếp tục nâng cao hiệu quả sinh lời trên vốn chủ sở hữu, đồng thời củng cố vị thế trong các giai đoạn tiếp theo.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 của Tổ Chức Phát Hành

- Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

- Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công Ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công Ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

3.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Tổ Chức Phát Hành

- Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
- Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên năm 2026 của Tổ Chức Phát Hành

- Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
- Kết luận của kiểm toán viên: Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công Ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công Ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch năm 2026	% tăng/giảm so với năm 2025
Doanh thu thuần	2.094	4.747	126,69%
Lợi nhuận sau thuế	1.036,8	2.700	160,40%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	49,52%	56,88%	N/A
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	33,50%	27,32%	N/A
Tỷ lệ cổ tức	-	-	N/A

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của HDS

4.1. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

ĐHĐCĐ của Công Ty đã thông qua kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận năm 2026 tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 23/04/2026.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Hoạt động của HĐQT năm 2025 đã bám sát các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các thành

viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT thường kỳ, đột xuất để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, các cuộc họp đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp. Các nội dung họp được các thành viên thảo luận và thống nhất tuyệt đối trên cơ sở công khai biểu quyết. Các quyết định kịp thời của HĐQT đã thúc đẩy hoạt động kinh doanh của HDS ngày càng phát triển bền vững.

- Các trọng tâm phát triển trong năm 2026 của HDS như sau:

Công Ty xác định vị thế cạnh tranh không phải là một CTCK truyền thống có thêm ứng dụng giao dịch, mà là một công ty công nghệ tài chính sở hữu giấy phép chứng khoán đầy đủ. Định vị này được xây dựng trên các trụ cột: mạng lưới khách hàng từ ngân hàng mẹ HDBank và các đơn vị liên quan giúp tiếp cận hàng chục triệu điểm chạm khách hàng với chi phí thu hút thấp nhất thị trường; nền vốn điều lệ khoảng 11.000 tỷ đồng ngay từ điểm xuất phát, đưa năng lực cấp margin và bảo lãnh phát hành của Công Ty vào nhóm Top 10; và lõi công nghệ tự chủ gồm nền tảng giao dịch cổ phiếu Flex/FSS, nền tảng giao dịch trái phiếu TMG, nền tảng giao dịch Fintech AI và nền tảng giao dịch chứng chỉ quỹ GTS, được thiết kế theo kiến trúc AI-native từ nền móng thay vì thuê ngoài. Việc thị trường Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên Mới nổi Thứ cấp từ 21/09/2026 được Công Ty xác định là cửa sổ cơ hội hẹp, vị thế giành được trong 24-36 tháng tới sẽ định hình bảng xếp hạng ngành trong một thập kỷ.

Đồng thời, việc theo dõi và đánh giá các xu hướng chính của thị trường trong năm 2026 là cơ sở để Công Ty điều chỉnh định hướng triển khai hoạt động kinh doanh, trong đó tập trung vào ba xu hướng có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của ngành chứng khoán:

- **Thanh khoản thị trường và nhu cầu sử dụng đòn bẩy:** Giá trị giao dịch bình quân trên HOSE trong Quý III/2026 đạt khoảng 18.130 tỷ đồng/phiên, giảm khoảng 22% so với Quý II/2026 và là mức thấp nhất trong 4 quý; riêng tháng 9/2026 đạt khoảng 16.412 tỷ đồng/phiên. Diễn biến này cho thấy nhu cầu sử dụng đòn bẩy tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh thanh khoản thị trường có sự điều chỉnh, qua đó hoạt động cho vay ký quỹ tiếp tục là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của các CTCK.
- **Vai trò của quy mô vốn và sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ:** Trong nhóm các CTCK có quy mô lớn trên thị trường, các công ty có ngân hàng mẹ tiếp tục có lợi thế trong việc tiếp cận nguồn vốn và khách hàng. Theo đánh giá của Công Ty, quy mô vốn, khả năng tiếp cận nguồn vốn và hệ sinh thái khách hàng là những yếu tố có thể hỗ trợ Công Ty mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ và các dịch vụ chứng khoán trong thời gian tới.
- **Xu hướng gia tăng nhu cầu đối với dịch vụ dành cho nhà đầu tư tổ chức:** Việc TTCK Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường Mới nổi Thứ cấp từ ngày 21/09/2026, với lộ trình hoàn tất vào tháng 09/2027, được kỳ vọng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút dòng vốn quốc tế và gia tăng sự tham gia của nhà đầu tư tổ chức. Trên cơ sở đó, Công Ty định hướng từng bước xây dựng và hoàn thiện năng lực cung cấp các dịch vụ dành cho khách hàng tổ chức, bao gồm NPF, prime services và các yêu cầu về quản trị, vận hành và tuân thủ theo thông lệ quốc tế.

Trong giai đoạn 2026 – 2027, Công Ty định hướng tập trung nguồn lực vào các hoạt động có khả năng đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh, trong đó trọng tâm là hoạt động cho vay ký quỹ, dịch vụ thị trường vốn nợ (DCM) và hoạt động tự doanh. Bên cạnh đó, Công Ty tiếp tục đầu tư phát triển nền tảng số và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ nhằm từng bước đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

Vị thế thực tế của HDS sau 9 tháng đầu năm 2026 củng cố cơ sở cho định hướng trên:

Chỉ tiêu	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Cơ sở đối với định hướng hoạt động
Lợi nhuận trước thuế Quý III/ 2026	**769 tỷ đồng, tăng 207% so với cùng kỳ**	Kết quả kinh doanh Quý III/2026 ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế cao, tạo cơ sở để Công Ty tiếp tục triển khai các hoạt động kinh doanh trọng tâm trong quý cuối cùng và hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao phó.
Lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng đầu năm 2026	**2.241 tỷ đồng**	Lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng đầu năm 2026 đã vượt kết quả thực hiện cả năm 2025 và đạt khoảng 66,4% kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2026.
Doanh thu và chi phí hoạt động Quý III/2026	**Doanh thu tăng 186,5%; chi phí tăng 42,66%**	Doanh thu hoạt động Quý III/2026 đạt 1.139 tỷ đồng trong khi chi phí đạt 195 tỷ đồng, phản ánh sự cải thiện về hiệu quả hoạt động của Công Ty.
Vốn điều lệ, thời điểm ngày 30/09/2026	**Khoảng 10.961 tỷ đồng**	Quy mô vốn điều lệ và kế hoạch tăng vốn sau IPO tạo điều kiện để Công Ty mở rộng quy mô hoạt động, trong đó có hoạt động cho vay ký quỹ và bảo lãnh phát hành theo quy định.
Dư nợ cho vay ký quỹ, tại ngày 30/09/2026	**10.747 tỷ đồng**	Quy mô dư nợ hiện tại tạo cơ sở để Công Ty tiếp tục phát triển hoạt động cho vay ký quỹ trên cơ sở nguồn vốn, hạn mức và khẩu vị rủi ro phù hợp.
Danh mục tài sản tài chính, tại ngày 30/09/2026	**14.714 tỷ đồng**	Danh mục FVTPL đạt 9.464 tỷ đồng. Công Ty tiếp tục theo dõi và quản trị cơ cấu danh mục nhằm kiểm soát mức độ tập trung và rủi ro thị trường.

Nguồn: HDS

Với kết quả hoạt động kinh doanh và năng lực tài chính hiện có, Công Ty đặt mục tiêu tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động và nâng cao vị thế trong nhóm các CTCK có quy mô và hiệu quả hoạt động cao trên thị trường. Để thực hiện mục tiêu này, Công Ty xác định việc phát triển các hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực quản trị rủi ro và tiếp tục đầu tư vào nền tảng công nghệ là các nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển.

Trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo, Công Ty dự kiến triển khai một số định hướng phù hợp với điều kiện thị trường và kết quả hoạt động thực tế, cụ thể:

- **Tập trung phát triển các hoạt động kinh doanh có khả năng tạo nguồn thu ổn định:** Công Ty định hướng ưu tiên phát triển hoạt động cho vay ký quỹ, dịch vụ thị trường vốn và tự doanh trong giai đoạn 2026-2027, đồng thời tiếp tục đầu tư cho nền tảng số và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ nhằm tạo thêm nguồn thu trong dài hạn.
- **Tập trung phát triển khách hàng có chất lượng:** Công Ty định hướng mở rộng cơ sở khách hàng, chú trọng nhóm khách hàng có năng lực tài chính và nhu cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, trong đó hoạt động cho vay ký quỹ được phát triển phù hợp với quy định pháp luật và chính sách quản trị rủi ro của Công Ty.
- **Nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời:** Trên cơ sở kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm 2026, Công Ty tiếp tục đặt mục tiêu cải thiện lợi nhuận trước thuế và hiệu quả sử dụng vốn, hướng tới nhóm các CTCK có hiệu quả hoạt động cao trên thị trường.
- **Tăng cường quản trị rủi ro đối với hoạt động tự doanh:** Công Ty định hướng đa dạng hóa danh mục tự doanh, kiểm soát tỷ trọng đầu tư và mức độ tập trung theo từng loại tài sản, đồng thời tăng cường quản trị rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động tự doanh phù hợp với nguồn vốn, khẩu vị rủi ro và các giới hạn theo quy định.

- **Phát triển các nguồn thu có tính chất định kỳ:** Công Ty định hướng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tạo nguồn thu định kỳ, bao gồm các dịch vụ trên nền tảng số, bộ lọc cổ phiếu ứng dụng AI, AI Office và dữ liệu B2B. Việc phát triển các nguồn thu này nhằm từng bước đa dạng hóa cơ cấu doanh thu và giảm sự phụ thuộc vào các nguồn thu mang tính chu kỳ của thị trường.

Trên cơ sở các yếu tố nêu trên, Công Ty đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức năm 2026 được xây dựng dựa trên kết quả hoạt động thực tế, năng lực tài chính, định hướng phát triển kinh doanh và điều kiện thị trường. Công Ty sẽ tiếp tục theo dõi diễn biến của TTCK, tình hình kinh tế vĩ mô, tiến độ nâng hạng thị trường và các yếu tố có liên quan để chủ động điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp. Tuy nhiên, kết quả thực tế có thể chịu ảnh hưởng bởi diễn biến của thị trường tài chính, tiến độ nâng hạng và các yếu tố vĩ mô.

Căn cứ xây dựng kế hoạch, các giả định về quy mô danh mục đầu tư, lợi suất dự kiến trong năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Hoạt động	Quy mô dự kiến tại 31/12/2026	Quy mô bình quân năm 2026 dự kiến	Lợi suất bình quân năm 2026 dự kiến	Doanh thu năm 2026 dự kiến
Các khoản cho vay	15.365	6.187	11,3%	699
Đầu tư vốn (Trái phiếu, Cổ phiếu)	9.506	6.423	13,9%	894
Doanh thu giao dịch giấy tờ có giá (Trái phiếu…)	-	-	-	1.450
Doanh thu tư vấn (DCM/ECM)	-	-	-	1.600
Doanh thu phí giao dịch và các hoạt động khác	-	-	-	103

Nguồn: HDS

(i) Hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán

Công Ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 10.961 tỷ đồng kể từ tháng 06 năm 2026, qua đó củng cố nền tảng tài chính và đáp ứng điều kiện để nới hạn mức cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán. Theo kế hoạch, dư nợ cho vay ký quỹ sẽ đạt khoảng hơn 15.300 tỷ đồng vào cuối năm 2026, tương đương tỷ lệ dư nợ cho vay/vốn chủ sở hữu ước tính khoảng 74,2% - vẫn còn dư địa so với trần 200% theo quy định.

Lãi suất cho vay ký quỹ bình quân được dự phóng ở mức 11,3%/năm. Dựa trên quy mô dư nợ và mức lãi suất này, doanh thu dự kiến từ mảng cho vay ký quỹ sẽ vào khoảng 699 tỷ đồng.

(ii) Hoạt động tự doanh Trái phiếu

Về cơ cấu, trong năm 2025 Công Ty tập trung chủ yếu vào TPDN, ngoài ra được bổ sung thêm trái phiếu của các tổ chức tín dụng để cân bằng rủi ro. Bước sang 2026, Công Ty dự kiến tiếp tục tái cơ cấu danh mục theo hướng cải thiện lợi suất, song song với việc củng cố các quy trình quản trị rủi ro.

(iii) Hoạt động tự doanh Cổ phiếu

Về quy mô, danh mục cổ phiếu tự doanh dự kiến sẽ chiếm một tỷ trọng hợp lý trong tổng danh mục đầu tư tài chính của Công Ty. Chiến lược đầu tư tập trung vào cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành, được kỳ vọng hưởng lợi từ chu kỳ tăng trưởng kinh tế dài hạn của Việt Nam, ưu tiên các mã vốn hóa lớn và thanh khoản cao.

Các tiêu chí chọn lọc cổ phiếu bao gồm: doanh nghiệp đầu ngành và hưởng lợi từ chính sách vĩ mô; triển vọng tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn 2026 – 2027; định giá còn hấp dẫn; và ưu tiên các mã đã có chứng quyền niêm yết trên HOSE.

Công Ty cũng lưu ý rủi ro: nếu các yếu tố địa chính trị và vĩ mô toàn cầu leo thang và kéo dài, gây áp lực lên lạm phát, lãi suất và tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp, thì danh mục tự doanh có thể chịu ảnh hưởng nhất định trong ngắn hạn.

(iv) Hoạt động tư vấn phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Trong năm 2026, Công Ty định hướng tiếp tục củng cố và mở rộng vị thế trong hoạt động tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu, với các nội dung trọng tâm như: (i) mở rộng nền tảng khách hàng doanh nghiệp phát hành, ưu tiên các tổ chức có nền tảng tài chính lành mạnh và thuộc các ngành có triển vọng tăng trưởng dài hạn; (ii) nâng cao chất lượng thẩm định và tư vấn cơ cấu phát hành nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư; (iii) tăng cường vai trò đại lý phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu, qua đó củng cố uy tín và độ tin cậy của Công Ty trên thị trường TPDN; và (iv) đặt mục tiêu gia tăng số lượng thương vụ cũng như quy mô giá trị phát hành được tư vấn, góp phần đa dạng hóa nguồn thu từ mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư.

Với định hướng này, Công Ty kỳ vọng sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những đơn vị tư vấn phát hành trái phiếu hàng đầu, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của thị trường vốn nợ Việt Nam trong bối cảnh khung pháp lý ngày càng được hoàn thiện và hướng tới minh bạch hơn.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Trong vai trò Tổ Chức Tư Vấn cho đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của HDS, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của HDS.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của HDS thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Công Ty đã đề ra là khả thi, dựa vào tiềm lực tài chính nội tại của HDS và tiềm năng phát triển của thị trường.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và TTCK, triển vọng của nền kinh tế, và HDS. Những đánh giá trên đây của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của HDS chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh Nghiệp:

"3. Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

4. Các hạn chế quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:

a) Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp;

b) Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập."

GCNĐKDN của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 27/12/2006, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

HDS hiện tại không có cổ đông lớn nào là cá nhân và chỉ có 01 (*Một*) cổ đông lớn là tổ chức với thông tin chi tiết như sau:

- Tên cổ đông lớn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**")
- Năm thành lập: 1989
- Giấy phép thành lập và hoạt động: số 00019/NH-GP do NHNN cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0300608092 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023
- Địa chỉ trụ sở chính: 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ (tại ngày 30/10/2026): 50.052.763.230.000 tỷ đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hữu Đặng – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại HDS: Không có
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của HDBank và những người có liên quan hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:
  - Số lượng cổ phiếu do HDBank và người có liên quan nắm giữ tại thời điểm 30/10/2026: 986.462.382 cổ phiếu, tương đương 90,00% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - Số lượng cổ phiếu do HDBank và người có liên quan nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán: 986.462.382 cổ phiếu, tương đương 81,00% vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán của HDS (*)

(*) Số lượng cổ phiếu do HDBank và người có liên quan nắm giữ dự kiến sau đợt chào bán sẽ phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu HDS chào bán thành công trong đợt chào bán, cũng như số lượng cổ phiếu mà HDBank và người có liên quan tham gia mua trong đợt chào bán này. Các số liệu được tính toán trên giả định rằng HDBank và người có liên quan không tham gia đợt chào bán và tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán vẫn giữ nguyên là 986.462.382 cổ phiếu.

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với HDBank, người đại diện theo ủy quyền của HDBank và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
HDBank – Công ty mẹ	Thuê văn phòng làm việc	120.438.600 đồng/tháng	Không có	Không có (*)
	Thuê văn phòng làm việc	30.000.000 đồng/tháng	Không có	HĐQT đã thông qua tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 2.050 tỷ đồng	Không có	ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 và ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể đối với từng giao dịch
	Giao dịch mua bán TPDN riêng lẻ	Tối đa 1.600 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPDN riêng lẻ	Tối đa 5.205 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 407 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 1.013 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 1.001 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 1.830 tỷ đồng	Không có	
Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki – Công ty con của HDBank	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 1.238 tỷ đồng	Không có	ĐHĐCĐ đã thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 và ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể đối với từng giao dịch
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 618 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 824 tỷ đồng	Không có	
	Giao dịch mua bán TPCP	Tối đa 234 tỷ đồng	Không có	

(*) Hợp đồng thuê văn phòng được ký kết từ năm 2021, trước thời điểm HDBank trở thành cổ đông lớn (tháng 06/2024) và trở thành Công ty mẹ (tháng 05/2026) của HDS, do đó không thuộc phạm vi giao dịch với bên liên quan cần cấp có thẩm quyền của HDS thông qua.

- Lợi ích liên quan đối với HDS: Nhận cổ tức theo phương án được ĐHĐCĐ của HDS thông qua (nếu có).
- HDBank có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có
- Thông tin về HDBank và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác: HDBank và người có liên quan không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của CTCK khác

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Vũ Hữu Điền	Chủ tịch HĐQT
2.	Nguyễn Cảnh Vinh	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
3	Philipp Roesler	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT
4.	Trần Hoài Phương	Thành viên HĐQT

3.1.1. Vũ Hữu Điền

- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Hệ thống thông tin
- Kinh nghiệm công tác :
  - 2000 - 2024: Giám đốc Phòng Tài chính Doanh nghiệp; Giám đốc phụ trách Danh mục đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
  - 11/2020 – 06/2024: Giám đốc, Dragon Capital Group
  - 2023 – nay: Chủ tịch HĐQT, CTCP Fintech AI
  - 07/2024 – 04/2026: Thành viên HĐQT, CTCP Chứng khoán VPBank (trong đó: Chủ tịch HĐQT 07/2024–09/2025; Tổng Giám đốc 11/2024–12/2025)
  - 04/2026 – nay: Chủ tịch HĐQT, HDS
  - 05/2026 - nay: Thành viên HĐQT, CTCP Quỹ Đầu tư Mạo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP Fintech AI
  - Thành viên HĐQT - CTCP Quỹ Đầu tư Mạo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Vũ Hữu Điền và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**10 tháng đầu năm 2026**
Thù lao	-	-	2.733.403.636
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	92.136.364

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.1.2. Nguyễn Cảnh Vinh

- Năm sinh : 1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư Xây dựng
- Kinh nghiệm công tác :
  - 01/2011 – 11/2014: Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối, Techcombank
  - 11/2014 – 05/2017: Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn, Techcombank (trong đó từ 03/2017 – 05/2017: Phó Tổng Giám đốc Techcombank, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (Techcombank AMC))
  - 09/2017 – 02/2018: Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)
  - 04/2018 – 05/2019: Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Eximbank
  - 05/2019 – 09/2021: Quyền Tổng Giám đốc, Eximbank
  - 10/2021 – 02/2022: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chuyển đổi và Ngân hàng số kiêm Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro, ABBank
  - 11/2022 – 06/2025: Phó Tổng Giám đốc, HDBank
  - 06/2025 – nay: Giám đốc Cấp cao, HDBank
  - 03/2023 – 04/2026: Chủ tịch HĐQT, HDS
  - 04/2026 – nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc Cấp cao – HDBank

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Nguyễn Cảnh Vinh và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Cảnh Vinh – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	4.200.849.320 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	19.756.508.459 đồng	Không có	HĐQT
	Mua TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2026	18.031.951.624 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	Năm 2024	Năm 2025	10 tháng đầu năm 2026
Thù lao	4.256.000.000	8.084.000.000	3.804.800.000
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	138.000.000	138.000.000	95.000.000

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.1.3. Philipp Roesler

- Năm sinh : 1973
- Quốc tịch : Đức
- Trình độ học vấn : Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn : Tiến sĩ y khoa

- Kinh nghiệm công tác :
  - 2003 – 2009: Nghị sĩ, Nghị viện bang Niedersachsen
  - 2009 – 2010: Thành viên HĐQT, Volkswagen Group
  - 2009 – 2011: Bộ trưởng Liên bang, Bộ Y tế
  - 2011 – 2013: Chủ tịch, Đảng Dân chủ Tự do; Phó Thủ tướng Liên bang, Cộng hòa Liên bang Đức
  - 2019 – 2023: Thành viên HĐQT, Siemens Healthineers
  - 07/2020 – 06/2024: Thành viên HĐQT, CTCP Nông sản Lộc Trời
  - 2023 – 2025: Thành viên HĐQT, Vietravel Airlines
  - 07/2019 – nay: Chủ tịch Hội đồng Tư vấn quốc tế, Vina Capital Ventures
  - 01/2025 – nay: Chủ tịch Diễn đàn, Swiss-Viet Economic Forum (SVEF)
  - 09/2025 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT – CTCP Hàng không Vietjet
  - 09/2025 – nay: Hội đồng Tư vấn toàn cầu, European Investment Bank (EIB)
  - 10/2026 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT, CTCP Chứng khoán HD
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT – CTCP Hàng không Vietjet
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Philipp Roesler và người có liên quan: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**10 tháng đầu năm 2026**
Thù lao	-	-	-
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS:

Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ	Hoạt động chính	Dịch vụ HDS cung cấp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
CTCP Hàng không Vietjet	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT (*không sở hữu cổ phần*)	Vận tải hàng không và các dịch vụ phụ trợ	Tư vấn hồ sơ chào bán và Đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ	Philipp Roesler có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích mà HDS có thể được hưởng thông qua bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc giao dịch nào HĐQT thông qua giao dịch với người có liên quan theo phạm vi thẩm quyền đúng quy định

3.1.4. Trần Hoài Phương

- Năm sinh : 1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế quốc tế
- Kinh nghiệm công tác :
  - 1995: Chuyên viên Phân tích Tài chính, Ngân hàng BNP (Banque Nationale de Paris), TP. Hồ Chí Minh
  - 1996 – 2004: Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp, Standard Chartered Bank, TP. Hồ Chí Minh
  - 2005 – 2007: Giám đốc Chi nhánh, Citibank, TP. Hồ Chí Minh
  - 2007: Quyền Tổng Giám đốc, Chứng khoán Gia Quyền
  - 2007 – 2008: Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
  - 2008 – 2009: Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Tiên Phong
  - 2010: Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Phương Đông
  - 2011 – 2018: Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp, BNP Paribas Việt Nam
  - 2019 – nay: Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, HDBank
  - 04/2025 – nay: Thành viên HĐQT, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp – HDBank
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS

hữu tại thời điểm 30/10/2026

- *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Trần Hoài Phương và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Trần Hoài Phương – Thành viên HĐQT	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	9.976.301.405 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2025	9.986.287.710 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	319.214.793 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	Năm 2024	Năm 2025	10 tháng đầu năm 2026
Thù lao	-	1.124.069.891	1.215.833.333
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	-	12.193.548	60.000.000

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.2. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Huyền Trân	Trưởng BKS
2.	Phạm Thị Ngọc Phượng	Thành viên BKS
3.	Ngô Tố Linh	Thành viên BKS

3.2.1. Nguyễn Thị Huyền Trân

- Năm sinh : 1983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác :
  - 12/2006 – 01/2008: Kế toán Thanh toán, Phòng Kế toán, Công ty TNHH Beautec Vina
  - 03/2008 – nay: Quản lý cấp cao Báo cáo NHNN – Khối Tài chính Kế hoạch, HDBank
  - 06/2025 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Trưởng BKS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Quản lý cấp cao Báo cáo NHNN – Khối Tài chính Kế hoạch – HDBank
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Nguyễn Thị Huyền Trân và người có liên quan: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**10 tháng đầu năm 2026**
Thù lao	-	375.167.848	340.433.333
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	-	39.800.000	60.000.000

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.2.2. Phạm Thị Ngọc Phượng

- Năm sinh : 1989
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác :
  - 12/2011 – 03/2014: Nhân viên Phòng Tổng hợp và Khai thác Dữ liệu, Ngân hàng TMCP Đại Á

- 03/2014 – nay: Phó phòng Kế hoạch, Báo cáo và Phân tích Tài chính, HDBank
- 06/2025 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, HDS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Thành viên BKS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Phó phòng Kế hoạch, Báo cáo và Phân tích Tài chính – HDBank
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 31/!0/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Phạm Thị Ngọc Phượng và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Phạm Thị Ngọc Phượng – Thành viên BKS	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	1.200.000.000 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2025	1.201.201.202 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	555.293.155 đồng	Không có	HĐQT
	Mua TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2026	615.276.492 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	Năm 2024	Năm 2025	10 tháng đầu năm 2026
Thù lao	-	159.000.001	192.266.667
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.2.3. Ngô Tố Linh

- Năm sinh : 1996
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác :
  - 09/2018 – 03/2020: Chuyên viên Pháp chế, Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam
  - 04/2020 – nay: Phó phòng Pháp chế, HDS
  - 03/2023 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Thành viên BKS và Phó phòng Pháp chế
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Ngô Tố Linh và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Ngô Tố Linh – Thành viên BKS	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	70.444.143.759 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2025	3.167.973.691 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	210.397.028.336 đồng	Không có	HĐQT
	Mua TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2026	209.135.848.121 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**10 tháng đầu năm 2026**
Thù lao	77.777.779	286.222.222	195.200.000
Tiền lương	-	-	-
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hà Quỳnh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

3.3.1. Nguyễn Hà Quỳnh

- Năm sinh : 1983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Tài chính
- Kinh nghiệm công tác :
  - 2006 – 2008: Chuyên viên Phân tích, Tập đoàn Cattles Plc.
  - 2008 – 2011: Chuyên viên Phân tích, CTCP Chứng khoán Kenanga Việt Nam
  - 2011 – 2014: Giám đốc Tư vấn, CTCP Chứng khoán Phượng Hoàng
  - 2014 – 2015: Giám đốc Tư vấn, CTCP Chứng khoán ACB
  - 02/2015 – 11/2021: Giám đốc R&D, CTCP Chứng khoán Kỹ Thương
  - 11/2021 – 06/2023: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, CTCP Chứng khoán VPBank
  - 06/2023 – nay: Tổng Giám đốc, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Tổng Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 75.000 cổ phiếu, tương đương 0,0068% vốn điều lệ hiện tại của HDS

- *Đại diện theo ủy quyền sở hữu* : *0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- *Cá nhân sở hữu* : *0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- *Người có liên quan sở hữu* : *75.000 cổ phiếu, tương đương 0,0068% vốn điều lệ hiện tại của HDS*

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS:
  - Họ tên: Nguyễn Thùy Linh
  - Mối quan hệ với cổ đông, người nội bộ của HDS: Vợ của Nguyễn Hà Quỳnh
  - Chức vụ tại HDS: Không có
  - Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 75.000 cổ phiếu, tương đương 0,0068% vốn điều lệ hiện tại của HDS
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Nguyễn Hà Quỳnh và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Hà Quỳnh – Tổng Giám đốc	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	28.729.518.160 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2025	25.840.882.044 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	4.177.227.741 đồng	Không có	HĐQT
	Mua TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2026	2.943.160.104 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	Năm 2024	Năm 2025	10 tháng đầu năm 2026
Thù lao	-	-	-
Tiền lương	3.511.205.000	6.340.167.867	4.160.161.258
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	198.000.000	213.000.000	175.000.000

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.3.2. Nguyễn Thanh Huyền

- Năm sinh : 1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác :
  - 1999 – 2004: Kế toán viên
  - 2004 – 2009: Kế toán trưởng, CT TNHH IPA-NIMA Việt Nam
  - 2009 – 2011: Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán VINCOM (VIX)
  - 2011 – 2020: Trưởng phòng Kế toán và Kế hoạch / Trưởng phòng Quản lý Tài sản và Nguồn vốn, Công ty Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV)
  - 2020 – 2022: Giám đốc Tài chính và Kế hoạch, HDS
  - 2022 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Nguyễn Thanh Huyền và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thanh Huyền – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	26.628.071.832 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2025	28.257.553.407 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	1.416.354.243 đồng	Không có	HĐQT
	Mua TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2026	1.524.440.811 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**10 tháng đầu năm 2026**
Thù lao	-	-	-
Tiền lương	1.831.114.999	3.938.679.022	2.007.452.013
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	12.000.000	12.000.000	12.000.000

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

3.4. Kế toán trưởng

- Họ tên : **Nguyễn Thị Ngọc Lành**
- Năm sinh : 1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Kinh nghiệm công tác :
  - 1996 - 2005: Phụ trách kế toán chi nhánh TP. HCM Công ty Khoáng Sản Lâm Đồng
  - 2005 - 2007: Kế toán Tổng hợp, CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
  - 200 7- 2010: Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán Nam An
  - 2010 - 2012: Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán Bảo Minh
  - 2012 - 2017: Kế toán trưởng, TC Group
  - 2017 - 2019: Trưởng Bộ phận cấp cao Tài chính - Kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS
  - 2019 - 2020: Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ, CTCP Chứng khoán Bảo Minh
  - 2020 - nay: Kế toán trưởng, HDS
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại HDS : Kế toán trưởng
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 30/10/2026 : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS
  - *Đại diện theo ủy quyền sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
  - *Người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ hiện tại của HDS*
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với HDS:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa HDS với Nguyễn Thị Ngọc Lành và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Loại giao dịch (*)	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Nguyễn Thị Ngọc Lành – Kế toán trưởng	Mua TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2025	67.650.340.056 đồng	Không có	HĐQT
	Bán TPDN riêng lẻ từ HDS năm 2026	210.643.746.444 đồng	Không có	HĐQT
	Mua TPDN riêng lẻ cho HDS năm 2026	208.226.114.388 đồng	Không có	HĐQT

(*) Các trái phiếu trong các giao dịch mua, bán này là TPDN phát hành riêng lẻ của các TCPH như Tập đoàn Vingroup – CTCP, CTCP Hàng không Vietjet, CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn, CTCP Tập đoàn Sovico... Các trái phiếu này được HDS thực hiện phân phối và giao dịch thông qua Hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các giao dịch nêu trên đều được thông qua bởi cấp có thẩm quyền quy định theo Điều lệ Công Ty là HĐQT tại Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐQT ngày 19/07/2024.

  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong năm 2024, 2025 và 10 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị: VND	Năm 2024	Năm 2025	10 tháng đầu năm 2026
Thù lao	-	-	-
Tiền lương	885.057.174	1.780.004.783	860.924.338
Tiền thưởng	-	-	-
Lợi ích khác	13.200.000	13.200.000	13.200.000

- Các khoản nợ đối với HDS: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với HDS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của HDS: Không có.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 VND (*Mười nghìn đồng*)/Cổ Phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán: 121.785.476 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu*) Cổ Phiếu, tương đương 11,1111% (*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu Tổ Chức Phát Hành chào bán: 121.785.476 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu*) cổ phiếu, tương đương 11,1111% (*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và
- Số lượng cổ phiếu cổ đông chào bán: 0 (*Không*) cổ phiếu, tương đương 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

(*) *Tỷ lệ này được làm tròn lên từ số thập phân: 121.785.476 / 1.096.069.282 = 11,11111111%*

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Cổ Phiếu chào bán theo mệnh giá là 1.217.854.760.000 VND (*Một nghìn hai trăm mười bảy tỷ, tám trăm năm mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

5. Giá chào bán dự kiến

38.900 VND (*Ba mươi tám nghìn chín trăm đồng*)/Cổ Phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng đảm bảo nguyên tắc xác định giá đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 ("**Nghị Quyết ĐHĐCĐ**"), không thấp hơn giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công Ty theo BCTC quý gần nhất đã được Công Ty công bố thông tin. Theo đó, tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, giá chào bán Cổ Phiếu được xác định dựa trên nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách của một Cổ Phiếu theo BCTC Quý III/2026 của Công Ty là 12.811 VND (*Mười hai nghìn tám trăm mười một đồng*)/Cổ Phiếu.

Giá chào bán cụ thể đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 74/2026/NQ-HĐQT ngày 03/11/2026, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc xác định giá nêu trên.

Công Ty tham khảo phương pháp định giá cổ phiếu phổ biến dựa trên việc so sánh các chỉ số định giá như P/E (Giá trên thu nhập) và P/B (Giá trên giá trị sổ sách). Các phương pháp này được sử dụng rộng rãi trên thị trường, dựa trên nguyên tắc so sánh giá trị cổ phiếu cần định giá với nhóm các cổ phiếu tương đồng đang được giao dịch trên sàn chứng khoán. Giá cổ phiếu của các doanh nghiệp cùng ngành thường có xu hướng biến động cùng chiều, do đó việc sử dụng các chỉ số định giá theo trung bình ngành như P/E và P/B làm cơ sở tham chiếu được cho là phù hợp.

Giá chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng được HDS tham khảo dựa trên 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh giá cổ phiếu trên thu nhập mỗi cổ phần (P/E)
- Phương pháp so sánh giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)

6.1. Phương pháp so sánh giá cổ phiếu trên thu nhập của mỗi cổ phần (P/E)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công Ty được tính theo công thức:

P = EPS * P/E bình quân đại diện ngành

Trong đó:

- **P**: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- **EPS**: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- **P/E bình quân đại diện ngành**: Giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các CTCK mà Công Ty có cùng quy mô và mô hình kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên SGDCK.

Chỉ số P/E của một số CTCK có quy mô và mô hình kinh doanh tương đồng với HDS tại thời điểm đóng cửa phiên ngày 30/09/2026 như sau:

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Sở giao dịch	EPS 4 quý gần nhất (VND)	Giá đóng cửa tại ngày 30/09/2026 (VND)	P/E (lần)
CTCP Chứng khoán SSI	**SSI**	HOSE	1.752	20.100	11,47
CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	**TCX**	HOSE	1.869	29.150	15,60
CTCP Chứng khoán VPBank	**VPX**	HOSE	2.069	25.800	12,47
CTCP Chứng khoán VPS	**VCK**	HOSE	1.770	27.950	15,79
CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	**HCM**	HOSE	1.069	23.800	22,26
CTCP Chứng khoán Vietcap	**VCI**	HOSE	1.249	19.350	15,49
CTCP Chứng khoán MB	**MBS**	HNX	1.562	15.600	9,98
P/E bình quân đại diện ngành					**14,72**

Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC của các CTCK theo dữ liệu của FiinPro

Giá trị cổ phiếu HDS theo phương pháp P/E được xác định như sau:

Diễn giải	Đơn vị	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm tài chính 2026 (*) (1)	tỷ đồng	2.700
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2026 (**) (2)	cổ phiếu	795.665.109
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (3) = (1)/(2)	đồng/cổ phiếu	3.393
P/E bình quân đại diện ngành (4)	lần	14,72
Giá tham chiếu cổ phiếu HDS (5) = (3) x (4)	đồng/cổ phiếu	49.945
Giá tham chiếu cổ phiếu HDS làm tròn	**đồng/cổ phiếu**	**49.900**

(*) Được ước tính bằng 80% giá trị lợi nhuận trước thuế theo Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của HDS đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện sau 9 tháng đầu năm 2026 của HDS là 1.804 tỷ đồng

(**) Được tính toán theo công thức tại Mục II.5 của Bản Cáo Bạch này và bao gồm cả số lượng Cổ Phiếu chào bán lần đầu ra công chúng

6.2. Phương pháp so sánh giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công Ty được tính theo công thức:

P = BVPS * P/B bình quân đại diện ngành

Trong đó:

- **P**: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- **BVPS**: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- **P/B bình quân đại diện ngành**: Giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ CTCK mà Công Ty có cùng quy mô và mô hình kinh doanh tương đồng đang niêm yết trên SGDCK.

Chỉ số P/B của một số CTCK có quy mô và mô hình kinh doanh tương đồng với HDS tại thời điểm đóng cửa phiên ngày 30/09/2026 như sau:

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Sở giao dịch	BVPS tại ngày 30/09/2026 (VND)	Giá đóng cửa tại ngày 30/09/2026 (VND)	P/B (lần)
CTCP Chứng khoán SSI	**SSI**	HOSE	13.112	20.100	1,53
CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	**TCX**	HOSE	14.239	29.150	2,05
CTCP Chứng khoán VPBank	**VPX**	HOSE	19.350	25.800	1,33
CTCP Chứng khoán VPS	**VCK**	HOSE	13.173	27.950	2,12
CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	**HCM**	HOSE	13.421	23.800	1,77
CTCP Chứng khoán Vietcap	**VCI**	HOSE	14.709	19.350	1,32
CTCP Chứng khoán MB	**MBS**	HNX	11.245	15.600	1,39
P/B bình quân đại diện ngành					**1,64**

Nguồn: Số liệu được tổng hợp và tính toán từ BCTC của các CTCK theo dữ liệu của FiinPro

Giá trị cổ phiếu HDS theo phương pháp P/B được xác định như sau:

Diễn giải	Đơn vị	Giá trị
Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/09/2026 (1)	tỷ đồng	14.041
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/09/2026 (2)	cổ phiếu	1.096.069.282
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (3) = (1)/(2)	đồng/cổ phiếu	12.811
P/B bình quân đại diện ngành (4)	lần	1,64
Giá tham chiếu cổ phiếu HDS (5) = (3) x (4)	đồng/cổ phiếu	21.010
Giá tham chiếu cổ phiếu HDS làm tròn	**đồng/cổ phiếu**	**21.000**

⇨ **Tổng hợp kết quả, vùng giá hợp lý của cổ phiếu HDS là khoảng 21.000 – 49.900 VND/Cổ Phiếu**

6.3. Các giả định chính trong quá trình xác định giá

Việc xác định giá chào bán Cổ Phiếu được thực hiện trên cơ sở các giả định chính sau:

- Công ty tiếp tục hoạt động liên tục và ổn định theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Không phát sinh biến động trọng yếu bất lợi đối với tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh

và môi trường pháp lý của Công Ty tại thời điểm thực hiện chào bán;

- Kế hoạch kinh doanh và phương án sử dụng vốn sau chào bán được triển khai theo định hướng đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
- Các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công Ty tiếp tục được duy trì ở mức đáp ứng yêu cầu của pháp luật về chứng khoán;
- Các giả định nêu trên được HĐQT xem xét một cách thận trọng trong bối cảnh diễn biến của thị trường chứng khoán và điều kiện kinh tế vĩ mô tại thời điểm chào bán.

7. Phương thức phân phối

Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành. Cổ Phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua:

- Tổ Chức Phát Hành; và
- Các đại lý phân phối được chỉ định bao gồm:
  - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
  - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trách nhiệm chung của các đại lý phân phối:

- Cung cấp mẫu biểu đăng ký, tài liệu chào bán cho nhà đầu tư và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư;
- Hướng dẫn nhà đầu tư đăng ký mua, hỗ trợ HDS và nhà đầu tư trong việc ký kết và chuyển giao hồ sơ đăng ký mua Cổ Phiếu;
- Tổng hợp danh sách nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua, phối hợp với HDS để phân bổ số lượng Cổ Phiếu mà mỗi nhà đầu tư được mua sau khi kết thúc đợt chào bán; và
- Các công việc khác có liên quan để hỗ trợ quá trình phân phối Cổ Phiếu diễn ra thành công và báo cáo kết quả chào bán theo quy định.

Nguyên tắc phân phối Cổ Phiếu:

- Việc phân phối Cổ Phiếu chỉ được thực hiện sau khi HDS đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận Bản Cáo Bạch và các phụ lục được công bố tại các địa điểm ghi tại bản thông báo chào bán Cổ Phiếu ra công chúng (“**Bản Thông Báo Chào Bán**”);
- HDS cam kết thực hiện phân phối Cổ Phiếu một cách công khai, công bằng và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Các đại lý phân phối sẽ không phải cam kết số lượng Cổ Phiếu bán tối thiểu hay tối đa và được chào bán cho nhà đầu tư theo số lượng Cổ Phiếu mà HDS được phép phát hành;
- Trong trường hợp số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua lớn hơn số lượng Cổ Phiếu được phép chào bán, Cổ Phiếu sẽ được phân phối tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Tổ Chức Phát Hành sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu HDS (“**Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu**”). HDS không phân chia số lượng Cổ Phiếu chào bán cho từng đại lý mà sẽ đảm bảo nguyên tắc phân phối theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Chứng Khoán. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ Phiếu, HDS sẽ tổng hợp danh sách nhà đầu tư đăng ký mua qua tất cả các kênh phân phối bao gồm HDS và các đại lý phân phối, và do đó nhà đầu tư sẽ được phân bổ theo đúng một tỷ lệ phân bổ công bằng giữa tất cả các kênh phân phối; và
- Trong trường hợp số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua nhỏ hơn hoặc bằng số lượng Cổ Phiếu được phép chào bán, Cổ Phiếu sẽ được phân bổ cho nhà đầu tư theo đúng số lượng mà nhà đầu tư đã đăng ký mua hợp lệ.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết:

Nếu còn cổ phiếu chưa phân phối hết sau khi kết thúc đợt chào bán (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ) ("**Cổ Phiếu Cần Phân Phối**") thì số Cổ Phiếu Cần Phân Phối đó sẽ được xử lý theo cách thức chào bán tiếp cho các nhà đầu tư với các điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư, giá chào bán không được thuận lợi hơn các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu và bảo đảm đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công Ty, cụ thể như sau:

- Tiêu chí xác định nhà đầu tư: Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, nhà đầu tư được lựa chọn theo các tiêu chí do HĐQT xây dựng như sau:
  (i) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bày tỏ quan tâm, mong muốn và có năng lực tài chính để đầu tư Cổ Phiếu của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
  (ii) Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Tổ Chức Phát Hành.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối: Giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu.
- Cổ Phiếu Cần Phân Phối được chào bán cho (các) nhà đầu tư xác định nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (*Một*) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ), đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155, đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu Cần Phân Phối theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được UBCKNN gia hạn (nếu có), nếu số Cổ Phiếu Cần Phân Phối vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối không phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối thành công trong đợt chào bán.

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục để xin gia hạn thời gian chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối (nếu cần thiết).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Thời hạn đăng ký mua Cổ Phiếu

Công Ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản Thông Báo Chào Bán và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua Cổ Phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (*Hai mươi*) ngày theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8.2. Số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua

Nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu 100 (*Một trăm*) Cổ Phiếu và tối đa 60.892.737 (*Sáu mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bảy*) Cổ Phiếu (*không quá 5% (*) vốn điều lệ dự kiến của Công Ty sau đợt chào bán*). Số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua là bội số của 100 (*Một trăm*) Cổ Phiếu.

(*) Tỷ lệ này được làm tròn lên từ số thập phân: 60.892.737 / 1.217.854.758 = 4,99999993%

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ Phiếu của Tổ Chức Phát Hành theo thông tin tại Mục VII.11 của Bản Cáo Bạch này.

Phương thức đăng ký mua: Được quy định cụ thể tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu, bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

- Lệnh đăng ký mua Cổ Phiếu được coi là hợp lệ ("**Lệnh Đăng Ký Mua Hợp Lệ**") khi (i) Công Ty đã tiếp nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư trên cơ sở hồ sơ đăng ký mua đúng, đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu và (ii) Công Ty đã nhận đủ tiền đặt cọc của nhà đầu tư trong tài khoản phong tỏa theo quy định tại Mục 11 Phần VII của Bản Cáo Bạch này trong thời hạn quy định tại Bản Thông Báo Chào Bán. Trong đó:
    - Tổng giá trị đăng ký mua = 38.900 VND x (*nhân*) Số lượng Cổ Phiếu nhà đầu tư đăng ký mua được ghi nhận trong Giấy đăng ký mua;
    - Tiền đặt cọc = 10% x (nhân) Tổng giá trị đăng ký mua;
    - Tiền đặt cọc sẽ được tính vào số tiền mua Cổ Phiếu sau khi nhà đầu tư được phân bổ số Cổ Phiếu được mua dựa trên kết quả tổng hợp Lệnh Đăng Ký Mua Hợp Lệ;
    - Tiền đặt cọc không được hưởng lãi trong mọi trường hợp. Việc đặt cọc chỉ nhằm mục đích bảo đảm nhà đầu tư được tham gia đăng ký mua Cổ Phiếu, thể hiện cam kết của nhà đầu tư trong việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua Cổ Phiếu còn phải nộp nếu được phân bổ theo tỷ lệ phân phối.
- Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ Phiếu, Công Ty sẽ tổng hợp Lệnh Đăng Ký Mua Hợp Lệ để xác định danh sách nhà đầu tư được phân bổ Cổ Phiếu. Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả phân bổ Cổ Phiếu thông qua các đại lý phân phối hoặc Công Ty nếu có Lệnh Đăng Ký Mua Hợp Lệ được phân bổ tại các kênh phân phối khác nhau;
- Đối với Lệnh Đăng Ký Mua Hợp Lệ, nhà đầu tư nếu được phân bổ Cổ Phiếu phải thanh toán số tiền mua Cổ Phiếu còn phải nộp theo thông báo kết quả phân bổ Cổ Phiếu tại từng kênh phân phối trong thời hạn thanh toán tiền mua Cổ Phiếu quy định tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu. Trong trường hợp nhà đầu tư không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ và/hoặc không đúng hạn số tiền mua Cổ Phiếu còn phải nộp thì nhà đầu tư được xem là từ chối mua Cổ Phiếu được phân bổ. Theo đó nhà đầu tư sẽ (i) không được hoàn lại tiền đặt cọc, (ii) không được phân phối bất kỳ Cổ Phiếu nào, và (iii) được hoàn lại số tiền được xác định bằng số tiền đã nộp trừ đi tiền đặt cọc;
- Đối với lệnh đăng ký mua không hợp lệ/Lệnh Đăng Ký Mua Hợp Lệ nhưng không được phân bổ Cổ Phiếu, Công Ty sẽ hoàn trả cho nhà đầu tư toàn bộ số tiền đã nộp (bao gồm tiền đặt cọc và các khoản tiền nộp thừa, nếu có) theo quy định tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu sau khi (i) Công Ty nhận được thông báo của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán Cổ Phiếu và (ii) Ngân hàng nơi Công Ty mở tài khoản phong tỏa thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản này; và
- Trường hợp Đợt Chào Bán bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán, Công Ty sẽ hoàn trả cho nhà đầu tư toàn bộ số tiền đã nộp trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày Đợt Chào Bán bị hủy bỏ.

8.3. Lưu ý cho nhà đầu tư khi mua Cổ Phiếu

Để bảo đảm việc các nhà đầu tư khi tham gia mua Cổ Phiếu tuân thủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Chứng Khoán, nhà đầu tư cần lưu ý:

- Bất kỳ nhà đầu tư nào đặt mua số lượng cổ phiếu có thể dẫn tới việc nhà đầu tư đó sở hữu trên 5% vốn điều lệ dự kiến của Công Ty sau đợt chào bán phải ký cam kết bằng văn bản rằng nhà đầu tư đó không sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 CTCK khác.
- Bất kỳ nhà đầu tư nào đặt mua số lượng cổ phiếu có thể dẫn tới việc nhà đầu tư đó sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán của HDS phải đảm bảo và ký cam kết rằng nhà đầu tư đó và người có liên quan không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của bất kỳ CTCK nào khác.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: trong vòng 90 (*Chín mươi*) ngày kể từ ngày Công Ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng ("**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng**"). Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối Cổ Phiếu ra công chúng trong thời hạn này, Công Ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối Cổ Phiếu nhưng tối đa không quá 30 (*Ba mươi*) ngày.

Sau khi Công Ty nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng, HĐQT sẽ làm việc với các đại lý phân phối để thực hiện việc chào bán và quy định các thủ tục, hồ sơ đăng ký mua cụ thể cho các nhà đầu tư tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu. Lịch trình chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng sau khi Công Ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng dự kiến như sau:

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1.	UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng	T
2.	Tổ Chức Phát Hành thực hiện công bố thông tin về đợt chào bán, bao gồm việc công bố Bản Thông Báo Chào Bán trên 01 (*Một*) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (*Ba*) số liên tiếp	T đến T + 3 ("**T1**")
3.	Tổ Chức Phát Hành triển khai chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng và Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Cổ Phiếu	T1 đến (T1 + 29)
	- *Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến*	*T1*
	- *Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến*	*T1 + 20*
	- *Tổ Chức Phát Hành thông báo kết quả đăng ký đặt mua cho nhà đầu tư*	*(T1 + 21) đến (T1 + 23)*
	- *Nhà đầu tư hoàn thành việc nộp tiền đăng ký đặt mua cổ phiếu theo thông báo kết quả đăng ký đặt mua của Tổ Chức Phát Hành*	*(T1 + 24) đến (T1 + 29)*
4.	Tổ Chức Phát Hành ban hành quyết định về việc xử lý số Cổ Phiếu Cần Phân Phối và triển khai phân phối số cổ phiếu này (nếu có)	(T1 + 30) đến tối đa (T1 + 60)
5.	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả đợt chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả đợt chào bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6.	Tổ Chức Phát Hành hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của UBCKNN về kết quả đợt chào bán cổ phiếu
7.	Thời gian chuyển giao Cổ Phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú: Sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về thời gian phân phối cụ thể của đợt chào bán tại Bản Thông Báo Chào Bán và Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Toàn bộ Cổ Phiếu chào bán (không bao gồm Cổ Phiếu Cần Phân Phối) sẽ được chuyển nhượng tự do. Số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối trong đợt chào bán được HĐQT phân phối tiếp (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (*Một*) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Cổ Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Tổ Chức Phát Hành với thông tin như sau:

- Tên người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
- Số tài khoản: 8620079046
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Tổ Chức Phát Hành cam kết (i) Ngân hàng nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và (ii) Tài khoản phong tỏa không trùng với tài khoản thanh toán của Tổ Chức Phát Hành.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Không áp dụng.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối Cổ Phiếu không đáp ứng điều kiện tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn, hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán.

Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán, trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán trên 01 (*Một*) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (*Ba*) số liên tiếp và thu hồi số Cổ Phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hủy bỏ đợt chào bán.

- ***Phương thức thu hồi Cổ Phiếu đã chào bán:***
  - Đối với nhà đầu tư Cổ Phiếu đã lưu ký: Công Ty sẽ phối hợp cùng VSDC và các thành viên lưu ký (công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán và lưu ký Cổ Phiếu) để thực hiện thủ tục thu hồi Cổ Phiếu theo quy định của VSDC.
  - Đối với nhà đầu tư Cổ Phiếu chưa lưu ký: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục thu hồi Cổ Phiếu tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (vào các ngày làm việc trong tuần) theo thông báo của Công Ty về việc hủy bỏ đợt chào bán nêu trên.
- ***Phương thức hoàn trả tiền mua Cổ Phiếu cho nhà đầu tư:***
  - Trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu trực tuyến qua hệ thống giao dịch của Công Ty: Công Ty sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư vào tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mở tại Công Ty.
  - Trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu trực tiếp tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty và các Đại lý phân phối: Công Ty sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đăng ký mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư vào tài khoản ngân hàng/tài khoản giao dịch chứng khoán mà nhà đầu tư cung cấp trong Giấy đăng ký mua Cổ Phiếu gửi đến Công Ty.

- ***Các điều khoản cam kết về bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong trường hợp quá thời hạn thu hồi Cổ Phiếu và hoàn trả tiền mua Cổ Phiếu cho nhà đầu tư:***

  Trong trường hợp quá thời hạn hoàn trả toàn bộ tiền mua Cổ Phiếu cho các nhà đầu tư, Công Ty sẽ phải chịu lãi chậm trả tính trên số tiền trả chậm tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi toàn bộ số tiền chậm trả và tiền lãi chậm trả đã được thanh toán toàn bộ cho nhà đầu tư.

  Lãi chậm trả là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau thông thường (không bao gồm tiền gửi tiết kiệm online) bằng VND kỳ hạn 12 (*Mười hai*) tháng (hoặc tương đương) cao nhất dành cho khách hàng cá nhân được công bố trên website chính thức của 04 (*Bốn*) ngân hàng là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày đến hạn thanh toán.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo thông tin tại Mục IV.9 của Bản Cáo Bạch này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổ Chức Phát Hành là 100% (*Một trăm phần trăm*).

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/10/2026, Tổ Chức Phát Hành có tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%. Do đó, Tổ Chức Phát Hành không giới hạn nhà đầu tư nước ngoài đăng ký mua Cổ Phiếu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng này. Tổ Chức Phát Hành cam kết việc chào bán Cổ Phiếu đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Chứng Khoán và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công Ty. Trường hợp không đáp ứng điều kiện tại Khoản 2 Điều 77 Luật Chứng Khoán, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công Ty;
- Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công Ty;
- Nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của một công ty chứng khoán và người có liên quan của họ (nếu có), không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của Công Ty theo Điểm c Khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức… theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

- <u>Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:</u>

  Theo khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 54 Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập cá nhân quy định:

  Thuế TNCN phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

  Theo khoản 2 Điều 23 Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 quy định Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân không cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1%.

- <u>Thu nhập từ cổ tức:</u>

  Theo Luật Thuế Thu nhập cá nhân 2025 và Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân quy định:

- Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất 5%;
- Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn đối với trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông hiện hữu nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu là giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân với mệnh giá của cổ phiếu đó. Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá tại thời điểm chuyển nhượng thì tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đầu tư vốn theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng;
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán;
- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công

15.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
  - *Đối với tổ chức trong nước*: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 và có hiệu lực thi hành 01/10/2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ban hành ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.
  - *Đối với tổ chức nước ngoài*: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại Nghị định 320/2025/NĐ-CP ban hành ngày 15/12/2025 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức:

  Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 7, Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

16. Thông tin về các cam kết

16.1. Cam kết của cổ đông lớn

Tổ Chức Phát Hành có 01 cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("**HDBank**"). HDBank cam kết nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tối thiểu 01 (*Một*) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng của Công Ty, cụ thể như sau:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cam kết nắm giữ tối thiểu sau khi kết thúc đợt chào bán	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ tối thiểu sau khi kết thúc đợt chào bán (*)	Thời gian cam kết nắm giữ tối thiểu
HDBank	986.462.382	90,00%	20,00%	243.570.952	01 (*Một*) năm kể từ

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cam kết nắm giữ tối thiểu sau khi kết thúc đợt chào bán	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ tối thiểu sau khi kết thúc đợt chào bán (*)	Thời gian cam kết nắm giữ tối thiểu
					ngày kết thúc đợt chào bán Cổ Phiếu

(*) Giả định Công Ty chào bán thành công toàn bộ 121.785.476 Cổ Phiếu trong đợt chào bán

Đồng thời, HDBank cam kết HDBank và người có liên quan không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác, tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 74 Luật Chứng Khoán về điều kiện của cổ đông lớn để duy trì điều kiện cấp phép hoạt động của HDS.

16.2. Các cam kết của Tổ Chức Phát Hành

a) Cam kết về việc thực hiện niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ triển khai việc (i) nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HOSE song song với hồ sơ đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng tại UBCKNN; (ii) đăng ký, lưu ký tập trung toàn bộ cổ phiếu của Công Ty tại VSDC sau khi kết thúc đợt chào bán; và (iii) hoàn thiện việc đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công Ty tại HOSE sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp sau khi hoàn tất đợt chào bán mà Công Ty không đáp ứng đủ điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Công Ty cam kết sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công Ty trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định pháp luật.

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công Ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Chứng Khoán.

b) Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- Tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn như được quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán (trường không đáp ứng điều kiện này, đợt chào bán sẽ bị UBCKNN quyết định hủy bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Chứng Khoán);
- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích như được quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán;
- Việc chào bán Cổ Phiếu hoặc xử lý Cổ Phiếu Cần Phân Phối (nếu có) đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công Ty như được quy định tại Điều 77 Luật Chứng Khoán; Điều 139 Nghị Định 155; và Nghị Quyết ĐHĐCĐ;
- Việc phân phối Cổ Phiếu hoặc xử lý Cổ Phiếu Cần Phân Phối (i) tuân thủ quy định về xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ tại Điều 42 Nghị Định 155; (i) tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 74 Luật Chứng Khoán, đảm bảo duy trì điều kiện cấp phép hoạt động của CTCK sau khi kết thúc đợt chào bán; và (ii) đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh Nghiệp về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con;
- Tuân thủ quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên

quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị Định 155;

- Đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên HĐQT áp dụng đối với công ty niêm yết; đồng thời các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công Ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

17. Thông tin về kế hoạch đăng ký niêm yết

17.1. Kế hoạch dự kiến niêm yết

Tổ Chức Phát Hành dự kiến triển khai thực hiện việc đăng ký, lưu ký tập trung cổ phiếu tại VSDC và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành tại HOSE theo đúng quy định tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ và pháp luật hiện hành sau khi kết thúc đợt chào bán. Trong trường hợp không đáp ứng điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định pháp luật. Đồng thời, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công Ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Chứng Khoán.

17.2. Thông tin về việc đáp ứng điều kiện niêm yết

Công Ty đáp ứng điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 48 Luật Chứng Khoán và Khoản 1 Điều 109 Nghị Định 155, cụ thể như sau:

STT	Điều kiện theo quy định	Tham chiếu	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện
1	Là công ty cổ phần có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ đồng trở lên căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, đồng thời giá trị vốn hóa đạt tối thiểu 30 tỷ đồng tính theo bình quân gia quyền giá thanh toán cổ phiếu trong đợt chào bán ra công chúng gần nhất theo quy định của Nghị định này hoặc giá tham chiếu cổ phiếu giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM trung bình 30 phiên gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc bình quân gia quyền giá thanh toán trong đợt bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp cổ phần hóa.	Điểm a, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155	**Đáp ứng** - HDS là công ty cổ phần, căn cứ theo GCNĐKDN số 0304765811 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2006, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/11/2026. - HDS có Vốn điều lệ đã góp là 1.461.425.710.000 VND, căn cứ trên BCTC năm 2025 đã được kiểm toán; và 10.960.692.820.000 VND, căn cứ theo BCTC Quý III/2026. - Giá trị vốn hóa tại thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là 42.637.095.069.800 VND (với giá chào bán là 38.900 VND/cổ phiếu trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 1.096.069.282) căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026; Nghị quyết HĐQT số 62/2026/NQ-HĐQT ngày 29/09/2026 và Nghị quyết HĐQT số 74/2026/NQ-HĐQT ngày 03/11/2026.
2	Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết; đã giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM tối thiểu 02	Điểm b, Khoản 1, Điều 109,	**Đáp ứng** ĐHĐCĐ đã thông qua việc niêm yết, căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số

STT	Điều kiện theo quy định	Tham chiếu	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện
	năm, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đã chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa.	Nghị Định 155	03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026.
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5% và hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi; không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, trong trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc của kỳ lập báo cáo tài chính bán niên thì căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết mà nộp hồ sơ hợp lệ đến Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các chỉ tiêu nêu trên căn cứ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định.	Điểm c, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155	**Đáp ứng** ROE năm 2025 của HDS là 33,50% căn cứ trên các kết quả sau tại BCTC năm 2025 và năm 2024 đã được kiểm toán: - Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 1.036.850.223.167 VND - Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 là 2.710.915.917.469 VND - Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 là 3.479.834.840.812 VND. (*Trong đó, vốn chủ sở hữu tính ROE năm 2025 được tính bằng bình quân của Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024 và Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025*). - Hoạt động kinh doanh của năm 2024 và 2025 đều có lãi, căn cứ Lợi nhuận sau thuế của HDS năm 2024 là 536.875.663.281 VND, Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 1.036.850.223.167 VND tại BCTC năm 2024 và 2025 đã được kiểm toán. - HDS không có lỗ lũy kế căn cứ trên BCTC năm 2025 đã được kiểm toán, cụ thể chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2025 là 1.772.997.569.418 VND.
4	Trừ trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa, tổ chức đăng ký niêm yết phải có tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ; trường hợp vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Điểm d, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155	**Dự kiến đáp ứng** HDS có văn bản cam kết đáp ứng điều kiện này sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
5	Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các	Điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155	**Dự kiến đáp ứng** Cổ đông quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155 của HDS sẽ ký văn bản cam kết theo quy định này sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

STT	Điều kiện theo quy định	Tham chiếu	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện
	chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.		
6	Công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng Khoán.	Điểm e, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155	**Đáp ứng** HDS, người đại diện theo pháp luật của HDS cam kết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng Khoán.
7	Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán.	Điểm g, Khoản 1, Điều 109, Nghị Định 155	**Đáp ứng** HDS đã ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn số HD_NHDT-HO/IPO/[1111A]/2025 ngày 11/11/2025 với Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

17.3. Thông tin khác ảnh hưởng đến kế hoạch đăng ký niêm yết

Không có

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Tổ Chức Phát Hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để:

- Nâng cao tiềm lực tài chính và uy tín của Công Ty trên thị trường;
- Tăng quy mô vốn để bổ sung cho các hoạt động của Công Ty theo phương án sử dụng vốn.

2. Phương án khả thi

Không áp dụng.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không áp dụng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Với giả định số lượng Cổ Phiếu chào bán thành công là 121.785.476 Cổ Phiếu với giá chào bán là 38.900 VND (*Ba mươi tám nghìn chín trăm đồng*)/Cổ Phiếu, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán là 4.737.455.016.400 VND (*Bốn nghìn bảy trăm ba mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm đồng*) sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động kinh doanh của Công Ty phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng vốn (VND)	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1	Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	**2.842.473.009.840** (tương ứng **60%** số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)	Trong Quý IV năm 2026 đến hết Quý II năm 2027
2	Bổ sung vốn cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	**473.745.501.640** (tương ứng **10%** số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)	Trong Quý IV năm 2026 đến hết Quý II năm 2027
3	Đầu tư giấy tờ có giá	**1.421.236.504.920** (tương ứng **30%** số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)	Trong Quý IV năm 2026 đến hết Quý II năm 2027
	Trong đó:		
3.1	*Đầu tư trái phiếu chính phủ*	***710.618.252.460*** *(tương ứng **15%** số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)*	*Trong Quý IV năm 2026 đến hết Quý II năm 2027*
3.2	*Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp*	***710.618.252.460*** *(tương ứng **15%** số tiền dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán)*	*Trong Quý IV năm 2026 đến hết Quý II năm 2027*
	Tổng cộng	**4.737.455.016.400**	

- Tổng số tiền dự kiến thu được (bao gồm cả nguồn thặng dư) từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng theo tiến độ phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty theo các mục đích nêu trên để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công Ty trong từng thời kỳ.
- Trên cơ sở nguyên tắc phân bổ nêu trên và phụ thuộc vào số vốn thu được thực tế sau khi kết thúc đợt chào bán, HĐQT sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể của Công Ty để xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng vốn và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty, kế hoạch phát triển chung của Công Ty, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ. Trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị Định 155 và báo cáo lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất theo quy định pháp luật và Điều Lệ.
- Trong trường hợp chưa sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán theo các mục đích nêu trên, HĐQT sẽ phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán tạm thời nhàn rỗi vào mục đích gửi tiền tiết kiệm và/hoặc mua chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá 06 (*Sáu*) tháng để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công Ty, với điều kiện số tiền tạm thời nhàn rỗi sử dụng cho mục đích này nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán. Công Ty sẽ tất toán các khoản tiền tiết kiệm/chứng chỉ tiền gửi nêu trên (nếu phát sinh) để sử dụng cho các mục đích theo đúng thời hạn mà HĐQT đã thông qua.

- Trong trường hợp Công Ty không huy động đủ số tiền dự kiến để sử dụng cho các mục đích nêu trên thì số tiền thu được thực tế từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên sử dụng theo tỷ lệ như sau:

  (i) Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: **60%** số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán;

  (ii) Bổ sung vốn cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán: **10%** số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán;

  (iii) Đầu tư trái phiếu chính phủ: **15%** số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán;

  (iv) Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp: **15%** số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán.

- Với trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến từ đợt chào bán để sử dụng cho các mục đích nêu trên, Công Ty sẽ tìm kiếm các nguồn vốn hợp pháp khác để đảm bảo triển khai kế hoạch kinh doanh đã được hoạch định, theo các phương án như: (i) huy động từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, các định chế tài chính khác trong và ngoài nước; (ii) huy động thông qua chào bán trái phiếu theo hình thức riêng lẻ/ra công chúng; và/hoặc (iii) huy động nguồn vốn từ các nhà đầu tư chiến lược/đối tác tiềm năng khác (nếu có).

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Đại lý phân phối

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 Fax: (+84) 28 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3823 3301 Fax: (+84) 28 3823 3299

Website: www.hsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

CÔNG TY TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 29 Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7105 0000

Website: www.deloitte.com/southeast-asia/en/about/vietnam

Tổ chức kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2026 và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 10.961 tỷ đồng:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7105 0000

Website: www.deloitte.com/southeast-asia/en/about/vietnam

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 Fax: (+84) 28 3824 2997

Website: www.ssi.com.vn

Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán:

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã thu thập được về Công ty Cổ phần Chứng khoán HD và đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của HDS, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn, SSI có một số nhận định như sau: Mặc dù thời gian đi vào hoạt động sau khi tái cấu trúc chưa lâu, HDS với những lợi thế trong hoạt động kinh doanh được hỗ trợ bởi ngân hàng mẹ HDBank, đồng thời được dẫn dắt bởi một đội ngũ lãnh đạo, cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao, đã được kiểm chứng bằng các kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng và việc HDS đã nhanh chóng vươn lên trở thành một trong những CTCK hàng đầu những năm gần đây, đặc biệt là trong mảng Ngân hàng đầu tư. Chúng tôi đánh giá HDS sẽ vẫn tiếp tục trên đà tăng trưởng mạnh dựa vào lợi thế cạnh tranh khác biệt của mình, đồng thời có định hướng phát triển hoàn toàn phù hợp với triển vọng của ngành chứng khoán nói riêng và ngành tài chính nói chung.

Khối lượng chào bán lần đầu ra công chúng của HDS là 121.785.476 cổ phiếu, là đợt chào bán có quy mô tương đối phù hợp với nhu cầu đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường so với các đợt chào bán những doanh nghiệp khác trên TTCK Việt Nam gần đây. Với vị thế hiện tại và triển vọng tăng trưởng của Công Ty, Tổ Chức Tư Vấn đánh giá việc hoàn tất đợt chào bán này là khả thi.

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[*Phần còn lại của trang được cố ý để trống*]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VŨ HỮU ĐIỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÀ QUỲNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KIÊM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

NGUYỄN THANH HUYỀN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

KT. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

NGUYỄN THỊ THANH HÀ

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I :

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304765811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/11/2026;
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006, được điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/06/2026;

2. Phụ lục II :

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 v/v phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán (kèm theo Tờ trình ĐHĐCĐ số 07/2026/TTr-HĐQT ngày 02/04/2026);
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2026 v/v báo cáo tình hình triển khai phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (kèm theo Tờ trình ĐHĐCĐ số 16/2026/TTr-HĐQT ngày 06/10/2026);
- Nghị quyết HĐQT số 62/2026/NQ-HĐQT ngày 29/09/2026 v/v phê duyệt triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán;
- Nghị quyết HĐQT số 74/2026/NQ-HĐQT ngày 03/11/2026 v/v phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung của phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;

3. Phụ lục III :

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD;

4. Phụ lục IV :

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được soát xét;
- Báo cáo tài chính Quý III năm 2026;
- Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2026 đã được kiểm toán.